

VŨ QUỐC TUẤN (chủ biên)

Phát triển  
kinh tế  
tư nhân  
ở Việt Nam hiện nay

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
Hà Nội - 2006

**CHỦ BIÊN:**

**VŨ QUỐC TUẤN**

**TẬP THỂ TÁC GIẢ:**

**CÁC THÀNH VIÊN, CHUYÊN GIA TƯ VẤN  
BAN NGHIÊN CỨU CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Kinh tế tư nhân ở nước ta gồm: kinh tế hộ gia đình, kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân rộng khắp trong cả nước đã đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế đất nước, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, tăng ngân sách, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Cùng với các thành phần kinh tế khác, sự phát triển của kinh tế tư nhân đã góp phần giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động trong xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy vậy, kinh tế tư nhân nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém, phần lớn có quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý yếu kém, còn có nhiều khó khăn, vướng mắc về vốn, về môi trường pháp lý, vi phạm pháp luật, trốn lậu thuế, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép...

Nghị quyết Đại hội X của Đảng xác định, khuyến khích

kinh tế tư nhân phát triển, không ngừng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh góp phần tạo thêm nhiều việc làm, đầu tư nhiều hơn vào khu vực sản xuất, tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động công ích. Nhằm góp phần vào việc thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách ***Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay*** do tập thể các chuyên gia tư vấn thuộc Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ biên soạn, Vũ Quốc Tuấn chủ biên. Các tác giả đã đi sâu phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn, trình bày quá trình tìm tòi, thử nghiệm, đột phá, đấu tranh tư tưởng và tổng kết sự phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở Việt Nam trong đó kinh tế tư nhân là bộ phận quan trọng. Đồng thời phân tích, nhận dạng và dự báo xu hướng phát triển kinh tế tư nhân, đề xuất một số chính sách, giải pháp phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn tới.

Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế. Do đó cuốn sách hy vọng chỉ là sự gợi mở, nêu vấn đề, rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của độc giả.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 7 năm 2006*  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

## MỞ ĐẦU

Phát triển kinh tế tư nhân là một nhiệm vụ quan trọng trong đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xét về mặt quan hệ sở hữu, kinh tế tư nhân bao gồm kinh tế hộ gia đình, kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân. Trong nhiều tài liệu và công trình nghiên cứu, kinh tế hộ gia đình cả trong nông nghiệp gồm trang trại và phi nông nghiệp (cá thể, tiểu chủ) được gộp chung với các loại hình doanh nghiệp của tư nhân (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh) và được gọi chung là kinh tế tư nhân. Để dễ theo dõi, trong cuốn sách này kinh tế tư nhân được chia làm hai khu vực kinh tế hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ và doanh nghiệp tư nhân.

Đại hội lần thứ IX của Đảng tháng 4 năm 2001 đã khẳng định “Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế

kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân... *Kinh tế cá thể, tiểu chủ* cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ phát triển... Khuyến khích phát triển *kinh tế tư bản tư nhân* rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm”<sup>1</sup>.

Tháng 2 năm 2002, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX có Nghị quyết chuyên về kinh tế tư nhân, trong đó nhấn mạnh: "Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 95,96,98.

nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế"<sup>1</sup>.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX tháng 2 năm 2004 chủ trương: "Phát huy cao độ các nguồn lực trong nhân dân, phát triển mạnh và có hiệu quả hơn nữa *kinh tế tư nhân*, không hạn chế về quy mô. Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi hơn nữa cho sự phát triển các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn"<sup>2</sup>.

Đại hội lần thứ X của Đảng tháng 4 năm 2006 tiếp tục khẳng định: "Tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình kinh tế tư nhân đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật, không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn"<sup>3</sup>.

Quốc hội, Chính phủ đã thể chế hoá đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân với phương châm vừa tạo điều kiện thuận lợi vừa điều tiết, hướng dẫn

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 57, 58.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 83,84.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 236-237.

phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai mươi năm qua, kinh tế tư nhân ở nước ta tăng nhanh về số lượng và chất lượng, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, xã hội của đất nước. Đóng góp lớn nhất và quan trọng nhất của kinh tế tư nhân là tạo việc làm và góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội. Năm 2004, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 38,5% GDP của cả nước<sup>1</sup>.

Mấy năm gần đây, đặc biệt là sau khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ năm 2000, tốc độ tăng trưởng của khu kinh tế tư nhân nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và các thành phần kinh tế khác. Doanh nghiệp tư nhân có chỉ số phát triển hàng năm trong những năm đầu của thập kỷ này đạt trên 10%, trong khi đó chỉ số chung của toàn nền kinh tế từ 7% đến 8,5%.

Đa số các doanh nghiệp tư nhân được hình thành trong khoảng 15 năm qua và tăng với tốc độ nhanh hơn các thành phần kinh tế khác. Hộ kinh tế gia đình có số lượng đông đảo, là tiền đề cho phát triển doanh nghiệp tư nhân, tổ hợp tác và hợp tác xã.

Phát triển kinh tế tư nhân là một vấn đề mới và phức tạp, do đó ở đây chúng tôi chỉ tập trung trình bày

---

1. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2004*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2005, tr. 74.



ba nội dung, vừa cơ bản, vừa cấp bách. Chương I trình bày về sự hình thành và phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam; Chương II trình bày thực trạng phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay; Chương III: Kinh nghiệm của Trung Quốc và những vấn đề rút ra cho Việt Nam và Chương IV nêu mục tiêu, quan điểm và một số chính sách, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay.

## *Chương I*

# HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

### **1. Cơ sở lý luận và thực tiễn cho sự phát triển kinh tế tư nhân**

Chúng ta đã trải qua một quá trình tìm tòi, thử nghiệm, đột phá, đấu tranh tư tưởng và tổng kết thực tiễn rất gian khổ trước khi hình thành chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần tại Đại hội VI của Đảng năm 1986.

Ở Việt Nam thực chất khởi đầu đổi mới, trong đó có việc mở đường phát triển kinh tế tư nhân, diễn ra từ năm 1979, khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khoá IV của Đảng với chủ trương làm cho sản xuất "bung ra"<sup>1</sup>. Hội nghị tập trung vào những biện pháp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 39, 48.

nhằm khắc phục những yếu kém trong quản lý kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa; điều chỉnh những chủ trương, chính sách kinh tế, phá bỏ rào cản, mở đường cho sản xuất phát triển; ổn định lương thực trong 5 năm, phân dôi ra được bán cho Nhà nước hoặc lưu thông tự do; khuyến khích mọi người tận dụng ao hồ, ruộng đất hoang hoá; đẩy mạnh chăn nuôi gia đình dưới mọi hình thức (quốc doanh, tập thể, gia đình); sửa lại thuế lương thực; sửa lại chế độ phân phối trong nội bộ hợp tác xã nông nghiệp, bỏ lối phân phối theo định xuất, định lượng để khuyến khích tích tích cực của người lao động...

Trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu; cải tiến các chính sách lưu thông phân phối (giá, lương, tiền, tài chính, ngân hàng); đổi mới công tác kế hoạch hoá, kết hợp kế hoạch với thị trường, kết hợp ba lợi ích: Nhà nước, tập thể, cá nhân người lao động.

Những chủ trương đó đã nhanh chóng được nhân dân cả nước đón nhận và biến thành hành động cụ thể. Sau 3 tháng thực hiện, ở Hà Nội có 1.529 hộ gia đình đăng ký kinh doanh sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp. Kinh tế hộ gia đình ở Thành phố Hồ Chí Minh phát triển mạnh. Tỉnh Long An từ năm 1981 đã thực hiện thí điểm mô hình theo cơ chế "mua cao, bán

cao" thay cho "mua cung, bán cấp"; bù giá vào lương.

Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Nghệ Tĩnh... được phép thí điểm hình thức khoán. Trên cơ sở đó, Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp ra đời. Chủ trương khoán này nhằm phát huy quyền làm chủ và tính tích cực trong sản xuất của mọi người, mọi gia đình, khuyến khích hơn nữa lợi ích thiết thân của người lao động, làm cho người lao động thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng, do đó mà tăng thêm nhiệt tình lao động và khả năng sản xuất. "Khoán 100" đã bước đầu tạo ra một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, bước đầu xác định quyền tự chủ của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh, với chủ trương "ba phần kế hoạch" (phần Nhà nước giao có vật tư bảo đảm, phần xí nghiệp tự làm, phần sản phẩm phụ) theo Quyết định 25-QĐ/CP ngày 21-1-1981 của Hội đồng Bộ trưởng, cùng với Quyết định 26-QĐ/CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, khoán sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh được áp dụng.

Trên lĩnh vực cải tạo xã hội chủ nghĩa, vấn đề sử dụng các thành phần kinh tế đã được đặt ra; từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt các tổ chức sản xuất

phù hợp; chính sách đối với kinh tế cá thể từng bước được điều chỉnh cho đúng với thực tế hơn; nhấn mạnh chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, mệnh lệnh, làm ô ạt gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Như vậy, đến đầu những năm 1980, đã khẳng định sự cần thiết phải kết hợp kế hoạch và thị trường, kết hợp thị trường có kế hoạch với thị trường không có kế hoạch; có sự nhìn nhận tích cực hơn đối với kinh tế tư nhân; xem tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá đúng, sai của chính sách kinh tế là năng suất lao động có được nâng cao hay không, có làm cho sản xuất phát triển và đời sống nhân dân được cải thiện hay không.

Hội nghị Trung ương 8 khoá V (tháng 6 năm 1985) chủ trương dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế một giá; xoá bỏ cơ chế cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động trong sản xuất, kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; chuyển ngân hàng sang hạch toán kinh doanh. Điểm quan trọng là Hội nghị này đã thừa nhận sản xuất hàng hoá và quy luật của sản xuất hàng hoá.

Tháng 8 năm 1986, trong quá trình chuẩn bị Dự thảo báo cáo trình Đại hội VI, Bộ Chính trị đã xem xét kỹ các vấn đề lớn, mang tính bao trùm trên các lĩnh vực kinh tế, từ đó đưa ra kết luận đối với một số vấn đề

thuộc về quan điểm kinh tế: trong bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng được phát triển có chọn lọc; trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; trong cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch hoá làm trung tâm, nhưng đồng thời phải sử dụng đúng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; chính sách giá phải vận dụng quy luật giá trị, tiến tới thực hiện cơ chế một giá.

Như vậy từ Hội nghị Trung ương 6 khoá IV năm 1979 đến khi chuẩn bị Đại hội VI (tháng 8 năm 1986), chúng ta đã bước đầu chấp nhận kinh tế tư nhân và kinh tế hàng hoá, dù còn nhiều hạn chế về quy mô và lĩnh vực hoạt động, nhưng đã lập tức nảy sinh vướng mắc về lý luận vì đụng đến nguyên lý cơ bản của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa (theo nhận thức cũ). Câu hỏi đặt ra: "Chủ nghĩa xã hội có đặc điểm ưu việt là kinh tế công hữu và kế hoạch hoá tập trung, nay lại mở đường cho kinh tế tư nhân và thị trường? Có thể lợi trước mắt, nhưng lâu dài liệu còn chủ nghĩa xã hội?" Hầu như mọi vấn đề lý luận nảy sinh từ bước mở đầu phát triển kinh tế tư nhân cho đến nay đều xoay quanh câu hỏi đó.

Dẫu còn ý kiến băn khoăn, cuộc mở đường và phát

triển vẫn diễn ra trước hết do áp lực mạnh mẽ từ thực tế - đông đảo nhân dân và đảng viên, cán bộ đã rất năng động, tìm tòi, sáng tạo nhiều nhân tố mới; không thụ động chấp hành theo "cơ chế không phù hợp thực tế"; đòi hỏi "cởi trói", "tháo gỡ" để sản xuất bung ra, cứu vãn đời sống nhân dân đang quá khó khăn thiếu thốn. Khó khăn đó có nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp là do một số sai lầm trong cải tạo, tập thể hoá và sự duy trì cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, ngăn cấm kinh tế tư nhân và quan hệ thị trường. Vào thời gian đó, nguồn vật tư, hàng hoá và tài chính trong tay Nhà nước đã cạn kiệt, trong khi nguồn này trong dân còn nhiều. Thực tế đó đòi hỏi phải "tháo gỡ" từng bước cho kinh tế tư nhân và tự do trao đổi hàng hoá. Sự tháo gỡ nhanh chóng đưa lại hiệu quả nổi bật, càng giúp khẳng định quyết tâm tháo gỡ.

Cùng với áp lực đổi mới từ thực tế cuộc sống, về mặt tư tưởng lý luận, ngay từ buổi đầu đã gặp thuận lợi do trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa lúc ấy đang có trào lưu trở lại những tư tưởng trong Chính sách kinh tế mới của Lênin, nổi bật nhất là sự tất yếu phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Việt Nam chấp nhận phát triển kinh tế tư nhân và quan hệ thị trường trong trào lưu chung của cả hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. Việt Nam là nước vừa mới bước vào xây

dụng kinh tế sau chiến tranh, tự biết mình còn hạn chế về cả lý luận và kinh nghiệm, nên đã rất coi trọng việc tổ chức nghiên cứu, học tập, khai thác kiến thức và kinh nghiệm quốc tế.

Tuy nhiên, đặc điểm nổi bật của bước mở đường đổi mới ở Việt Nam là cuộc tìm tòi đổi mới trên thực tế của nhân dân. Trên đất nước ta, các năm từ 1979 đến Đại hội VI (1986) Đảng và Nhà nước đã liên tục cổ vũ và tạo thành phong trào tìm tòi sáng tạo và phát huy nhân tố mới trên thực tế. Qua đó, từng bước tổng kết, định ra ban hành chính sách và thể chế mới.

Bước đổi mới chính sách kinh tế của Đảng ở Đại hội lần thứ VI (1986), kế đó là của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (1989) khoá VI là thành quả tổng kết thực tiễn, tự chủ vận dụng sáng tạo tư tưởng Lênin về phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và quan hệ thị trường để xúc tiến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với Việt Nam. Đường lối đổi mới của Đại hội VI, phù hợp thực tế cách mạng Việt Nam và ý nguyện của dân nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo cơ sở lý luận cho việc củng cố niềm tin mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân đối với sự nghiệp của Đảng. Tồn tại, phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường ở nước ta xu hướng không thể đảo ngược dù gặp không ít khó khăn, vướng mắc, thăng trầm. Kế tục đường lối của Đại hội VI



về phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường, Đại hội VII (1991) đã tiếp tục cổ vũ, khuyến khích mạnh mẽ. Mặt khác, cũng còn một số điểm gây băn khoăn trong Đảng và nhân dân về kinh tế tư bản tư nhân là đối tượng đối lập với chủ nghĩa xã hội?

Những băn khoăn vướng mắc đó tồn tại kéo dài cho đến Đại hội IX. Đại hội IX đã đánh giá công tác lý luận còn yếu kém bất cập, nhiều vấn đề đặt ra chưa có được lời giải phù hợp, trong đó có vấn đề kinh tế tư nhân.

Vậy, trên thực tế, tại sao kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường vẫn phát triển? Điều đó có nguyên nhân quan trọng là việc Đảng và Nhà nước đã xúc tiến mạnh mẽ quá trình lập pháp, tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển kinh tế thị trường nhiều thành phần và kinh tế tư nhân nói riêng.

Sau Đại hội VI, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều Nghị quyết, chỉ thị về phát triển kinh tế ngoài quốc doanh. Năm 1990, Quốc hội đã thông qua Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân. Hiến pháp 1992 khẳng định vai trò hợp hiến của kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản tư nhân nói riêng. Điều 16 của Hiến pháp đã xác định 5 thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước. Điều 22 ghi rõ "Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế phải thực

hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đều bình đẳng trước pháp luật, vốn và tài sản hợp pháp được Nhà nước bảo hộ"<sup>1</sup>.

“Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được liên doanh, liên kết với cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật”<sup>2</sup>.

Trong hơn 10 năm qua, hệ thống pháp luật Việt Nam trong đó có Luật Dân sự, Luật Kinh tế và kinh doanh đã liên tục được ban hành và hoàn thiện. Năm 2000, Luật Doanh nghiệp được ban hành (thay cho Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân trước đây). Đạo luật này đi vào cuộc sống rất nhanh, tạo ra bước phát triển đột biến của kinh tế tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân từ năm 2000 đến nay.

Như vậy, trên thực tế quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo thúc đẩy một lĩnh vực hệ trọng nhất trong lãnh đạo và quản lý kinh tế - lĩnh vực thể chế hoá, đổi mới, tạo lập và hoàn thiện cơ sở hợp hiến, hợp pháp cho hoạt động của các thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp phát triển. Thể chế hoá chức năng hoạt động thực tiễn cơ bản nhất cho cơ quan quản

---

1, 2. *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980, 1992 và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 129, 130.

lý kinh tế; đưa chính sách của Đảng vào cuộc sống, đồng thời qua đó tổng kết thực tế hoàn thiện chính sách. Đã có nhiều hoạt động lý luận gắn liền và phục vụ thể chế hoá. Tuy còn là bước đầu, thể chế hoá là vấn đề cơ bản của việc xây dựng nhà nước pháp quyền và tạo lập đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Dầu sao, thành quả đã đạt được là rất quan trọng - kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường đã có vai trò hợp hiến, hợp pháp.

Hệ thống pháp luật mới được ban hành và liên tục hoàn thiện đã cổ vũ và bảo đảm pháp lý để mọi người kinh doanh, kể cả tư nhân ngày càng yên tâm phát triển. Đáng lưu ý các năm từ sau Đại hội VIII, đã liên tục có diễn đàn hợp tác đối thoại cởi mở giữa lãnh đạo và cơ quan nhà nước hữu quan với giới kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, mà chủ đề là xây dựng và thực thi thể chế kinh tế và kinh doanh.

Nhờ kết quả ban hành và thực thi thể chế đường lối, chính sách kinh tế đổi mới của Đảng như vậy, mới có thể có bước phát triển liên tục của kinh tế tư nhân trong những năm qua, đặc biệt là có những bước phát triển đột biến từ năm 2000 đến nay.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X tiếp tục khẳng định:

- Cơ cấu kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế;

- Xác định quan hệ giữa các giai cấp và tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, cùng nhau đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhìn tổng quát, có thể thấy rõ trong công cuộc đổi mới ở nước ta nói chung và nói riêng trong bước mở đường và phát triển kinh tế tư nhân, đã diễn ra cuộc tìm tòi đổi mới mang tính nhân dân, tính xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đã có vai trò mở đường, khuyến khích, định hướng và điều tiết rất rõ. Bản thân cuộc tìm tòi đổi mới đó bao hàm quá trình đổi mới tư duy, lý luận gắn với thực tiễn xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế. Nhờ kết quả của đổi mới mấy chục năm, đã cung cấp thêm chất liệu mới và kinh nghiệm cụ thể làm phong phú đường lối đổi mới của Đảng, giải đáp được những vấn đề lý luận thực tiễn cuộc sống đặt ra.

## **2. Nhận dạng và dự báo xu hướng phát triển**

*a) Nhận định mới của Đảng ta về những biến đổi trong cơ cấu kinh tế và giai cấp - xã hội*

Theo biện chứng lịch sử mà học thuyết hình thái

kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin là hạt nhân thì việc đánh giá và xác định phương hướng phát triển xã hội phải xuất phát từ nền tảng kinh tế và giai cấp - xã hội. Tính tất yếu và khả năng đi lên chủ nghĩa xã hội cũng phải xem xét từ nền tảng kinh tế - xã hội.

Đại hội IX của Đảng đánh giá, trải qua quá trình cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo, "cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp - xã hội ở nước ta đã có những biến đổi to lớn"; "Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng"<sup>1</sup>. Như vậy, có thể nói cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp - xã hội mới xã hội chủ nghĩa đã hình thành ở nước ta. Chính sự hợp tác đó đang trở thành động lực thúc đẩy quá trình đổi mới nước ta đi đúng hướng.

Đại hội X của Đảng nhấn mạnh: "*Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nước*"<sup>2</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 85.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 76.

Đây là kết quả tổng kết thực tiễn rất cơ bản, là tất yếu khách quan và đặc thù của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đã vạch rõ sự xuất hiện nền tảng kinh tế - xã hội mới của sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chính nền tảng kinh tế - xã hội mới đó đang tạo khả năng phát huy sức mạnh toàn dân tộc lên tầm cao mới.

Chúng ta cần lưu ý rằng, nhận định mới của Đại hội X về nguồn lực phát triển cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là sự kế tục và phát triển cách nhìn nhận của Đảng từ các Đại hội trước đây về những biến đổi trong cơ cấu kinh tế - xã hội nước ta. Từ đó đã từng bước có quan điểm mới về quan hệ kinh tế và giai cấp - xã hội trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây cũng chính là sự kế tục và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trên vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam - mối quan hệ giai cấp - dân tộc, mối quan hệ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Cần và có thể nói rằng, thành quả lớn và hệ trọng nhất của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam là sự hình thành cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp - xã hội mới. Đó là thành quả có ý nghĩa lịch sử: cải biến cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp - xã hội cũ có giai cấp áp bức bóc lột gắn với đối kháng giai cấp;

từng bước tạo lập cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp - xã hội cùng với quan hệ giai cấp - xã hội mới - quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân. Như vậy, trải qua 75 năm từ ngày Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, với hơn 60 năm có chính quyền cách mạng, 30 năm giải phóng, thống nhất đất nước và đi lên chủ nghĩa xã hội trên cả nước, bước đầu chúng ta đã thực hiện được một mục tiêu cơ bản của lý tưởng cộng sản: "Tạo lập xã hội mới có khả năng loại trừ quan hệ giai cấp đối lập, đối kháng".

Quan điểm mới của Đảng ta về cơ cấu kinh tế và giai cấp - xã hội đã đặt nền tảng tư tưởng và phương pháp luận, để từ đó có thể nhận dạng đánh giá và dự báo sự phát triển kinh tế tư nhân.

*b) Nhận dạng, đánh giá và dự báo xu hướng phát triển kinh tế tư nhân*

Hiện tượng mới rất hệ trọng của bước chuyển sang nền kinh tế thị trường ở nước ta trong 20 năm vừa qua là sự phát triển và tạo thành khu vực kinh tế tư nhân rộng lớn.

Trước hết đó là sự xuất hiện nền nông nghiệp chuyển sang kinh tế hộ tự chủ, trong đó đang phát triển quan hệ hợp tác, liên kết và hợp tác xã kiểu mới với nhiều ngàn trang trại. Khoảng trên 50 triệu dân, với

gần 11 triệu hộ nông dân trong khu vực này cơ bản đã nắm quyền tự do làm ăn sinh sống. Đây là nguồn gốc chính của mọi thành tựu ngoạn mục trên mặt trận nông nghiệp từ cuối những năm 1980 đến nay.

Trong công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ ở thành thị và nông thôn, cũng đã khôi phục và phát triển khu vực kinh tế tư nhân rộng lớn. Khoảng hơn 2,5 triệu hộ kinh doanh, 200 ngàn doanh nghiệp bước đầu nắm quyền tự do làm ăn sinh sống; đã có đóng góp quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế, là khu vực có công đầu về tạo hàng triệu việc làm mới, nay đang còn ẩn giấu nhiều tiềm năng lớn. Ở khu vực này, cũng đang phát triển quan hệ liên doanh liên kết hợp tác và hợp tác xã kiểu mới.

Khu vực kinh tế tư nhân có ở toàn bộ các ngành nông, công, thương, dịch vụ. Sự tạo thành khu vực dân doanh với khoảng 70 triệu dân là thành quả dân chủ lớn về kinh tế - xác lập quyền tự do làm ăn sinh sống của đại đa số người dân; là thành quả cách mạng và đổi mới của Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Kinh tế tư nhân rộng lớn đã kéo theo sự ra đời của cộng đồng công dân lao động tự do. Sức sống và xu hướng phát triển của nó là sự thể hiện ý nguyện và lợi ích của đông đảo nhân dân, của dân tộc Việt Nam.

Một số xu hướng phát triển kinh tế tư nhân đang



ngày càng định hình rõ nét. Chẳng hạn:

- Xu hướng mở rộng quy mô và tăng tỷ trọng kinh tế tư nhân trong nền kinh tế nước ta, nổi bật nhất là quy mô dân số, lao động, đầu tư, GDP. Đây là khu vực sẽ dẫn đầu về tốc độ và hiệu quả.

- Xu hướng nâng cao vai trò kinh tế tư nhân trong việc giải quyết những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chính trị to lớn: tiết kiệm đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá; nâng cao khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập; tạo việc làm, cải thiện điều kiện lao động và đời sống người lao động, xoá đói, giảm nghèo.

- Xu hướng hình thành nhiều triệu hộ kinh doanh, trong đó 10 năm tới sẽ có hàng triệu cơ sở kinh doanh cỡ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa hầu hết là doanh nghiệp tư nhân và hợp tác.

- Xuất hiện một số doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn và ngày càng lớn. Nhiều doanh nghiệp tư nhân Việt Nam kinh doanh trong nước và ở nước ngoài. Doanh nghiệp của người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng gắn bó với đất nước.

- Xu hướng mang nhân tố xã hội hoá xã hội chủ nghĩa là phát triển quan hệ liên doanh, liên kết hợp tác giữa các thành phần và loại hình doanh nghiệp, phát triển hợp tác xã kiểu mới và doanh nghiệp cổ phần công

chúng. Các công ty tư nhân với sự góp vốn và tham gia góp vốn rộng rãi của cổ đông trong toàn quốc, ngày càng trở thành những động lực to lớn tạo ra tăng trưởng, công ăn, việc làm, phúc lợi xã hội và sự thịnh vượng cho dân tộc. Xu hướng này gắn liền với sự hình thành môi trường pháp lý bảo đảm tự do liên kết hợp tác và cạnh tranh theo hệ thống luật thống nhất.

Có thể nói, nền kinh tế thị trường nhiều thành phần bao gồm kinh tế tư nhân, trong điều kiện xã hội và chính trị nước ta, với vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước, đương nhiên mang xu hướng phát triển xã hội chủ nghĩa. Điều quan trọng nhất là nền kinh tế đó đang tỏ ra đủ sức loại trừ khả năng tái xuất hiện cơ cấu kinh tế và giai cấp - xã hội có đối lập, đối kháng làm mất sức mạnh cộng đồng trong cuộc hội nhập đua tranh phát triển.

Cần lưu ý rằng, trên mặt trận lý luận không phải chỉ có một cách đánh giá mà có nhiều cách nhìn nhận, đánh giá, dự báo khác nhau. Nhiều kiến nghị về vấn đề này đã được trình bày trong quá trình trù bị Đại hội IX. Chương trình khoa học cấp nhà nước KX-05 *Hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, đã cảnh báo rất gay gắt: "Trong xã hội của thời kỳ quá độ còn tồn tại các giai cấp bóc lột; chúng chống lại sự nghiệp xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Chính sự chống đối đó của bọn bóc lột khiến giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải tiến hành cưỡng bức đối với chúng, trấn áp chúng bằng bạo lực" và "xã hội trong thời kỳ quá độ không chỉ còn giai cấp bóc lột mà còn cả các giai cấp và tầng lớp trung gian khác. Do địa vị kinh tế - xã hội của mình, họ dễ dao động ngã nghiêng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, họ không thể tự mình tiến lên chủ nghĩa xã hội"<sup>1</sup>. Kiến nghị này đã không được Đại hội IX chấp nhận. Trong một số giáo trình lý luận chính trị cũng đã trình bày đậm nét cách đánh giá, nhìn nhận như Chương trình KX-05. Nhận định của Đại hội IX về cơ cấu kinh tế và giai cấp - xã hội ở nước ta đã kết luận khác hẳn Chương trình KX-05 và giải đáp vấn đề này. Đây là bước tiến rất cơ bản về quan điểm, chính sách, bảo đảm tính nhất quán của chính sách và phù hợp thực tế Việt Nam.

### **3. Vai trò định hướng, điều tiết của chính sách và pháp luật**

Ở nước ta phát triển nền kinh tế thị trường nhiều

---

1. GS. Nguyễn Đức Bình - GS. PTS. Trần Ngọc Hiền - GS. Đoàn Trọng Truyền - Nguyễn Văn Thảo - PGS. PTS. Trần Xuân Sâm (đồng chủ biên): *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 66, 67.

thành phần trong điều kiện có chính quyền nhân dân do Đảng lãnh đạo, đã xoá bỏ chế độ cũ cùng các giai cấp áp bức, bóc lột. Câu hỏi được đặt ra là phải chăng: phát triển kinh tế như vậy là chấp nhận đến mức nào đó sự tái sinh giai cấp hay tầng lớp "bóc lột" và "bị bóc lột" như đã có trong xã hội cũ? Hay ngược lại, đây là sự phát triển kinh tế thị trường với cơ cấu kinh tế và giai cấp - xã hội mới, có thể loại trừ khả năng tái sinh quan hệ "bóc lột" và "bị bóc lột" ? Để giải đáp vấn đề này, trước hết chúng ta cần thấy rằng phát huy vai trò của Đảng, Nhà nước trong định hướng và điều tiết các mối quan hệ kinh tế và giai cấp - xã hội, thông qua chính sách và luật pháp.

*a) Vai trò định hướng, điều tiết của chính sách phát triển*

Trong đời sống kinh tế - xã hội nước ta, mọi quan hệ kinh tế và giai cấp - xã hội được định hướng, điều tiết bởi chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước thực thi chính sách đó. Đương nhiên mối quan hệ giữa người sử dụng lao động với người lao động làm công ăn lương cũng được định hướng và điều tiết như vậy. Đảng và Nhà nước xuất phát từ thực tế, đã đề ra và liên tục hoàn thiện chính sách và luật pháp. Từ đó nâng cao hiệu lực định hướng và điều tiết.

Đường lối của Đảng về phát triển kinh tế thị trường được đề ra từ Đại hội VI (năm 1986) và không ngừng được hoàn thiện. Đại hội lần thứ X của Đảng khẳng định: "Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh"<sup>1</sup>.

Sự khẳng định như vậy không phải là mong muốn chủ quan, mà là kết quả tổng kết thực tiễn. Thật vậy, trên đất nước ta trong bước phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng, mối quan hệ giữa người kinh doanh sử dụng nhiều lao động với hàng triệu người lao động làm công ăn lương dẫu còn là quan hệ giữa người có quyền áp bức bóc lột với người bị áp bức bóc lột như ở các xã hội cũ.

Những năm vừa qua, do việc thực hiện Điều lệ Đảng: "đảng viên có lao động, không bóc lột" đã gây ra lúng túng về mặt xử lý đảng viên. Đồng thời, làm cho giới kinh doanh tư nhân nghi ngại chính sách khuyến khích phát triển của Nhà nước. Trước thực tế đó, Đảng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 83.

và Nhà nước quyết định ban hành Luật Doanh nghiệp (năm 2000) sửa đổi bổ sung năm 2005. Đó là sự khẳng định tính chiến lược lâu dài của chính sách. Hội nghị Trung ương 5 khoá IX (2002), xuất phát từ quan điểm cơ bản của Đại hội IX, đã đẩy tới một bước sự nhất quán của chính sách trên với hai điều rất quan trọng: "Bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cả người lao động và người sử dụng lao động. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở pháp luật và tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái" và "Những đảng viên đang làm chủ doanh nghiệp của tư nhân chấp hành tốt Điều lệ Đảng và luật pháp, chính sách của Nhà nước thì vẫn là đảng viên của Đảng"<sup>1</sup>. Những quyết định đó của Đảng và Nhà nước nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo ra sự tăng đột biến về số lượng doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh trong khu vực tư nhân từ năm 2000, đến nay vẫn còn trên đà phát triển mạnh.

Nhìn nhận toàn diện các nhân tố khách quan về kinh tế - xã hội - văn hoá và chính trị, có thể thấy rõ Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trải qua quá trình phát triển, được tôi luyện gần một thế kỷ trong đấu tranh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 67,68.

cách mạng có chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn đường, hoàn toàn có khả năng tạo lập quan hệ hợp tác và đấu tranh nội bộ nhân dân, dân tộc để tạo động lực và hợp lực phát triển định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, có thể loại trừ sự tái xuất hiện quan hệ giai cấp có bóc lột và bị bóc lột kéo theo mâu thuẫn đối kháng, làm suy yếu sức mạnh cộng đồng trong hội nhập kinh tế và đua tranh phát triển.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX của Đảng đề ra chủ trương “Toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi, từng nhà làm giàu cho mình, cho cộng đồng cơ sở và cho đất nước”<sup>1</sup>. Làm giàu không chỉ là việc tốt, mà còn là một việc khó. Không nhìn thấy cơ hội, không chấp nhận rủi ro và không huy động được nguồn lực thì không thể làm giàu. Vấn đề không phải ai cũng nhìn thấy cơ hội; không phải ai cũng chấp nhận rủi ro; không phải ai cũng biết huy động nguồn lực. Ba kỹ năng quan trọng nói trên chỉ những nhà đầu tư kinh doanh mới có. Chính vì vậy, nếu đội ngũ này ngày một nhiều hơn, ngày một giỏi hơn, thì sự thịnh vượng cũng sẽ đến với dân tộc ta ngày một nhanh hơn.

Phát triển kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái là một chủ

---

1. *Sđd*, tr. 180.

trương lớn nhằm thực hiện phát triển bền vững. Vậy việc làm giàu tự nó có thực hiện được công bằng hay không?. TS. Nguyễn Sỹ Dũng cho rằng, giàu có và công bằng là hai chuyện khác nhau. Tuy nhiên, công bằng là việc của Nhà nước nhiều hơn là việc của doanh nhân. Chúng ta đã từng được hưởng sự công bằng trong nghèo khổ và hiểu ra rằng đó không phải là thứ công bằng mà chúng ta muốn có. Mà như vậy thì giàu có phải xảy ra trước. Và sự ủng hộ của doanh nhân là cần thiết để điều đó xảy ra. Suy cho cùng, chúng ta không thể nào chia nhau miếng da của con gấu còn chưa săn được<sup>1</sup>.

*b) Luật pháp là công cụ thực thi chính sách phát triển*

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường, Nhà nước ta đã và đang xây dựng, thực thi hệ thống luật kinh tế và kinh doanh, nhằm thực thi đường lối của Đảng, khuyến khích người dân mở mang kinh doanh hợp pháp, theo mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Yêu cầu cơ bản nhất với mọi người làm ăn và kinh doanh là "tuân theo pháp luật" trong đó có Luật Lao động. Đây không chỉ là

---

1. TS. Nguyễn Sỹ Dũng: "Thịnh vượng sẽ đến nhanh hơn, nếu...". Báo *Tuổi trẻ*, ngày 13-10-2005, tr. 1, 13.



yêu cầu cơ bản, mà còn là yêu cầu rất cao, yêu cầu tất yếu để đi tới một hệ thống luật kinh doanh và lao động cơ bản thống nhất cho mọi thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp.

Xét riêng về quan hệ giữa người sử dụng nhiều nhân công và người làm công ăn lương trong khu vực kinh tế tư nhân, luật pháp bảo vệ quyền lợi hợp lý của cả hai phía. Trên thực tế xây dựng văn bản pháp luật và thực thi nó trong cuộc sống, đã có tình hình: không cần, không thể và chưa bao giờ trực tiếp đặt ra việc xây dựng văn bản xác định rõ tầng lớp nào, người kinh doanh cụ thể nào, với quy mô và hình thức kinh doanh nào là thuộc loại có "bóc lột". Đã không cần và không thể đặt ra việc ban hành tiêu chuẩn phân định thành phần tiểu chủ, tư bản tư nhân... Trong khi đó, Luật Doanh nghiệp với việc áp dụng chế độ đăng ký kinh doanh thay cho chế độ xin phép, đã khiến đông đảo người kinh doanh càng vững tin, rất hăng hái tự đăng ký, tự xưng danh trước pháp luật và công chúng như một sự tăng đột biến, bùng nổ được xã hội mong đợi. Không đặt ra việc xem xét, xác định và xử lý "quan hệ bóc lột", song Nhà nước và pháp luật từ lâu nay đã hoàn toàn cần và thực tế phải thực thi cơ chế giám sát xử lý hoạt động kinh doanh nói chung và quan hệ lao động nói riêng về tính hợp pháp hay phi pháp.

Chính nền pháp chế mới trên thực tế đang hình

thành và hoàn thiện từng bước công cụ định hướng tạo lập quan hệ mới, tạo khả năng đẩy lùi, loại trừ các nhân tố tiêu cực trong xã hội. Hệ thống luật pháp hoàn thiện và có hiệu lực trong thực tế đã đặt biển cấm sự xuất hiện tầng lớp người có đặc quyền bóc lột cũng như tầng lớp cam chịu bị bóc lột. Nhìn rộng hơn, mọi doanh nghiệp còn liên tục chịu sự giám sát, không chỉ của Nhà nước mà còn của chính người lao động, của toàn xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội và dân sự, của công luận. Sự giám sát như vậy không dừng ở tính hợp pháp hay phi pháp, mà còn ở sự bình luận, phán xét theo các chuẩn mực văn hoá và tinh thần, theo thuần phong mỹ tục... Như vậy, cùng với chính sách và luật pháp, sự định hướng và điều tiết, giám sát các quan hệ kinh tế và quan hệ lao động nói riêng còn là sự giám sát có tính văn hoá, xã hội.

*c) Phấn đấu vì "quyền lao động" hợp hiến của công dân*

Điều 55 của Hiến pháp đã ghi:

"Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Nhà nước và xã hội có kế hoạch tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động"<sup>1</sup>.

---

1. *Hiến pháp Việt Nam năm (1946, 1959, 1980, 1992 và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 140.

Với công dân, quyền lao động - quyền có việc làm, là điều cơ bản nhất của quyền công dân. Rất tiếc là ở nước ta "cung về lao động đã rất lớn, nhưng cầu chưa đủ mạnh" khiến quá nhiều người dân chưa có cơ hội tìm được việc làm, càng khó tìm việc làm phù hợp. Nạn thừa người, thiếu việc trước hết rơi vào lớp người đến tuổi ra trường, vào đời. Mặc dù mỗi năm đất nước đã tạo thêm trên 1 triệu chỗ việc làm mới, nhưng lao động dư thừa đang tồn đọng rất lớn ở nông thôn. Từ nhiều năm nay, nghề nông vẫn giữ tỷ trọng trên 60% lao động xã hội, khiến đời sống nhà nông rất khó cải thiện. Biết bao gia đình thuộc loại thu nhập trung bình và thấp chủ yếu là nông dân, đang vét cạn vốn liếng để đầu tư cho con em ăn học và tìm việc làm, hy vọng thoát khỏi nghề nông. Hàng triệu người lao động nam, nữ, cho đến thiếu niên, đã tự phát dấn thân vào cuộc di cư và du cư tìm kế sinh nhai, chấp nhận mọi khó khăn để tìm việc làm khả dĩ có thu nhập.

Thực tế đó chứng tỏ người lao động nước ta rất năng động, cần cù, nhẫn nại. Đồng thời cũng nói lên chính sách và môi trường xã hội nước ta chưa đủ sức tăng cầu lao động với tốc độ cao và hợp lý để giải quyết công ăn việc làm. Hiện nay, do rất thiếu khả năng, nên Hiến pháp chưa thể đặt nhiệm vụ Nhà nước và xã hội bảo đảm quyền có việc làm của công dân, càng chưa thể có

bảo hiểm thất nghiệp với mọi người lao động. Gánh nặng này đang buộc các gia đình tự lo.

Của cải lớn nhất của nước ta là con người, là cộng đồng lao động. Lãng phí lớn nhất về vật chất và tinh thần là chưa toàn dụng được lao động. Người lao động chịu thiệt thòi lớn nhất là người chưa có việc làm và thất nghiệp. Với họ, có việc làm hợp pháp ổn định đã là sự đổi đời.

Phát triển toàn diện con người cả trí lực, thể lực và nhân cách với đời sống vật chất và văn hoá không ngừng được nâng cao trong môi trường xã hội và tự nhiên lành mạnh, vừa là mục tiêu vừa là nhân tố quyết định nhịp độ và chất lượng phát triển của đất nước, giải quyết việc làm.

Tiếp tục coi trọng hàng đầu việc bảo đảm và nâng cao chất lượng dạy và học, học và hành ở tất cả các cấp học. Phát triển hệ thống dạy nghề, nhất là các nghề trong lĩnh vực nông nghiệp và dạy nghề cho nông dân. Gắn kết giáo dục - đào tạo với nghiên cứu khoa học - công nghệ, và cả hai lĩnh vực này phải bám sát nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, phát triển các tài năng và nhu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và quản lý. Nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước đi đôi với việc xã hội hoá, huy động toàn xã hội tham gia bằng nhiều hình thức vào sự

phát triển giáo dục-đào tạo và khoa học - công nghệ. Đẩy lùi ba lực cản chính trong việc chấn hưng giáo dục-đào tạo: tư duy cũ, bảo thủ, giáo điều; trí tuệ (hiểu biết) và kinh nghiệm, nhất là năng lực thực hành kém; phẩm chất xấu, ham và cố giữ chức, quyền, hám danh, lợi nhất là lợi. Triển khai thực hiện đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo Luật Giáo dục năm 2005.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2000 - 2010 được Đại hội IX thông qua đã dự tính đến năm 2010 số lao động đến độ tuổi ở nước ta là 56,8 triệu, tăng 11 triệu so với năm 2000. Văn kiện Đại hội X ghi rõ: Đến năm 2010, tốc độ phát triển dân số khoảng 1,14%. Lao động nông nghiệp dưới 50%. Phấn đấu tạo việc làm 5 năm cho 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5%, hộ nghèo giảm còn 10-11%<sup>1</sup>. Như vậy mỗi năm cần tạo ra trên 1 triệu việc làm mới cho số lao động mới tăng thêm, chưa kể việc giảm thất nghiệp. Hơn nữa, còn có nhu cầu rất bức bách rút bớt lao động từ nông nghiệp sang các lĩnh vực ngoài nông nghiệp - trong 10 năm tới phải phấn đấu rút trên 10 triệu lao động. Chỉ như vậy đời sống nông dân mới có thể cải thiện.

---

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 189.

Thực tế phát triển kinh tế cũng đã làm rõ khả năng tạo thêm việc làm. Khả năng đó của khu vực nhà nước là có hạn, nhất là về thu hút số lượng lao động. Khu vực kinh tế tư nhân và hợp tác, với quy mô kinh doanh từ hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ, hợp tác xã đến quy mô doanh nghiệp các loại là nơi đã và đang tạo ra ngày càng nhiều việc làm. Doanh nghiệp do nước ngoài đầu tư cũng góp phần. Có khả năng lớn về xuất khẩu lao động ngày càng nhiều. Từ mấy chục năm nay, Đảng và Nhà nước đã cổ vũ, khuyến khích người có vốn, có tài mở mang sản xuất, kinh doanh hợp pháp không hạn chế về quy mô. Quy mô kinh doanh hợp pháp càng lớn càng được coi trọng. Chính đó là con đường tạo cầu, tăng cầu về lao động. Lớp nhà kinh doanh tạo cầu về lao động càng đông đảo, làm cho nhu cầu số lượng lao động ngày càng lớn với cơ cấu và chất lượng ngày càng cao là trực tiếp mở rộng cơ hội để mọi người lao động có thể tìm việc làm phù hợp, phấn đấu nâng cao trình độ và tăng thu nhập.

Tiến bước trên con đường đó, nước ta càng phải sớm phấn đấu phát triển để cho cầu lao động lớn hơn cung, tức là phải có được sự khan hiếm lao động, nhất là lao động chất lượng cao. Chỉ đến lúc ấy, thu nhập lao động mới chắc chắn đạt mức cao; thất nghiệp được bảo hiểm trên toàn xã hội, tức là đủ khả năng thực thi quyền lao

động của công dân. Như vậy, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là con đường xây dựng và toàn dụng lao động với trình độ và chất lượng ngày càng cao nhằm mưu cầu tự do, hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người và cộng đồng lao động.

*d) Kinh tế nhà nước với cuộc tổng động viên lực lượng các thành phần kinh tế*

Kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước ở nước ta hiện nay đang gặp hai thách thức gay gắt. Một là, doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa thể chuyển sang chế độ tự chủ kinh doanh năng động trên thị trường. Từ đó cản trở bước chuyển sang kinh tế thị trường của toàn bộ nền kinh tế. Hai là, đây là khu vực kinh tế mang bệnh quan liêu, tham nhũng nặng mà nguồn gốc là từ thể chế quản lý cũ, đã dành cho nó đặc quyền, đặc lợi, gắn chặt kinh tế công hữu với nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị.

Doanh nghiệp nhà nước đang nắm giữ trên một nửa nguồn lực quốc gia (tài sản cố định, vốn đầu tư nhà nước, tín dụng ngân hàng trong nước, nguồn nhân lực có chất lượng cao), nhưng sự đóng góp của doanh nghiệp nhà nước cho nền kinh tế mới chiếm khoảng 40% tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Từ năm 1992 đến

hết năm 2003, cả nền kinh tế thu nhận được thêm 9 triệu lao động, thì khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng thêm được gần 200 nghìn người, còn hơn 8 triệu lao động mới thuộc về kinh tế dân doanh.

Năm 2003, trong số 77% doanh nghiệp nhà nước có lãi, chỉ có chưa đầy 40% doanh nghiệp có mức lãi bằng hoặc cao hơn lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại. Nhưng, nếu đưa giá trị quyền sử dụng đất vào chi phí và cắt bỏ các khoản ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước thì số doanh nghiệp nhà nước làm ăn có lãi còn ít hơn. Tổng số vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước khoảng 189 nghìn tỷ đồng thì tổng số nợ phải trả đã trên 300 nghìn tỷ đồng. Điều đó nói lên sự kém hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước<sup>1</sup>.

Nhiều doanh nghiệp nhà nước có trình độ công nghệ dưới mức trung bình của thế giới và khu vực; máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất lạc hậu so với thế giới từ 10 đến 20 năm, 38% thiết bị chờ thanh lý. Tốc độ đổi mới công nghệ chậm (khoảng 10%/ năm).

---

1. Xem: Bộ Tài chính: *Phương hướng, giải pháp tài chính đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước đến 2010*, Báo cáo do Thứ trưởng Bộ Tài chính trình bày tại Hội nghị sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước toàn quốc, Hà Nội, ngày 15-16 tháng 3 năm 2004.



Sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung và của doanh nghiệp nhà nước nói riêng yếu. Báo cáo *Năng lực cạnh tranh toàn cầu* của Diễn đàn kinh tế Thế giới năm 2004 xếp hạng năng lực cạnh tranh của 104 nước trong năm 2003-2004, trong đó năng lực cạnh tranh của Việt Nam xếp thứ 77, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam xếp thứ 73.

Tóm lại, chất lượng phát triển của doanh nghiệp nhà nước trong thời gian qua còn khoảng cách khá xa mới đáp ứng được yêu cầu vươn lên để đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội, chấp hành pháp luật của doanh nghiệp nhà nước chưa thể nói là tốt hơn so với các thành phần kinh tế khác.

Từ thực trạng đó, kinh tế nhà nước, trong đó có doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí quan trọng nhất nhưng không phát huy vai trò nền tảng chủ đạo, nêu gương dẫn dắt các thành phần kinh tế khác, đã trở thành khu vực kinh tế, hoạt động theo luật riêng, biệt lập với khu vực kinh tế dân sự. Kinh tế nhà nước đang nắm giữ những ngành và doanh nghiệp lớn, có tính chi phối toàn bộ nền kinh tế. Nếu khu vực này chưa thoát khỏi trạng thái như trên nói, thì đất nước không thể tạo lập nền kinh tế thị trường lành mạnh.

Trước xu thế hội nhập khu vực và quốc tế, tất cả các

thành phần kinh tế nước ta đang ở tư thế chưa sẵn sàng. Trước hết, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế nhà nước với thực lực của đội quân chủ lực, nhưng cơ bản chưa thoát khỏi mô hình cũ. Khu vực kinh tế tư nhân tuy rộng lớn, song cơ bản là kinh tế hộ quy mô nhỏ. Những doanh nghiệp nhỏ và vừa, mới ra đời trên 15 năm gần đây còn nhiều non yếu, hơn nữa chưa thật vững tâm làm ăn lớn và lâu dài. Như vậy, ở nước ta kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân đều đang gặp trắc trở trong bước chuyển sang nền kinh tế thị trường và đua tranh hội nhập.

Nguồn gốc của tình hình đó, suy đến cùng là do chính sách và thể chế về kinh tế thị trường nhiều thành phần của chúng ta còn có chỗ chưa thật phù hợp, chưa nhất quán. Báo cáo chính trị tại Đại hội IX Đảng ta đã có những nhận định đánh giá rất mới về cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội, về quan hệ hợp tác và đấu tranh giữa các giai cấp và các tầng lớp trong nội bộ nhân dân, về mục tiêu chung và động lực sức mạnh tổng hợp của toàn bộ dân tộc.

Chúng ta cần đổi mới chính sách, thể chế phù hợp và nhất quán hơn để tổng động viên lực lượng của các thành phần kinh tế thực hiện thắng lợi mục tiêu chung phát triển bền vững:

- Kinh tế nhà nước, bao gồm doanh nghiệp nhà

nước, thật sự đổi mới, làm đúng vai trò chủ đạo đầu đàn trong liên kết hợp tác nhiều thành phần, theo tinh thần dân chủ để tạo thành sức mạnh tổng hợp của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

- Sớm tạo môi trường kinh tế - xã hội bình đẳng, các loại hình doanh nghiệp đều hoạt động theo hệ thống luật kinh doanh trên một thị trường xã hội thống nhất và hội nhập.

- Trên nền tảng kinh tế nhiều thành phần như vậy, đồng thời đổi mới Nhà nước và hệ thống chính trị theo hướng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sẽ tạo khả năng thúc đẩy cải cách nền hành chính gắn với đổi mới kinh tế, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế.

Đó là những vấn đề rất cơ bản bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa - dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Ngược lại, định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp như vậy sẽ mở đường giải phóng và tổng động viên lực lượng các thành phần kinh tế.

#### **4. Khả năng định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nước ta**

Từ Đại hội VI của Đảng, quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã trở thành quan

điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam, đưa tới sự hồi sinh thật sự của nền kinh tế hàng hoá, tạo ra bước tiến tất yếu nhưng cũng rất phức tạp. Từ đó, vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế được đặt ra hoàn toàn mới. Cần khẳng định rằng, quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá gồm nhiều thành phần không hề là chủ trương khôi phục nền kinh tế cũ, cũng không phải là sự chấp nhận con đường kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trái lại, đó là chủ trương nhằm thiết lập một nền kinh tế mới về chất, mới về nguyên tắc, phù hợp với tất yếu lịch sử khách quan. Trong sự luận chứng cho vấn đề này, không thể không bắt đầu từ quan hệ sở hữu, hơn nữa từ tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Đại hội VII của Đảng đã xác định: trong nền kinh tế nước ta có ba hình thức sở hữu cơ bản (toàn dân, tập thể, tư nhân). Từ ba hình thức sở hữu cơ bản đó đã tạo ra nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và những loại hình doanh nghiệp rất đa dạng. Hiện tượng đó không thể lý giải đơn giản như bước lùi về quan hệ sở hữu (chấp nhận tư hữu, thu hẹp công hữu) để phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất còn thấp kém của nước ta.

Đúng là lực lượng sản xuất của nước ta còn thấp kém. Đó là một mặt. Mặt khác, quan trọng hơn, là do ảnh hưởng của cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại

và sự phát triển nền kinh tế thị trường đang quốc tế hoá, ngay trong lực lượng sản xuất của nước ta đã có những nhân tố mới về chất đưa tới sự tất yếu tồn tại lâu dài ba hình thức sở hữu cơ bản trong quá trình phát triển xã hội chủ nghĩa. Có thể nêu lên một số nhân tố khách quan quy định tính tất yếu đó sau đây:

*Trước hết*, các dạng của cải với tư cách lực lượng sản xuất theo quan niệm hiện đại không chỉ là hoặc chủ yếu là của cải ở dạng vật thể. Dạng của cải xem như lực lượng sản xuất ngày càng quan trọng là chất xám, thông tin, quan hệ kinh doanh (chữ tín trên thị trường...). Đây là dạng của cải thường gắn với cá nhân người lao động, do đó mang tính tư nhân về sở hữu, đồng thời có thuộc tính xã hội hoá cao trong lao động sản xuất, kinh doanh.

*Thứ hai*, trong quá trình xã hội hoá lực lượng sản xuất của nền kinh tế hiện đại, cùng với xu hướng hình thành những doanh nghiệp lớn, khổng lồ (đại doanh nghiệp tư bản hoặc doanh nghiệp xã hội chủ nghĩa), đồng thời cũng phát triển xu hướng vi hoá: hình thành nhiều loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với sở hữu tư nhân, đặt trong quan hệ phân công, hiệp tác, liên kết tạo thành nền kinh tế nhiều tầng năng động và có hiệu quả cao.

*Thứ ba*, trong điều kiện nền kinh tế thị trường

mọi dạng của cải với tư cách đối tượng sở hữu đều có giá trị tính bằng tiền, được xử lý theo quan điểm tài chính, có thể trở thành vốn sản xuất có sinh lợi. Nói cách khác, mọi của cải của người dân có thể chuyển thành tiền bạc, được xã hội sử dụng thành vốn có sinh lợi cho chủ sở hữu.

Chính do những nhân tố đó mà trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất và nền kinh tế thị trường ở nước ta những năm gần đây đã có xu hướng hữu sản hoá đông đảo người lao động, trong quan hệ đan kết với sở hữu toàn dân và tập thể. Ngay ở các nước tư bản phát triển, cũng có xu hướng hữu sản hoá những người lao động có thu nhập cao, và duy trì sở hữu của chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chứ không chỉ có xu hướng đại tư bản hoá và vô sản hoá. Từ đó, có thể thấy nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa khác nhau không phải ở sự đa dạng về hình thức sở hữu, hay ở sự tồn tại tư hữu. Chỗ khác nhau là trong mỗi hệ đó có nhân tố chủ đạo định hướng riêng: một bên là đại doanh nghiệp tư bản, một bên là đại doanh nghiệp xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, còn phải kể đến tính chất nhà nước của ai và vì ai.

Có thể đi tới kết luận: cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội là nền kinh tế xã hội hoá chứ không phải là nền kinh tế công cộng hoá như quan niệm cũ. Công cộng

hoá về sở hữu chỉ là một mặt của xã hội hoá. Chính với xu hướng xã hội hoá như vậy, có thể khẳng định chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá với ba hình thức sở hữu cơ bản, tạo thành nền kinh tế nhiều thành phần với các loại hình doanh nghiệp đa dạng là chiến lược lâu dài, mà ngay từ bước đầu đã mang bản chất xã hội chủ nghĩa.

Bởi vậy, có thể nói ở nước ta hiện nay trong điều kiện có Nhà nước cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, đã xoá bỏ các giai cấp địa chủ và tư sản, nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần trong nội bộ nhân dân đã ra đời. Đó là nền kinh tế mang bản chất mới về nguyên tắc so với nền kinh tế trong xã hội cũ. Trong nền kinh tế mới, các thành phần không tồn tại biệt lập đối lập như hai phía trong cuộc đấu tranh ai thắng ai, mà ngày càng mở rộng liên kết hợp tác; đồng thời có đấu tranh, đua tranh phát triển. Các thành phần bình đẳng trước pháp luật, liên kết hợp tác theo nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, cùng có lợi, trong đó kinh tế nhà nước là nòng cốt giữ vai trò chủ đạo. Nền kinh tế ấy tất yếu có thể đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bằng con đường của chế độ kinh tế hợp tác xã hội chủ nghĩa, không phải kinh qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là con đường mà Lênin đã phát hiện và khởi xướng trong Chính sách kinh tế mới (NEP) với tư tưởng về chế độ

hợp tác và chủ nghĩa tư bản nhà nước (gọi tắt là tư tưởng về chế độ kinh tế hợp tác).

Như vậy, ở nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua chế độ phát triển tư bản chủ nghĩa, là mô hình nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phát triển theo chế độ kinh tế hợp tác với định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế ấy, với tư cách phương thức sản xuất là tương đương với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xét về quá trình và trình độ phát triển lực lượng sản xuất, cũng như quá trình phát triển nền kinh tế hàng hoá, nhưng khác cơ bản về quan hệ kinh tế - xã hội (thành phần kinh tế chủ đạo, cơ cấu và quan hệ giai cấp... ). Các yếu tố tư hữu tồn tại trong đó tất yếu được định hướng phát triển theo con đường hợp tác hoá xã hội chủ nghĩa. Tính tự phát tư bản chủ nghĩa của người sản xuất hàng hoá nhỏ còn là một khả năng khách quan, nhất là trong bước đầu, nhưng không phải là khả năng chủ yếu, cho nên có thể loại trừ. Bản chất nền kinh tế mới là chế độ kinh tế hợp tác hiểu theo tư tưởng Lênin.

Tư tưởng về chế độ kinh tế hợp tác như vậy là quan điểm cơ bản của sự thiết lập từng bước nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chưa phát triển. Ở nước ta, nền kinh tế mới không ra đời trên cơ sở chủ nghĩa tư bản đã phát triển; cũng không phải



đợi đến sau khi đã có sự phát triển tương ứng về lực lượng sản xuất. Nó đã ra đời như cái thay thế cho mô hình nền kinh tế phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, là con đường đã không mở ra trên thực tế lịch sử Việt Nam. Phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa không phải là một định mệnh.

Chế độ kinh tế hợp tác, xét về bản chất cũng là chế độ kinh tế dân chủ trong điều kiện lịch sử - cụ thể. Ở nước ta, chế độ chính trị mới dù ở bước đầu với tư cách chế độ dân chủ, cần phải có và đã bắt đầu có cái gốc là chế độ kinh tế hợp tác. Chế độ kinh tế phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa cường điệu sự tự do phát triển cá nhân tư bản, đưa tới nền dân chủ tư sản, tư sản nắm thực quyền. Chế độ kinh tế công cộng hiện vật bình quân với cơ chế hành chính tập trung mà chúng ta áp dụng trước đây đã kiềm chế cá nhân vì cộng đồng, trong đó bộ máy cầm quyền nhân danh cộng đồng không tránh khỏi quan liêu, mất dân chủ. Chế độ kinh tế hợp tác thật sự tôn trọng cá nhân, phát triển cá nhân trong quan hệ hợp tác, tạo cơ sở cho chế độ dân chủ mang bản chất nhân dân, bản chất xã hội chủ nghĩa. Đó là nền dân chủ trong đó quyền công dân về kinh tế trước hết là quyền tự do hợp tác lao động và tích lũy phát triển sản xuất kinh doanh.

Chỉ với chế độ kinh tế hợp tác theo nguyên tắc dân

chủ tự nguyện cùng có lợi giữa mọi công dân thuộc các giai cấp và tầng lớp trong nội bộ nhân dân như vậy, mới có cơ sở kinh tế để xây dựng Nhà nước thật sự là Nhà nước nhân dân có Đảng Cộng sản lãnh đạo; mới có thể tạo thành khối đại đoàn kết thống nhất ý chí và hành động của toàn dân trên cơ sở thống nhất lợi ích kinh tế; tạo thành cao trào toàn dân tiến quân trên mặt trận kinh tế, tạo khả năng đi vào tổ chức có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội, trên nền tảng dân chủ đấu tranh chống quan liêu.

Nhận thức bản chất nền kinh tế mới, nền dân chủ mới đang hình thành ở nước ta như vậy là tối cần thiết để nhất quán thực hiện quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách mới của Đảng, giải phóng lực lượng sản xuất của mọi thành phần kinh tế làm ăn hợp pháp, tạo thành khối liên minh kinh tế và tổ chức lực lượng của mọi thành phần vào đội quân đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Khối liên minh kinh tế như vậy là cơ sở của liên minh chính trị các lực lượng xây dựng chủ nghĩa xã hội trong Mặt trận Tổ quốc. Sự mở rộng tổ chức của Công đoàn và Hội Nông dân sang tất cả các thành phần kinh tế; ngay cả sự nhìn nhận vai trò người đảng viên trên mặt trận kinh tế cần đặt trong khối liên minh kinh tế và chính trị, trong chế độ kinh tế hợp tác trên cơ sở nhận thức bản chất nền kinh tế mới. Thiếu sự nhận

thức lại một cách nhất quán, sẽ không tránh khỏi đem con mắt cũ nhìn nhận nền kinh tế mới đang hình thành; không tránh khỏi sự tùy ý du nhập những phạm trù và công thức của nền kinh tế cũ, trong đó có giai cấp và mâu thuẫn giai cấp đối kháng, vào nền kinh tế mới trong nội bộ nhân dân. Sự du nhập như thế không tránh khỏi đưa tới sự thiếu nhất quán về lý luận và chính sách.

## *Chương II*

# **THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

### **1. Quá trình hình thành và phát triển**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng năm 1986 mở ra bước phát triển cho nền kinh tế nhiều thành phần. Tiếp theo đó, Nghị định 221, 222 của Chính phủ cho phép tư nhân hoạt động, năm 1989 cho phép kinh doanh vàng bạc, nhập khẩu phi mậu dịch, chấp nhận cá nhân xây nhà ở, các cải cách thị trường về giá, tỷ giá, kinh tế hộ gia đình phát triển. Tháng 12 năm 1990, Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân được thông qua, chính thức khai sinh cho doanh nghiệp thuộc kinh tế tư nhân. Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua tháng 6 năm 1999, có hiệu lực từ tháng 1 năm 2000 là bước đột phá quan trọng.

Kể từ năm 2000, số lượng doanh nghiệp của tư nhân mới đăng ký liên tục tăng nhanh. Năm 2000, số

doanh nghiệp được đăng ký là 14.413, đến năm 2004 con số này là 36.795. Theo ước tính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư<sup>1</sup> trong 5 năm 2001-2005 có 151.004 doanh nghiệp của tư nhân đăng ký kinh doanh đưa tổng số doanh nghiệp của tư nhân ở nước ta đến cuối năm 2005 lên khoảng 20 vạn.

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có khoảng 80% đến 85% số doanh nghiệp đăng ký đang hoạt động. Theo Tổng cục Thuế, đến hết tháng 7-2003 trên cả nước có khoảng 1.650 doanh nghiệp đã đăng ký, nhưng không còn hiện diện nơi đăng ký (chiếm khoảng 2,3% tổng số doanh nghiệp đã đăng ký).

Số doanh nghiệp không hoạt động do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là: mất cơ hội kinh doanh, dự tính sai cơ hội kinh doanh, tự ý rút khỏi thị trường không báo cáo; một số doanh nghiệp thành lập để mua bán hoá đơn giá trị gia tăng.

Như vậy, tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, không hoạt động sau đăng ký ở nước ta không cao hơn so với các nước khác. Hoa Kỳ có 10% số doanh nghiệp giải thể trong năm đầu hoạt động. Các nước thành viên của Tổ

---

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010*, Hà Nội, tháng 9 năm 2005, tr. 184.

chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) có từ 20-40% số doanh nghiệp giải thể trong 2 năm đầu hoạt động<sup>1</sup>.

Số doanh nghiệp kinh tế tư nhân có đến 31 tháng 12 năm 2003 do Tổng cục Thống kê công bố<sup>2</sup> là 60.374, trong khi đó con số của Bộ Kế hoạch đưa ra tại cùng thời điểm là 12 vạn (từ năm 1991-1999 có 4 vạn, năm 2000 có 14.413; năm 2001 có 19.773; năm 2002 có 21.523; năm 2003 có 27.753 doanh nghiệp kinh tế tư nhân đăng ký<sup>3</sup>). Như vậy sự chênh lệch số doanh nghiệp kinh tế tư nhân có đến cuối năm 2003 giữa 2 cơ quan công bố là gần một nửa.

Theo Nick Freeman, Nguyễn Văn Làn, Nguyễn Hạnh Nam<sup>4</sup> con số do Tổng cục Thống kê công bố thường nhỏ hơn 40% so với các con số về đăng ký kinh

---

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Báo cáo tóm tắt 4 năm thi hành Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội, tháng 11 năm 2003, tr. 4.

2. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê năm 2004*, tr. 485.

3. Bộ Kế hoạch và đầu tư: *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010*, tháng 9 năm 2005, tr. 184.

4. Nick Freeman, Nguyễn Văn Làn, Nguyễn Hạnh Nam, chuyên đề nghiên cứu kinh tế tư nhân, số 20 năm 2005 *Đánh giá thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam, con số và thực trạng*, MPDF/IFC, chương trình phát triển kinh tế tư nhân, tr. V.

doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đưa ra. Mức độ chênh lệch này không chỉ việc sử dụng các quy trình thu nhập dữ liệu khác nhau mà các con số này dùng để đánh giá các hiện tượng khác nhau: số lượng đăng ký do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố và doanh nghiệp đang hoạt động do Tổng cục Thống kê công bố.

Mặc dù con số đăng ký kinh doanh cao là một dấu hiệu tích cực đối với sự phát triển tích cực của kinh tế tư nhân, nhưng cũng phải thận trọng sử dụng con số này để đánh giá tốc độ phát triển. Theo mẫu điều tra 300 doanh nghiệp do Nick Freeman, Nguyễn Văn Làn, Nguyễn Hạnh Nam tiến hành, 16% doanh nghiệp được khảo sát đã từng đăng ký kinh doanh trước khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực tháng 1 năm 2000; 45% số doanh nghiệp đã từng tồn tại dưới hình thức không chính thức (như các hộ kinh doanh gia đình) đã quyết định đăng ký theo Luật Doanh nghiệp.

Cơ cấu các loại hình doanh nghiệp đã có sự thay đổi theo hướng tích cực. Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần tăng từ 36% trong giai đoạn 1991-1999 lên gần 68% so với tổng số doanh nghiệp đăng ký đến hết tháng 6 năm 2005. Trong khi đó, vào cùng thời điểm doanh nghiệp tư nhân giảm từ 64% xuống còn 31,8% trong giai đoạn 2001-2005. Sự thay đổi trên chứng tỏ các nhà đầu tư đã ý thức được những điểm lợi

và bất lợi của từng loại hình doanh nghiệp; xu hướng ngày càng rõ hơn về sự lựa chọn loại hình doanh nghiệp hiện đại, tạo điều kiện tốt hơn trong huy động và sử dụng nguồn lực, giảm bớt rủi ro, phát triển ổn định với quy mô lớn hơn, quản trị nội bộ ngày càng chính quy và minh bạch hơn.

Số lượng doanh nghiệp và vốn đăng ký, tập trung nhiều nhất ở vùng Đông Nam Bộ, chiếm 40,7% số doanh nghiệp đăng ký mới với 36,5% tổng vốn đăng ký. Vùng Đồng bằng sông Hồng tỷ lệ đó là 29,8% và 34,6%. Vùng Tây Bắc có tỷ lệ đó thấp nhất: 0,94% và 0,79%<sup>1</sup>.

Theo số liệu thống kê và báo cáo của các tỉnh, thành phố các doanh nghiệp của tư nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp chiếm 17%, xây dựng 14%, nông nghiệp 14%, các hoạt động dịch vụ khác chiếm 55%.

Ngoài số doanh nghiệp của tư nhân đăng ký nêu trên, còn có hơn 15.000 chi nhánh, văn phòng đại diện và hơn 2,5 triệu hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp<sup>2</sup> và gần 11 triệu hộ nông dân.

---

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Báo cáo 3 năm thực hiện Nghị định 90/2001 ngày 23 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa* (tại Hội nghị Chính phủ ngày 19 tháng 8 năm 2005), tr. 2.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Báo cáo tóm tắt 4 năm thi hành Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội, tháng 11 năm 2003, tr. 3.



Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh của kinh tế hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ là chủ yếu gắn với nông - lâm - ngư nghiệp, hình thành và phát triển ở các vùng nông thôn. Kinh tế trang trại được coi là điểm tựa để phát triển hàng hoá quy mô lớn, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, mặt nước, tạo việc làm, đem lại cách làm mới, phát triển thị trường ở nông thôn. Đặc biệt, từ sau khi có Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 2-2-2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại, các trang trại đã gia tăng nhanh về số lượng, mở rộng về quy mô và bước đầu được chuyên môn hoá<sup>1</sup>.

Kinh tế tư nhân ở cả nông thôn phần lớn được tập trung trong các làng nghề. Hiện nay cả nước có khoảng 2.017 làng nghề, trong đó có khoảng 300 làng nghề truyền thống (kể cả phố nghề) có từ hàng trăm năm nay, bao gồm hàng triệu cơ sở sản xuất, kinh doanh từ hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp tư nhân thu hút hàng chục triệu lao động. Ngoài Đồng bằng sông Hồng được coi là cái nôi của ngành nghề thủ công Việt Nam, nhiều địa phương đã có những làng

---

1. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương: Thông tin chuyên đề *Diễn biến của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ nay đến 2010*, số 1-2005, tr. 17.

nghề truyền nối trong từng hộ gia đình, từng dòng họ những sản phẩm thủ công, mỹ nghệ đặc trưng nổi tiếng trong cả nước như tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), gốm Bát Tràng (Hà Nội), dệt Vạn Phúc (Hà Tây), dệt thổ cẩm (Hoà Bình, Bình Thuận), chiếu cói Nga Sơn (Thanh Hoá), chế tác đá mỹ nghệ Non Nước (Đà Nẵng), mộc Kim Bồng (Hội An, Quảng Nam), đồ gốm Bình Dương...

Kết quả của các đoàn khảo sát thực tế ở các địa phương do Ban Kinh tế Trung ương thực hiện năm 2001<sup>1</sup> cho thấy nguồn gốc của kinh tế tư nhân ở nước ta:

Các hộ kinh doanh cá thể được hình thành một phần từ xã viên hợp tác xã và tổ hợp tác, một phần từ các hộ cá thể hoạt động từ lâu do được truyền nghề (tiểu thủ công nghiệp, cửa hiệu kinh doanh), một phần chuyển từ các hộ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, một phần từ số người đến tuổi lao động hàng năm, một phần từ các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, bộ đội hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về tổ chức thành các doanh nghiệp của tư nhân để lập nghiệp và phát triển.

Số lớn các doanh nghiệp của tư nhân phát triển từ

---

1. Ban Kinh tế Trung ương: *Báo cáo tình hình và phương hướng, giải pháp phát triển kinh tế tư nhân*, Ban chỉ đạo chuẩn bị đề án kinh tế tư nhân, Hà Nội, 2001.

kinh tế hộ đi lên, một số được chuyển từ hình thức hợp tác xã và tổ hợp tác, một số khác mới được hình thành sau khi Luật Doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực.

Trong số chủ doanh nghiệp, nhiều người trước là cán bộ, viên chức Nhà nước, sĩ quan quân đội, công an đã thôi việc, nghỉ hưu, không ít người là đảng viên. Những người chủ doanh nghiệp này thường có năng lực quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh theo pháp luật và các quy định của Nhà nước khá hơn so với những chủ doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh khác. Có một số chủ doanh nghiệp là nữ, người dân tộc, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Có một số cán bộ, công chức và viên chức đương chức cũng đầu tư sản xuất, kinh doanh, nhưng lại giao cho thân nhân đứng tên chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu.

## **2. Những mặt được**

*- Khởi dậy và phát huy được ý chí làm giàu của nhân dân, hình thành đội ngũ doanh nhân*

Phát triển kinh tế tư nhân theo chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đã khởi dậy và cổ vũ được tinh thần doanh nghiệp, ý chí làm giàu; củng cố và tăng thêm lòng tin của người đầu tư và kinh doanh vào đường lối đổi mới của Đảng, luật pháp

và chính sách của Nhà nước; doanh nhân, doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh đúng pháp luật được xã hội tôn vinh.

Hình thành được tầng lớp doanh nhân và ngày càng lớn mạnh. Thủ tướng Chính phủ đã quyết định lấy ngày 13-10 hàng năm - ngày Bác Hồ gửi thư cho giới công thương Việt Nam, hoan nghênh giới công thương đã đoàn kết lại thành công thương Cứu quốc đoàn và gia nhập Mặt trận Việt Minh là “Ngày Doanh nhân Việt Nam”. Điều đó thể hiện sự thay đổi trong tư duy của Đảng, coi trọng và đề cao vai trò của những doanh nhân, doanh nghiệp.

*- Góp phần hình thành và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Luật Doanh nghiệp với sự hiện diện của các loại hình doanh nghiệp đã ghi nhận được những quyền cơ bản của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường: quyền tự do kinh doanh, quyền tự chủ, tự quyết định các công việc của mình, quyền được bình đẳng trước pháp luật khi gia nhập thị trường. Đồng thời, bước đầu tạo lập được khung quản trị kinh doanh phù hợp với yêu cầu cơ bản của kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế nhằm tạo động lực và tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp trước pháp luật.

Hình thành tương đối đồng bộ hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh và hệ thống cơ quan tài phán kinh doanh góp phần đưa việc quản lý nhà nước đối với việc tham gia, tổ chức lại, rút khỏi thị trường có nền nếp hơn và bảo vệ một cách có hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Thay đổi tư duy quản lý, tôn trọng và bảo đảm quyền “người dân được tự do kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm” và thực hiện nguyên tắc: “Công chức trong bộ máy công quyền chỉ được làm những gì mà pháp luật quy định; chuyển từ cơ chế “quản đến đâu cho mở đến đó” từng bước sang “quản lý nhà nước phải theo kịp sự phát triển”.

*- Đóng góp ngày càng nhiều hơn cho phát triển kinh tế - xã hội*

Trong vài thập kỷ qua, kinh tế tư nhân đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Cùng với các thành phần kinh tế khác, sự phát triển của kinh tế tư nhân đã góp phần giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát

triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm gần đây, kinh tế tư nhân tăng trưởng liên tục, chiếm tỷ trọng khá lớn và ổn định trong GDP của nước ta. Năm 2004, GDP khu vực kinh tế tư nhân đạt 274.473 tỷ đồng (giá hiện hành), chiếm 38,5% tổng GDP của cả nước, trong đó, kinh tế hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ đóng góp 210.690 tỷ đồng, chiếm 76,7% GDP của kinh tế tư nhân; doanh nghiệp của tư nhân đóng góp được 59.803 tỷ đồng, chiếm 23,3% GDP của kinh tế tư nhân.

Giá trị sản lượng công nghiệp của kinh tế tư nhân có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng giá trị sản lượng toàn ngành công nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp của tư nhân so với khu vực khác, chủ yếu là do sự tác động tích cực của các cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, nhất là do tác động của Luật Doanh nghiệp làm cho nhân dân yên tâm sản xuất, bỏ vốn đầu tư phát triển công nghiệp<sup>1</sup>.

---

1. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê năm 2004*, tr. 268: Chỉ số phát triển công nghiệp (năm trước = 100%) của doanh nghiệp tư nhân qua các năm 2000: 138,7%; 2001: 139,9%; 2002: 126%; 2003: 135,8%; 2004: 132,6%. Con số tương ứng của ngành công nghiệp cũng thời gian trên lần lượt là 117,5%, 114,6%, 114,8%, 116,8% và 116%.

Từ năm 2001 đến cuối năm 2004, tổng số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung của các doanh nghiệp kinh tế tư nhân đạt khoảng 197.122 tỷ đồng (tương đương khoảng gần 13 tỷ USD). Các trang trại đã thu hút được 11,5 nghìn tỷ đồng. Nhờ đó làm tăng tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực dân cư và tư nhân trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội từ 23,5% năm 2001 lên 27,4% năm 2004.

Kinh tế tư nhân đã góp phần quan trọng thu hút nhiều lao động trong xã hội, nhất là số người đến tuổi lao động chưa có việc làm, giải quyết số dôi dư từ các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước do tình giảm biên chế, giải thể hoặc do sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá IX và số lao động dôi dư do cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Nghị định số 41-NĐ/CP về quỹ hỗ trợ lao động dôi dư để hỗ trợ những người mất việc hoặc nghỉ hưu sớm.

Công bố của Ban Chỉ đạo điều tra lao động - việc làm Trung ương cho thấy, lao động đang làm việc tại thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2005 trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước, tập trung chủ yếu trong khu vực kinh tế tư nhân là 38,355 triệu người, chiếm 88,2% số

lao động có việc làm thường xuyên trong cả nước<sup>1</sup>. Trong số lao động làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân thì lao động trong hộ kinh doanh cá thể (chủ yếu là hộ nông nghiệp ngoài hợp tác xã) có số lượng lớn, lao động trong doanh nghiệp có số lượng còn nhỏ nhưng tăng rất nhanh. Đến cuối năm 2003 có gần 2 triệu lao động làm việc trong các doanh nghiệp của tư nhân, tăng khoảng 1 triệu người so với năm 2000<sup>2</sup>.

Theo số liệu của Bộ Tài chính, năm 2004, số thu từ kinh tế tư nhân đạt khoảng 13.100 tỷ đồng, chiếm khoảng 7,8% tổng thu ngân sách nhà nước. Nếu loại số thu từ dầu khí và thu xuất, nhập khẩu (thường chiếm 60% tổng thu ngân sách nhà nước) thì kinh tế tư nhân đóng góp 13% tổng ngân sách nhà nước. Kinh tế tư nhân có đóng góp cao hơn cho ngân sách địa phương (Thành phố Hồ Chí Minh 15%, Đồng Tháp 16%, Gia Lai 22%, Ninh Bình 19%, Yên Bái 16%, Thái Nguyên 17%, Bình Định 33%, Quảng Nam 22%...).

Sự phát triển kinh tế tư nhân đã góp phần mở

---

1. Ban Chỉ đạo điều tra lao động - việc làm Trung ương: Công bố điều tra lao động - việc làm năm 2005 ngày 17 tháng 11 năm 2005 tại Hà Nội.

2. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê năm 2004*, tr. 437.



mang ngành nghề và lưu thông hàng hoá. Sản phẩm ngày càng đa dạng và phong phú. Kinh tế tư nhân thu hút được ngày càng nhiều lao động ở nông thôn vào các ngành phi nông nghiệp, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở từng địa phương và ở cả nước. Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ phát triển mạnh ở cả thành thị và nông thôn, tới từng thôn ấp, làng bản, vùng sâu, vùng xa.

Trình độ sản xuất, kinh doanh của kinh tế tư nhân ngày càng tiến bộ hơn, thay thế hàng nhập khẩu và tham gia xuất khẩu tăng lên. Một số sản phẩm đã góp phần đẩy lùi được sự xâm nhập của hàng ngoại nhập. Bên cạnh việc thực hiện sản xuất đồng bộ sản phẩm hàng hoá xuất khẩu, kinh tế tư nhân còn tham gia nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất sản phẩm xuất khẩu.

Đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động tốt, tạo được chỗ đứng trên thị trường, sản phẩm hàng hoá được người tiêu dùng tin nhiệm. Có nhiều chủ kinh doanh thành đạt, đưa doanh nghiệp của mình phát triển, cải thiện được đời sống người lao động, đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước, tham gia tích cực vào hoạt động xã hội, từ thiện.

Với tính chất phong phú, đa dạng, gọn nhẹ, linh hoạt, năng động, kinh tế hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ có

ưu thế về khả năng huy động nguồn lực phân tán tại chỗ như vốn, lao động, đất đai, tài nguyên thiên nhiên, khoa học và công nghệ... vào sản xuất, kinh doanh. Qua đó giải quyết việc làm cho đông đảo người lao động, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân, dân nghèo thành thị, góp phần thực hiện công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn, xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội.

Các trang trại hoạt động kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, sản xuất với chế biến và kinh doanh tổng hợp xuất hiện ngày càng nhiều. Phát triển trang trại đã và đang được khẳng định là mô hình phù hợp thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá quy mô lớn, hiệu quả và bền vững.

Cần khẳng định mặt tích cực của kinh tế tư nhân là cơ bản; kinh tế tư nhân đã, đang và sẽ tiếp tục có vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước<sup>1</sup>.

Đạt được kết quả trên là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng; khung pháp lý không ngừng hoàn thiện, môi trường kinh doanh ngày càng thông thoáng, thuận tiện và bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 46.

tế; sự chỉ đạo thực hiện kiên trì của Chính phủ và các cấp, các ngành; nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời do yêu cầu của cuộc sống, với tiềm năng to lớn, sự năng động và tinh thần doanh nghiệp vốn có, vươn lên không cam chịu đói nghèo, hăng hái đầu tư vào sản xuất, kinh doanh làm giàu cho bản thân, cộng đồng và xã hội.

### **3. Những khó khăn, yếu kém và bài học kinh nghiệm**

#### *Những khó khăn:*

Kinh doanh trong điều kiện của nước ta còn rất nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với kinh tế tư nhân. Bởi lẽ: môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thuận lợi; khó tiếp cận nguồn lực (đất đai, vốn, nguồn nhân lực), thủ tục hành chính phức tạp và tâm lý xã hội chưa thuận.

Hệ thống pháp luật về quyền tài sản, về hợp đồng, giải quyết tranh chấp hợp đồng chưa thật phát triển và rất khó thực thi. Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thật thuận lợi. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới ngày 14-9-2005 về hoạt động kinh doanh 2006 đã đánh giá Việt Nam là một trong những quốc gia thực hiện cải cách mạnh nhất cho hoạt động của doanh nghiệp vì đã có những cải cách trong đăng ký kinh doanh, Luật Phá

sản mới và các phương thức hợp lý hoá việc thực hiện hợp đồng và giảm chi phí đăng ký tài sản. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn nằm trong số 60 nước có hoạt động kinh doanh khó khăn nhất. Công bố của Diễn đàn kinh tế thế giới ngày 28-9-2005, Việt Nam được xếp hạng 81/117 nền kinh tế về chỉ số cạnh tranh toàn cầu năm 2005, trong đó về cạnh tranh kinh doanh (80) và năng lực hành động của các cơ quan công quyền khá thấp (92).

Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn vẫn là sản xuất nhỏ, lạc hậu vẫn chiếm đa số. Quá trình phân chia lại đất đai của hợp tác xã ở miền Bắc tạo nên trình trạng vốn đã manh mún lại càng manh mún hơn, gây khó khăn cho cơ giới hoá khâu làm đất và thuỷ lợi ở nhiều nơi. Cả đồng bằng sông Hồng có diện tích trung bình 0,2 ha/hộ<sup>1</sup> với từ 8 đến 10 thửa ruộng nhỏ.

Thiếu mặt bằng sản xuất đang là trở ngại đối với các cơ sở kinh tế tư nhân. Hầu hết các hộ phải sử dụng nhà ở, đất ở của gia đình trong khu dân cư làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh nên chật hẹp, làm ô nhiễm môi trường, khó mở rộng sản xuất, kinh doanh. Một bộ phận không nhỏ doanh nghiệp phải đi thuê lại đất, nhà

---

1. Viện Kinh tế Nông nghiệp: Bản tin *Nông nghiệp*, số 7 năm 2005, "Phát triển nông nghiệp nông thôn trong quá trình cải cách và công nghiệp hoá của Việt Nam", tr. 9-23.

xưởng của các đơn vị khác (thường là cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã), với giá cao hơn nhiều so với giá quy định của Nhà nước, vì thế họ không dám đầu tư lâu dài vào nhà xưởng, máy móc, thiết bị; phải chi cho việc cải tạo mặt bằng và đền bù quá lớn so với khả năng tài chính hạn hẹp của họ. Trong số 47 doanh nghiệp được phỏng vấn, chỉ có chưa đến 10% có văn phòng trên đất riêng thuộc quyền sử dụng của người sáng lập; khoảng 11% thuê lại đất hoặc cơ sở vật chất của các doanh nghiệp nhà nước<sup>1</sup>.

Việc kiếm đủ vốn đầu tư vẫn là thách thức lớn đối với doanh nghiệp tư nhân, cả trong giai đoạn khởi nghiệp và hoạt động sau đó. Đa số các doanh nghiệp không thể vay tiền ngân hàng và họ tin rằng, việc khó tiếp cận các khoản tín dụng ngân hàng đang kìm hãm triển vọng phát triển của họ. Trở ngại chính dường như là thiếu tài sản có giá trị để thế chấp.

Thủ tục hành chính phiền hà, phức tạp làm tăng chi phí và thời gian cho việc tuân thủ pháp luật. Thời gian hoàn thành các khâu đăng ký kinh doanh, khắc

---

1. Chuyên đề nghiên cứu kinh tế tư nhân, số 20 năm 2005 “Đánh giá thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam, con số và thực trạng”, MPDF/IFC, chương trình phát triển kinh tế tư nhân, tr. vii.

dấu, đăng ký mã số thuế, mua hoá đơn khoảng 60 ngày. Thủ tục đất đai, xây dựng nhanh cũng phải vài tháng, chậm có khi kéo dài cả năm.

Sau 5 năm thi hành Luật Doanh nghiệp kể từ năm 2000, Thủ tướng Chính phủ quyết định bãi bỏ 186 giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề... thì tới cuối năm 2005 số lượng “giấy phép con” tăng lên cả trăm cái. Thống kê của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho thấy, chỉ tính từ năm 2003 đến đầu năm 2005, số giấy có hiệu lực tăng từ 246 lên 298 loại. Vấn đề đặt ra là trong số giấy phép trên có bao nhiêu là thực sự cần thiết, thực sự hiệu quả về mặt quản lý nhà nước, hay chỉ để tiện cho quản lý, hoặc chỉ để ngăn chặn một số ít lợi dụng quy định vi phạm pháp luật mà không chú ý đầy đủ đến lợi ích của số đông doanh nghiệp làm ăn đàng hoàng, phải tuân theo thủ tục “xin - cho” giấy phép.

Doanh nghiệp còn bị thanh tra, kiểm tra chồng chéo, không đúng chức năng và kéo dài của nhiều cơ quan nhà nước. Một số vi phạm của doanh nghiệp ở mức độ quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự đã nâng lên truy cứu trách nhiệm hình sự.

Kinh tế tư nhân chưa được nhìn nhận, đánh giá đúng mức trong quan niệm và nhận thức xã hội; vẫn còn một số mặc cảm, định kiến, e dè trong phát triển

kinh tế tư nhân; phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng chưa tương xứng với đóng góp quan trọng của khu vực này. Một số người kinh doanh còn mặc cảm sâu nặng về sự phân biệt trong quá khứ, chưa yên tâm về tương lai. Nhiều lao động trong khu vực kinh tế tư nhân còn có mặc cảm về sự quan tâm chưa đầy đủ của Nhà nước đối với họ.

*Những yếu kém:*

Cơ cấu kinh tế hộ nông dân chậm được cải thiện với tỷ trọng nông nghiệp đóng góp 79%. Tốc độ tăng công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn rất chậm, làm cho thu nhập của người nông dân tuy có tăng khá, nhưng khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa nông thôn và thành thị ngày một doãng ra.

Đến cuối năm 2005 lao động nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm 56,8% trong tổng lượng lao động toàn xã hội chỉ tạo ra 21% GDP. Con số này cho thấy GDP do lao động làm việc trong nông nghiệp tạo ra chỉ bằng 1/3 công nghiệp và dịch vụ. Mặt khác, chi phí cho sản xuất, kinh doanh lại lớn (thông thường khoảng 80% tổng thu nhập) nên thu nhập của nông dân chủ yếu là công lao động, thu nhập ròng rất thấp. Hơn nữa, chi phí cho giáo dục, y tế ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi của hộ nông dân, nên đời sống của họ càng khó khăn

hơn. Chỉ cần trong gia đình (không phải chỉ ở miền núi, vùng sâu, vùng xa mà ngay ở đồng bằng Bắc Bộ) có người bệnh và con học đại học thì người nông dân đã đứng trước “ngưỡng nghèo”. Thực tế này đang trở thành vấn đề xã hội gay gắt ở nông thôn, trong nông dân và có nguy cơ gây mất ổn định.

Đồng thời, sự chậm chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ làm cho tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn vẫn rất nghiêm trọng. Theo công bố của Ban chỉ đạo Điều tra lao động - việc làm, đến ngày 1-7-2005 tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng ở khu vực nông thôn trong cả nước là 80,7%. Như vậy, quy ra còn 4,7 triệu lao động trong nông nghiệp ở nông thôn chưa có hoặc thiếu việc làm.

Kinh tế hộ gia đình ở đô thị có quy mô sản xuất, kinh doanh nhỏ, lẻ. Phần lớn các cơ sở này sản xuất thủ công, công nghệ lạc hậu, sản xuất, kinh doanh nằm đan xen với khu dân cư, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng, nhất là ở làng nghề. Đa số hoạt động phi chính thức, nên một mặt việc hạch toán sản xuất, kinh doanh làm thiếu công khai, minh bạch làm cho Nhà nước khó nắm bắt đúng thực trạng phát triển để có chủ trương, chính sách phù hợp, mặt khác trong chừng mực nào đó gây ra cạnh



tranh thiếu lành mạnh, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư, kinh doanh.

Doanh nghiệp tư nhân phần lớn có quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý yếu kém, hiệu quả và sức cạnh tranh yếu.

Quy mô của doanh nghiệp tư nhân hầu hết là nhỏ, một số có quy mô vừa và lớn thuộc loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần. Vốn sản xuất, kinh doanh bình quân năm 2003 của một doanh nghiệp tư nhân là 1,34 tỷ đồng, trong đó dưới 1 tỷ đồng chiếm 66%; con số tương ứng của công ty trách nhiệm hữu hạn là 1,47 tỷ đồng và 38%; công ty cổ phần là 5,09 tỷ đồng và 25%. Bình quân một doanh nghiệp thu hút trên 30 lao động.

Nhìn chung, các doanh nghiệp của tư nhân có trình độ khoa học - công nghệ, trang thiết bị kỹ thuật lạc hậu, tay nghề của người lao động thấp hơn so với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Do đó, chất lượng sản phẩm, dịch vụ thấp, sức cạnh tranh yếu.

Quản trị doanh nghiệp yếu kém, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Tổ chức sản xuất, kinh doanh chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của bản thân hoặc của gia đình. Phần lớn chủ doanh nghiệp và cán bộ quản lý chưa qua đào tạo. Quản lý tài chính còn thiếu minh bạch, số liệu báo

cáo chưa phản ánh đúng thực trạng tài chính của doanh nghiệp, độ tin cậy chưa cao.

Các doanh nghiệp của tư nhân ít đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, tập trung nhiều vào những ngành nghề đòi hỏi ít vốn, thời gian thu hồi vốn nhanh, chưa đủ sức đầu tư lâu dài; tính hợp tác, liên kết còn thấp; một bộ phận vi phạm pháp luật, trốn lậu thuế, gian lận thương mại, chưa thực hiện tốt chính sách đối với người lao động.

Về vi phạm của doanh nghiệp hoàn thuế giá trị gia tăng: Theo báo cáo của Chính phủ (trình kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá XI, tháng 11 và 12 năm 2002 tại Hà Nội) thì từ tháng 1 năm 1999 đến tháng 9 năm 2002 các cơ quan thuế đã hoàn thuế VAT cho 16.361 đơn vị với số tiền 14.916 tỷ đồng và mới chỉ qua kiểm tra 3.521 đơn vị đã phát hiện khoảng 1/2 số đơn vị kiểm tra được hoàn thuế sai, trong đó có doanh nghiệp của tư nhân, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước 540 tỷ đồng. Bên cạnh một bộ phận doanh nghiệp của tư nhân lợi dụng Luật Doanh nghiệp để chiếm đoạt hoàn thuế VAT, phải kể đến không ít công chức thuế và hải quan đã lợi dụng những "doanh nghiệp ảo" do họ dựng lên để làm công cụ rút ruột ngân sách nhà nước thông qua việc hoàn thuế VAT (hải quan cửa khẩu Tân Thanh, Lạng Sơn và công chức Cục thuế Thái Bình...).

Các doanh nghiệp thường có định mức lao động cao, thời gian lao động kéo dài, đa số không áp dụng các chế độ phụ cấp hiện hành của Nhà nước, thiếu điều kiện bảo hộ và an toàn lao động, chưa thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội thấp, chỉ chiếm vài chục phần trăm tổng số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội, thường ký hợp đồng lao động ngắn hạn để tránh nộp bảo hiểm xã hội.

*Nguyên nhân dẫn đến những yếu kém là:*

Quan điểm của Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân chưa thật rõ và đang tiếp tục được làm rõ. Đảng viên là những người tiên tiến nhất trong xã hội, nếu được làm kinh tế tư nhân như những người dân bình thường (tất nhiên phải tuân thủ Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước), không phải là sẽ huy động được một nguồn lực lớn cho phát triển kinh tế - xã hội vì đảng viên có số lượng không lớn và ít vốn, mà quan trọng hơn là tạo tâm lý yên tâm cho người dân bình thường bỏ vốn, bung ra làm ăn lâu dài và quy mô lớn nhiều hơn nữa.

Một số cơ chế chính sách của Nhà nước chưa phù hợp với đặc điểm của kinh tế tư nhân với đại bộ phận có quy mô nhỏ và vừa; quản lý có phần buông lỏng và có những sơ hở, hạn chế việc thúc đẩy kinh tế tư nhân

phát triển đúng hướng. Hiệp hội ngành nghề và hiệp hội doanh nghiệp chưa phát triển, còn hạn chế trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của kinh tế tư nhân. Kinh tế tư nhân nước ta mới phát triển nên nhìn chung khả năng tích tụ, huy động vốn xã hội còn hạn chế; quy mô nhỏ bé; trình độ công nghệ thấp; chưa tạo được uy tín, khó chiếm lĩnh thị trường. Tính riêng rẽ, cá nhân của mỗi doanh nghiệp còn phổ biến, còn cạnh tranh không lành mạnh, chèn ép nhau.

Không thể nói chỉ kinh tế tư nhân là nguyên nhân gây ra những tiêu cực trong xã hội vừa qua, cũng không thể xem đây là bản chất hư hỏng của kinh tế tư nhân, không thể khắc phục được. Cần khẳng định rằng kinh tế tư nhân phát triển đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước sẽ góp phần rất tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế, hạn chế những khiếm khuyết của thị trường, giữ vững ổn định chính trị, xã hội của đất nước. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta có đầy đủ khả năng để phát huy mặt tích cực và hạn chế những tiêu cực của kinh tế tư nhân.

### *Bài học kinh nghiệm:*

Thực tiễn trong thời gian qua về phát triển kinh tế tư nhân đã góp phần chứng minh chân lý: phát huy sức

mạnh vật chất và trí tuệ, tinh thần của nhân dân là nguồn gốc của mọi thắng lợi. Trong hoàn cảnh khó khăn, sáng kiến và trí tuệ của dân đã và đang tiếp tục nảy nở. Công sức, của cải của nhân dân đóng góp cho sự giàu mạnh của đất nước ngày càng nhiều. Những việc làm tốt đẹp, những điển hình và nhân tố mới từ nhân dân có ở khắp nơi. Thành công nhiều hay ít trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước tùy thuộc vào mức độ giải phóng và phát huy nguồn sức mạnh vô tận này.

Với nhận thức đó, Đảng và Nhà nước đã, đang và tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế - xã hội, cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho dân làm ăn, sinh sống theo pháp luật; phát huy dân chủ, công khai ở cơ sở để khơi dậy tính năng động, sáng tạo sức mạnh của dân và doanh nghiệp.

Khi Đảng có chính sách đúng, Nhà nước tạo dựng được môi trường pháp lý thông thoáng, thuận lợi, không phân biệt đối xử, bảo đảm quyền người dân được tự do kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm, vốn và tài sản hợp pháp của tư nhân được pháp luật bảo hộ sẽ thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế tư nhân.

Ở đâu mà cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quan tâm chỉ đạo

sát, có kiểm tra đôn đốc, tạo được sự đồng thuận của dư luận xã hội đúng về vai trò của kinh tế tư nhân thì ở đó kinh tế tư nhân phát triển.

Những cơ sở sản xuất, kinh doanh của kinh tế tư nhân có hiệu quả thường là nơi chủ doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, biết kinh doanh, nhạy cảm biết nắm bắt thị trường, đổi mới công nghệ, coi trọng hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp khác, giữ được chữ tín với khách hàng, kinh doanh có văn hoá, có kế hoạch làm ăn lâu dài, xây dựng quản trị doanh nghiệp hiện đại, có quan hệ tốt giữa người sử dụng lao động và người lao động.

### *Chương III*

## **KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ RÚT RA CHO VIỆT NAM**

Phát triển kinh tế tư nhân ở Trung Quốc<sup>1</sup> cũng có những vấn đề tương tự như ở nước ta. Kinh tế tư nhân là đối tượng cần được cải tạo trong giai đoạn đầu, không cho phép tồn tại trong thời gian tiếp theo, khi được làm vẫn duy trì phân biệt đối xử trong tiếp cận các nguồn lực xã hội, vấn đề lý luận và tâm lý xã hội kỳ thị đối với

---

1. Chương này có tham khảo tài liệu của Điền Kỳ Vân (Ủy viên Bộ Chính trị khoá XV Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó chủ tịch Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc): *Mạnh dân phát triển kinh tế dân doanh, đi con đường dân giàu, nước mạnh* và Xiaolin Xia và Yang Yao (Viện Nghiên cứu kinh tế Trung Quốc, tài liệu phục vụ Hội thảo về kinh tế tư nhân Trung Quốc do Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương tổ chức, Hà Nội, 2002): *Khu vực kinh tế tư nhân của Trung Quốc, chính sách, quá trình phát triển và những trở ngại*.

kinh tế tư nhân vẫn tồn tại đến ngày nay. Vì vậy, nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc về phát triển kinh tế tư nhân là cần thiết cho chúng ta.

Vài thập kỷ qua, sự trỗi dậy và phát triển nhanh của kinh tế tư nhân ở Trung Quốc đã khiến mọi người chú ý. Nó đã trở thành lực lượng quan trọng thúc đẩy cải cách thể chế kinh tế và phát triển kinh tế, trở thành quân chủ lực trong xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc.

## **1. Quá trình phát triển kinh tế tư nhân của Trung Quốc**

### *a) Các giai đoạn phát triển*

Sau ngày thành lập nước, Trung Quốc đã nhanh chóng hình thành một khu vực kinh tế nhà nước lớn mạnh với sự giúp đỡ của Liên Xô. Vào năm 1949, doanh nghiệp tư nhân chiếm 63,3% sản lượng công nghiệp nhưng đến năm 1952, tỷ lệ này đã nhanh chóng giảm xuống còn 39%. Trong thời gian đó, Chính phủ đã kiểm soát kinh tế tư nhân thông qua biện pháp quốc hữu hoá. Đến năm 1952, 56% sản phẩm đầu ra của kinh tế tư nhân là theo đặt hàng của Nhà nước hay được tiêu thụ thông qua Nhà nước. Bên cạnh đó, một vài doanh nghiệp tư nhân cũng đã chuyển sang hình



thức công tư hợp doanh. Năm 1952, sản lượng của kinh tế tư nhân chiếm 5,7% tổng sản lượng quốc dân. Năm 1953, trong *Đường lối chung cho thời kỳ quá độ*, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra một lịch trình hoàn thành việc cải tạo xã hội chủ nghĩa các doanh nghiệp tư nhân và hộ thủ công trong vòng 15 năm. Vào lúc đó, lịch trình trên là khả thi và đã nhanh chóng được đẩy mạnh, nhưng cũng đã nhanh chóng kết thúc vào năm 1956. Sau Đại nhảy vọt, chính quyền Trung ương lại mở cánh cửa cho các doanh nghiệp cá thể quy mô nhỏ, bao gồm cả hộ thủ công, nhưng doanh nghiệp tư nhân vẫn chưa được xem xét đến (cho tới năm 1988). Tuy nhiên tất cả đã phải đóng cửa khi Cách mạng văn hoá bùng nổ năm 1966.

Kinh tế tư nhân không tồn tại trong giai đoạn từ 1966 đến 1979.

Sau những cải cách ở khu vực nông thôn cuối năm 1978 kinh tế tư nhân đã lại xuất hiện. Tuy nhiên, cuộc cải cách này, cũng như hầu hết những cải cách gần đây tại Trung Quốc, không hẳn đã được nhìn nhận trước một cách thấu đáo mà đúng hơn là được thực hiện dưới áp lực về kinh tế và những tác động mang tính lịch sử khác.

Cuối năm 1988, Trung Quốc có rất nhiều doanh nghiệp tập thể nhưng thực chất là sở hữu tư nhân. Đó

là những "doanh nghiệp đội mũ đỏ" với mục đích núp dưới danh nghĩa tập thể để tránh những ngăn cấm từ phía Chính phủ và những phân biệt về mặt tư tưởng hệ. Loại doanh nghiệp này vẫn tiếp tục tồn tại ngay cả khi quá trình tư nhân hoá đang diễn ra mạnh mẽ và rộng khắp. Ngoài ra, còn có rất nhiều doanh nghiệp tập thể cho tư nhân thuê để hoạt động. Sau khi trả một khoản tiền thuê, tư nhân có thể điều hành doanh nghiệp như doanh nghiệp của chính mình và có thể tích lũy được những khoản tiền đáng kể. Dần dần, tỷ lệ tài sản của tập thể trong doanh nghiệp giảm xuống và doanh nghiệp sẽ chuyển thành sở hữu tư nhân. Cuối năm 1989, số lượng doanh nghiệp tư nhân đã đăng ký là 90.600.

Sự kiện Thiên An Môn năm 1989 gây ra một bước thụt lùi cho kinh tế tư nhân vì sau đó chính quyền đã có nhiều chính sách mang tính bảo thủ. Số lượng hộ cá thể giảm từ 23,05 triệu cuối năm 1988 xuống 19,41 triệu cuối năm 1989; số lượng doanh nghiệp tư nhân cũng giảm từ 90.600 cuối năm 1989 xuống 88.000 tháng 6 năm 1990. Xu hướng này chỉ dừng lại sau chuyến công tác nổi tiếng của ông Đặng Tiểu Bình xuống phía Nam, mà tại đó ông đã kêu gọi tiếp tục các nỗ lực cải cách. Cuối năm 1992, số lượng hộ cá thể và doanh nghiệp tư nhân đã là 26,99 triệu và 139.600. Giai đoạn 1992 -

1994 là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của các doanh nghiệp tư nhân.

### *b) Tư nhân hoá và sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân*

Có thể nói thay đổi quan trọng nhất trong nền kinh tế Trung Quốc những năm 1990 là việc tư nhân hoá. Theo thống kê, 80% doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu từ cấp huyện trở xuống đã được tư nhân hoá. Các chương trình tư nhân hoá đều do chính quyền địa phương khởi xướng với lý do quan trọng nhất là số nợ của khu vực nhà nước đang dần lớn lên. Vấn đề nợ càng trầm trọng hơn đối với các thành phố nhỏ.

Năm 1995, chính quyền Trung ương sau nhiều lần khảo sát điều tra đã đưa ra chính sách "*zhuada fangxiao*" (*nắm lớn, buông nhỏ*) theo đó Nhà nước chỉ chú trọng vào từ 500 đến 1.000 doanh nghiệp lớn và cho thuê hoặc bán các doanh nghiệp nhỏ hơn. Đến năm 1997, 500 doanh nghiệp nhà nước lớn nhất đã nắm giữ 37% tài sản của các doanh nghiệp công nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, nộp 46% tổng số thuế các doanh nghiệp nhà nước phải nộp và chiếm 63% tổng lợi nhuận trong khu vực nhà nước. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ hơn do các chính quyền địa phương nắm giữ lại rất thấp. Năm 1995, chỉ có 24,3%

doanh nghiệp trung ương là đội mũ đỏ trong khi đó có tới 72,5% doanh nghiệp địa phương đội mũ đỏ. Năm giữ 500 doanh nghiệp lớn nhất có nghĩa là Nhà nước đã nắm giữ được phần lớn nhất của kinh tế nhà nước, một quan chức cao cấp đã phát biểu như vậy.

Từ chính sách "*buông nhỏ*" đã xuất hiện thuật ngữ "*gaizhi*", nghĩa là "*thay đổi sở hữu*". Kể từ năm 1994, thuật ngữ này đã trở nên phổ biến trên toàn đất nước. Nội dung của "*gaizhi*" bao hàm cả khoán và cho thuê, hai biện pháp được sử dụng trước đây, và các biện pháp như bán, chuyển thành công ty do người lao động nắm giữ hay chuyển thành hợp tác xã. Do vậy "*gaizhi*" không hẳn chỉ là tư nhân hoá. Chính sách này đã có tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp mũ đỏ. Với quyết tâm loại bỏ hoàn toàn những doanh nghiệp kiểu này, tháng 3 năm 1998 Chính phủ đã ban hành một chỉ thị trong đó yêu cầu tất cả các doanh nghiệp mũ đỏ phải "*lột mũ*" muộn nhất là đến tháng 11 năm 1998.

Gần đây, doanh nghiệp tư nhân được chia làm ba loại và tương ứng với chúng có các đạo luật điều chỉnh riêng. Đó là doanh nghiệp một chủ, công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn. Trong hai loại đầu, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm vô hạn và loại thứ ba là hữu hạn. Từ năm 1991 đến năm 1997, số lượng doanh nghiệp tư nhân đăng ký tăng 7,9 lần trong đó công ty

trách nhiệm hữu hạn tăng nhanh nhất 65,3 lần, doanh nghiệp một chủ 5,4 lần và công ty hợp danh 2,2 lần. Do đó tỷ lệ ba loại hình doanh nghiệp tư nhân nói trên cũng thay đổi rất lớn. Công ty trách nhiệm hữu hạn có tỷ lệ nhỏ nhất năm 1991 nhưng đến năm 1997 lại có tỷ lệ lớn nhất. Lý do là công ty trách nhiệm hữu hạn có những ưu thế rõ ràng như sự bảo vệ tài sản của cá nhân, việc quản trị nội bộ thuận tiện hơn.

Về vốn đăng ký, công ty trách nhiệm hữu hạn có tổng vốn đăng ký lớn nhất, tiếp theo là công ty hợp danh và cuối cùng là doanh nghiệp một chủ. Quy mô của cả ba loại doanh nghiệp đều tăng trong thời kỳ 1991 - 1994 nhưng công ty hợp danh, doanh nghiệp một chủ giảm và công ty trách nhiệm hữu hạn lại tăng mạnh trong thời kỳ 1994 - 1997. Xu hướng này cũng phù hợp với những biến động kinh tế vĩ mô nói chung, các biện pháp chống lạm phát nói riêng đã được tiến hành ở Trung Quốc.

## **2. Đóng góp của kinh tế tư nhân cho nền kinh tế**

Kinh tế tư nhân, bao gồm hộ cá thể và doanh nghiệp tư nhân, có vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc. Trước năm 1985, sản lượng công nghiệp của khu vực tư nhân chiếm tỷ lệ không đáng kể trong tổng sản lượng công nghiệp mặc dù lao

động trong khu vực này đã chiếm khoảng 2% tổng lao động phi nông nghiệp năm 1981. Và đến năm 1999, lao động phi nông nghiệp chiếm 23,5%, sản lượng công nghiệp chiếm 38,8%. Như vậy là sản lượng công nghiệp của khu vực tư nhân đã tăng với tốc độ chóng mặt trong thời gian 20 năm qua, đạt con số 5.800 tỷ nhân dân tệ (tính theo giá năm 1995) vào năm 1999. Lượng lao động sau quá trình giảm mạnh trong giai đoạn 1989 - 1991 cũng đã tăng trưởng khá nhanh. Đến năm 2000, tổng số lao động là 74,7 triệu.

Khu vực tư nhân Trung Quốc đã phát triển thành một thành phần quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc. Tỷ lệ GDP của khu vực phi nhà nước đạt 71% trong đó, doanh nghiệp tập thể chiếm 30%, hơn 40% còn lại do kinh tế tư nhân trong nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng góp. Chính vì vậy, con số ước tính 38,8% sản lượng công nghiệp như trên là hoàn toàn hợp lý. Cần thấy rằng, mặc dù đạt được con số như vậy nhưng khu vực tư nhân chỉ được sử dụng lượng nguồn lực rất ít ỏi. Trong giai đoạn 1991 - 1997, đầu tư của khu vực tư nhân chiếm khoảng 15 - 27%, nhưng việc vay vốn lại gặp nhiều khó khăn, lượng vốn vay chỉ chiếm khoảng 0,87% tổng vốn các ngân hàng cho vay (trong năm 1997). Rõ ràng là đạt được những bước tiến dài với sự hạn chế về nhiều mặt như tiếp cận vốn, tài

nguyên là một đặc điểm nổi bật của kinh tế tư nhân Trung Quốc trong những năm 1990.

Trong đà phát triển nhanh chóng của kinh tế tư nhân có phần đóng góp rất lớn của các doanh nghiệp tư nhân. Năm 1991, doanh nghiệp tư nhân chỉ chiếm 17% tổng sản lượng của khu vực tư nhân nhưng đến năm 1997 con số đó đã là 47%. Trong giai đoạn 1991 - 2000, tốc độ tăng trưởng hàng năm về số lượng doanh nghiệp, lượng lao động và sản lượng là 38,1%, 34,4% và 59,4%. Riêng năm 2000 đã có 1,76 triệu doanh nghiệp đăng ký với 24,1 triệu lao động. Do vậy có thể chia tổng GDP của Trung Quốc ra thành ba phần bằng nhau là : nhà nước, tư nhân trong nước và các thành phần khác.

### **3. Chính sách và những tranh cãi trong hơn 20 năm qua**

Những chính sách của Đảng và Nhà nước Trung Quốc đối với kinh tế tư nhân và phân tích ba vấn đề hiện đang gây nhiều tranh cãi. Căn cứ vào những chính sách đã được đưa ra có thể chia hơn 20 năm qua thành 3 giai đoạn: từ 1978 đến 1987, 1988 đến 1998: và sau 1999. Qua ba giai đoạn đó, quan niệm về kinh tế tư nhân cũng dần được cởi mở hơn, và tất nhiên đi kèm với nó là những cuộc tranh cãi gay gắt.

### *Giai đoạn 1978 -1987.*

Đây là giai đoạn dần hồi phục của kinh tế tư nhân Trung Quốc. Đầu tiên, doanh nghiệp tư nhân không được chính thức công nhận, chỉ có hộ cá thể (getihu) được phép hoạt động. Sau đó, kinh tế tư nhân đã có một vị trí khiêm tốn trong nền kinh tế: "bổ sung" cho khu vực nhà nước. Tiếp theo chỉ còn là những hạn chế về phạm vi hoạt động của kinh tế tư nhân.

Sự hồi phục của kinh tế tư nhân đã được thúc đẩy mạnh nhờ áp lực về việc làm cuối những năm 1970, đầu 1980. Hàng triệu thanh niên từ các miền quê đã quay trở lại thành phố và đáp ứng đủ việc làm cho toàn bộ số thanh niên đó là một việc quá khó cho Chính phủ. Do vậy, Chính phủ đã cho phép các cá thể được hoạt động trong một số hoạt động thương mại, dịch vụ.

Trong bài phát biểu nhân kỷ niệm lần thứ 30 (năm 1979) quốc khánh nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, ông Diệp Kiếm Anh đã tuyên bố rằng "kinh tế cá thể thành thị và nông thôn là một thành phần gắn liền và bổ sung cho kinh tế nhà nước xã hội chủ nghĩa". Tiếp theo đó, vào tháng 8 năm 1980, Đảng Cộng sản Trung Quốc lại chỉ rõ: "Hiến pháp đã quy định rõ ràng rằng mọi cá thể có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp và không mang tính chất bóc lột. Những hoạt động đó là một thành phần bổ sung không thể thiếu



được cho kinh tế nhà nước xã hội chủ nghĩa và chúng sẽ tiếp tục có những đóng góp đáng kể trong giai đoạn sắp tới. Vì vậy, thành phần này cần được khuyến khích phát triển. Các cơ quan hữu quan cần nỗ lực hỗ trợ kinh tế cá thể và không được có các hành vi cản trở hoặc phân biệt đối xử".

Vào tháng 7 năm 1981, Quốc vụ viện ban hành *Chỉ thị về một số chính sách liên quan tới kinh tế cá thể phi nông nghiệp thành thị*. Đó chính là những chính sách cho kinh tế tư nhân lúc đó. Và một thuật ngữ mới - "getihu", tiếng Trung Quốc nghĩa là hộ cá thể xuất hiện. Trong chỉ thị đó những quy định liên quan đến kinh tế tư nhân như phạm vi hoạt động, đối tượng được phép hoạt động, quy mô, sử dụng đất đai, nguồn cung ứng nguyên vật liệu, xác định giá cả, tài chính, thuế, bảo vệ tài sản cũng như địa vị chính trị và xã hội như sau:

*Phạm vi hoạt động.* Hộ cá thể chỉ được phép hoạt động trong các lĩnh vực như thủ công, bán lẻ, dịch vụ, cung cấp thực phẩm, sửa chữa và các hoạt động giao thông không động cơ. Trong một văn bản bổ sung sau đó đã có thêm các lĩnh vực như hoạt động giao thông có động cơ, bán sỉ một số sản phẩm công nghiệp và sản phẩm nông nghiệp của nông dân sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước.

*Đối tượng được phép hoạt động.* Đó phải là người

không hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và hiện chưa có việc làm, bao gồm cả cán bộ về hưu. Tiếp theo đã có những quy định bổ sung cho phép người có tiền án, tiền sự cũng có thể tham gia.

*Quy mô.* Nhìn chung chỉ được phép hoạt động ở quy mô gia đình nhưng không được thuê quá 5 nhân công. Trong các quy định sau đó, các cá thể được phép kinh doanh ở các thành phố khác.

*Đất đai.* Chính quyền địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi về mặt đất đai cho những đối tượng được phép hoạt động dưới hình thức mượn hoặc thuê.

*Cung ứng nguyên vật liệu và xác định giá cả.* Nguồn cung ứng có thể là từ phía nhà nước hoặc trên thị trường. Nếu sử dụng đầu vào do nhà nước cung ứng thì sản phẩm phải bán ra theo giá định trước. Trong trường hợp còn lại, sản phẩm có thể bán theo giá thị trường.

*Thuế và vấn đề tài chính.* Đối tượng được phép hoạt động có thể xin miễn thuế trong những trường hợp kinh doanh khó khăn. Họ cũng có thể mở tài khoản và vay vốn tại ngân hàng.

*Bảo vệ tài sản và địa vị chính trị.* Nhà nước bảo vệ thu nhập và tài sản hợp pháp của các cá thể. Họ có đầy đủ quyền như những công dân bình thường.

Ở nông thôn, thu nhập của kinh tế tư nhân phi

nông nghiệp sau những năm đầu cải cách đã tăng lên đáng kể. Quốc vụ viện đã ban hành một chỉ thị trong tháng 2 năm 1984 để điều chỉnh hiện tượng này. Chỉ thị đó cũng có vai trò tương tự như chỉ thị về hộ cá thể ở thành thị ban hành trước đó nhưng phạm vi hoạt động được quy định rộng hơn.

Cuối cùng, vào tháng 8 năm 1987, Quốc vụ viện đã ban hành cái gọi là *Quy định tạm thời về hộ cá thể ở nông thôn và thành thị*, trong đó đã tóm lược những chính sách của Chính phủ đối với kinh tế tư nhân trong những năm đầu thập kỷ 1980. Quy định này vẫn có hiệu lực cho tới ngày nay. Ngày 05-9-1987, Cục Quản lý Hành chính Công thương (BICAM) đã có văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể quy định trên, góp phần hoàn thiện những quy định của Chính phủ cho hộ cá thể (getihu). Một đặc điểm nổi bật trong những quy định mới là chúng đã mở rộng đáng kể phạm vi hoạt động cho hộ cá thể. Tuy nhiên, những quy định này chỉ xác định lĩnh vực mà hộ cá thể có thể hoạt động và theo cách hiểu truyền thống trong lập pháp ở Trung Quốc thì những lĩnh vực không được phép nghĩa là bị cấm hoạt động. Điều này đồng nghĩa với việc Chính phủ vẫn có quyền quyết định hoạt động nào của hộ cá thể là hợp pháp.

### *Giai đoạn 1988-1998.*

Năm 1988 đánh dấu sự thừa nhận chính thức doanh nghiệp tư nhân ở Trung Quốc. Trước năm 1988 đã tồn tại những hộ cá thể có trên 5 nhân công và bên cạnh đó là rất nhiều doanh nghiệp "đội mũ đỏ". Có hai điểm mốc quan trọng trong năm 1988: *Thứ nhất*, vào tháng 4, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (NPC) đã thông qua Hiến pháp sửa đổi, Điều 11 của Hiến pháp này được sửa như sau: "Nhà nước Trung Quốc cho phép kinh tế tư nhân được tồn tại và phát triển trong phạm vi luật pháp quy định. Kinh tế tư nhân là một thành phần bổ sung cho kinh tế nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước bảo vệ những quyền và thu nhập hợp pháp của doanh nghiệp tư nhân, có sự hướng dẫn, giám sát và điều chỉnh đối với kinh tế tư nhân"; *Thứ hai*, trong tháng 6, Quốc vụ viện đã ban hành *Quy định tạm thời về doanh nghiệp tư nhân*. Trong quy định đó doanh nghiệp tư nhân được định nghĩa là "một tổ chức hoạt động vì lợi nhuận, do tư nhân sở hữu và thuê trên 8 nhân công" (Điều 2). Đối với những doanh nghiệp thuê ít hơn hoặc bằng 8 nhân công, họ có thể đăng ký là hộ cá thể (getihu). Sở dĩ có quy định như vậy là vì người ta cho rằng thuê nhiều hơn 8 nhân công là biểu hiện của bóc lột. Quy định này cũng chỉ rõ ba loại doanh nghiệp tư nhân: doanh nghiệp một chủ, công ty hợp danh và

công ty trách nhiệm hữu hạn. Sau đó nó đã được thay thế bằng ba đạo luật điều chỉnh ba loại hình doanh nghiệp tư nhân trên.

Tiếp theo, Cục Quản lý Hành chính Công thương (BICAM) ban hành hướng dẫn thực hiện quy định trên vào tháng 1 năm 1989. Kể từ đó, về mặt nguyên tắc, doanh nghiệp tư nhân được hoạt động trong tất cả các lĩnh vực ngoại trừ sản xuất vũ khí và ngành tài chính. Doanh nghiệp tư nhân cũng có quyền liên doanh với nước ngoài. Tuy nhiên, ở các địa phương khác nhau lại có những quy định khác nhau về phạm vi hoạt động của doanh nghiệp tư nhân.

Sự kiện Thiên An Môn năm 1989 đã gây ra những tác động tiêu cực cho sự phát triển của kinh tế tư nhân. Các nhà chính trị chuyển sang khuynh hướng tả và kinh tế tư nhân bị kết tội là nguồn gốc của xu hướng tư nhân hoá nền kinh tế Trung Quốc. Kết quả là Quốc vụ viện đã ban hành một chỉ thị củng cố việc thu thuế hộ cá thể và các doanh nghiệp tư nhân.

Chỉ sau khi ông Đặng Tiểu Bình có bài phát biểu quan trọng trong chuyến công tác phương Nam nổi tiếng năm 1992, khu vực tư nhân mới được hồi phục. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 3 khoá XIV đã đưa ra *Quyết định về việc hình thành nền kinh tế thị trường xã hội chủ*

*nghĩa ở Trung Quốc. Đây là một bước ngoặt của Trung Quốc trên con đường tiến đến nền kinh tế thị trường. Lần đầu tiên, kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, trước đây đã được Tito áp dụng cho Nam Tư và bị cho là tư tưởng xét lại, nay được coi là mục tiêu cải cách của Trung Quốc. Quyết định trên đồng nghĩa với việc thừa nhận kinh tế Trung Quốc là một nền kinh tế hỗn hợp trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, ở cấp độ quốc gia kinh tế nhà nước có thể đóng vai trò chủ đạo nhưng trong một số ngành, một số địa phương kinh tế nhà nước chưa hẳn đã có vai trò như vậy. Ngoài ra, nhà nước cũng đảm bảo sự cạnh tranh công bằng cho mọi doanh nghiệp thuộc các hình thức sở hữu khác nhau.*

#### *Giai đoạn 1999-2004.*

Kể từ năm 1993, các chính sách của Đảng và Chính phủ Trung Quốc ngày càng trở nên thân thiện hơn đối với khu vực tư nhân. Từ năm 1992 đến năm 1994 đã có 20 tỉnh đưa ra những chính sách tương tự như vậy. Dấu ấn nổi bật trong những thay đổi về mặt chính sách là sự xác định lại cơ cấu hệ thống kinh tế Trung Quốc trong báo cáo chính trị của Chủ tịch Giang Trạch Dân tại Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc và những sửa đổi hiến pháp tháng 3 năm 1999. Trong báo cáo này, Chủ

tịch Giang Trạch Dân đã nói rõ: "Một đặc điểm cơ bản trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa xã hội ở nước ta là kinh tế nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo và phát triển cùng với nó còn có những hình thức sở hữu khác". Ông cũng nhấn mạnh: "Kinh tế phi nhà nước là một thành phần quan trọng trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc". Tư tưởng này đã chính thức được đưa vào hiến pháp sửa đổi sau đó với nội dung: "Kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể là những thành phần quan trọng trong nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc". Trong hiến pháp cũng nêu rõ: "Nhà nước bảo đảm những tài sản và thu nhập hợp pháp của khu vực tư nhân". Mặc dù có những sửa đổi đó, tài sản của tư nhân vẫn chưa chính thức được công nhận là bất khả xâm phạm, dù sao đó đã cũng là một bước tiến lớn trong quá trình tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Trong thực tiễn, nhiều văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động của hộ cá thể và doanh nghiệp tư nhân đã ra đời. Ở mức dưới luật có *Quy định tạm thời về hộ cá thể ở thành thị và nông thôn* do Quốc vụ viện ban hành năm 1987 và ba đạo luật: Luật Doanh nghiệp cá thể, Luật Công ty hợp danh và Luật Công ty. Luật Công ty ban hành năm 1993 được áp dụng cho cả doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước. Rất nhiều

doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tập thể chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn khi thực thi đạo luật này. Luật Công ty cũng nghiêm cấm cá thể sở hữu các công ty trách nhiệm hữu hạn. Ở một vài địa phương, vợ chồng có thể đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn nhưng chính quyền Bắc Kinh lại cấm hình thức này. Ngày 29-6-2002 Ủy ban Thường vụ Quốc hội Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đã ban hành *Luật xúc tiến doanh nghiệp nhỏ và vừa*, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho kinh tế tư nhân chiếm phần lớn trong số doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển mạnh mẽ hơn.

Việc thừa nhận kinh tế tư nhân năm 1988 không hẳn là một chuyển biến về mặt nhận thức theo hướng khuyến khích sự phát triển của kinh tế tư nhân, mà đúng hơn đó chỉ là việc thừa nhận những gì đã tồn tại hiển hiện trong thực tiễn mà thôi. Chuyển biến về nhận thức chỉ thực sự xuất hiện trong Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1993 khi lần đầu tiên nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa được thừa nhận tại Trung Quốc. Sau đó kinh tế Trung Quốc đã chứng kiến sự phát triển nhanh chóng của khu vực tư nhân. Bước ngoặt quan trọng là năm 1999: Hiến pháp Trung Quốc sửa đổi đã chính thức thừa nhận tầm quan trọng tương đương nhau của khu vực tư nhân và khu vực nhà nước.

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2003



đã khẳng định vai trò tích cực của kinh tế tư nhân. Đồng thời kêu gọi mọi thành phần kinh tế phấn đấu làm giàu chính đáng. Nhà nước cam kết bảo vệ mọi quyền lợi hợp pháp của các thành phần kinh tế.

Ngày 28-8-2004, Thủ tướng Ôn Gia Bảo phát biểu tại hội thảo doanh nghiệp ngoài quốc doanh tổ chức tại thành phố Ôn Châu, tỉnh Triết Giang đã nhấn mạnh: “Theo Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng, chúng ta cần nắm chắc việc nghiên cứu và xây dựng chính sách về khuyến khích và ủng hộ phát triển kinh tế ngoài quốc doanh. Chúng ta phải nhanh chóng hoàn thiện pháp luật, các quy chế thúc đẩy kinh tế ngoài quốc doanh phát triển một cách lành mạnh”<sup>1</sup>.

#### **4. Những vấn đề tồn tại cần tiếp tục giải quyết**

Một số vấn đề hiện liên quan đến sự phát triển kinh tế tư nhân ở Trung Quốc được tập trung vào một số điểm cơ bản như sau: *tài chính, các tổ chức trung gian, và tính phi chính thức của khu vực tư nhân*. Trước đây tiếp cận đất đai cũng là một vấn đề lớn nhưng giờ đây cơ bản đã được giải quyết khi Chính

---

1. Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế: *Tài liệu tham khảo về chính sách phát triển kinh tế ngoài quốc doanh và công nghiệp kỹ thuật cao của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Hà Nội, 2005, tr. 4-5.

phủ cho phép thời hạn thuê đất có thể tới 70 năm.

### *a) Tài chính*

Có ba cách để các doanh nghiệp tư nhân tiếp cận các nguồn tài chính: vay phi chính thức, vay từ các ngân hàng, và huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán.

Vay phi chính thức cho đến nay vẫn là kênh huy động vốn chủ yếu cho các doanh nghiệp tư nhân. Kết quả một cuộc khảo sát 500 công ty ở 6 thành phố năm 1999 cho thấy, trong ba năm gần đây, chỉ có 33% số công ty vay vốn từ ngân hàng. Ưu điểm quan trọng nhất của nó là thuận lợi và nhanh chóng. Trong đa số các trường hợp, một doanh nghiệp tư nhân chỉ cần số vốn nhỏ, trong một thời gian ngắn. Sẽ không có ngân hàng nào sẵn sàng cho vay một số tiền nhỏ và trong một thời gian ngắn như vậy. Mặt khác, chủ doanh nghiệp tư nhân luôn có một người bạn hay anh em họ hàng có thể cho họ vay tiền mà không phải trả lãi.

Ở Trung Quốc, nguồn tín dụng chính thức dành cho doanh nghiệp tư nhân rất hạn chế, dưới 20% tổng vốn cho vay của 4 ngân hàng nhà nước lớn. Mặc dù về mặt văn bản không có sự phân biệt lớn và trong nhiều trường hợp còn khuyến khích cho vay đối với doanh nghiệp tư nhân, nhưng vẫn còn đâu đó thái độ phân

biệt doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Doanh nghiệp nhà nước không trả nợ đúng hạn thì tiền vẫn nằm trong tay nhà nước, còn đối với doanh nghiệp tư nhân thì trong trường hợp này tiền nằm trong tay chủ doanh nghiệp. Do đó, ngân hàng cho rằng rủi ro khi cho doanh nghiệp nhà nước vay thấp hơn so với doanh nghiệp tư nhân.

Tuy nhiên, trở ngại lớn nhất đối với doanh nghiệp tư nhân trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng chính thức không phải là sự phân biệt nói trên mà quy mô doanh nghiệp nhỏ và tính phi chính thức.

Đối với các công ty đang phát triển thì khó khăn của họ không phải là tài chính cho hoạt động hàng ngày mà là cho việc mở rộng phạm vi và quy mô kinh doanh. Dưới góc độ này thì thị trường vốn dường như quan trọng hơn các khoản vay của ngân hàng nếu muốn tăng nhanh tốc độ phát triển khu vực tư nhân nhưng cho tới nay Trung Quốc mới có hai thị trường chứng khoán và doanh nghiệp tư nhân lại không được phép tham gia. Quy định đó tuy đã được xoá bỏ năm 2000 nhưng thị trường chứng khoán vẫn chủ yếu dành cho doanh nghiệp nhà nước.

Sẽ là phi thực tế nếu chỉ dựa vào thị trường chứng khoán để giải quyết vấn đề vốn cho các doanh nghiệp tư nhân. Cách đây vài năm cũng đã từng có rải rác ở một

vài địa phương, thị trường chứng khoán giao ngay cho các doanh nghiệp địa phương, tuy nhiên những thị trường này đã tan rã ngay sau khi hiệp hội tín dụng địa phương ngừng hoạt động. Xét trên khía cạnh quốc tế thì chưa nước nào có nhiều kinh nghiệm về việc giải quyết vấn đề tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ. Ở một nước rộng lớn như Trung Quốc, thị trường chứng khoán địa phương có thể xem là một giải pháp tốt.

### *b) Các tổ chức trung gian*

Các tổ chức trung gian được hiểu là các hiệp hội kinh doanh và cơ quan hành chính của Chính phủ. Phần lớn các hiệp hội kinh doanh do Chính phủ bảo trợ và tổ chức. Bên cạnh đó còn có hiệp hội kinh doanh mang tính tự nguyện. Những hiệp hội kinh doanh này ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với giới doanh nghiệp trong việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh, trong quan hệ với các cơ quan công quyền, đào tạo và thu thập thông tin, và thậm chí còn đóng vai trò duy trì trật tự thị trường. Hơn nữa, Chính phủ cũng đã bắt đầu thiết lập những cơ quan đặc biệt phục vụ riêng cho khu vực tư nhân. Tuy nhiên hiệu quả của nó còn cần có thời gian để kiểm nghiệm.

*Hiệp hội kinh doanh.* Có nhiều loại hiệp hội kinh doanh ở Trung Quốc. Ở cấp quốc gia là Liên đoàn Công

thương Trung Quốc (ACFIC). Đây là một tổ chức bán chính thức có nhiệm vụ tập hợp các nhà đầu tư và đặt họ dưới sự kiểm soát của Chính phủ. ACFIC có chi nhánh ở mọi cấp quản lý hành chính cũng như đến tận các doanh nghiệp. Ở phạm vi rộng, ACFIC và các chi nhánh địa phương đã đóng vai trò rất tích cực trong việc thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân. *Trước hết*, nó cung cấp cho các thương nhân một kênh chính thức để có thể có tiếng nói với Chính phủ. Với một cơ chế còn hạn chế tính dân chủ như Trung Quốc thì đây là cơ sở rất quan trọng để duy trì quyền tham gia các hoạt động chính trị cho thương nhân. *Thứ hai*, ACFIC và các chi nhánh của nó cũng tiến cử các thương nhân để họ có thể hiện diện trong hoạt động chính trị cấp quốc gia và địa phương. *Thứ ba*, ACFIC và các chi nhánh sẽ cung cấp các khoá học và tổ chức khảo sát học tập kinh nghiệm các thành viên khác ngoài việc phổ biến chính sách của Chính phủ cho các chủ doanh nghiệp. *Cuối cùng*, ACFIC và các chi nhánh cũng hỗ trợ thành viên của mình về vốn, dịch vụ tư vấn pháp lý, thông tin về công nghệ và trong các quan hệ với Chính phủ.

Ngoài các chi nhánh ở địa phương của ACFIC, mỗi một thành phố cũng có thêm một *Hiệp hội chủ doanh nghiệp bán chính thức*. Tuy nhiên, tổ chức này trong

nhiều trường hợp chỉ tồn tại trên giấy tờ và không có hoạt động gì ngoài việc thu phí của chủ doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, ngày càng xuất hiện nhiều *Hiệp hội kinh doanh tự nguyện* do các chủ doanh nghiệp ở địa phương thành lập. Một ví dụ đáng chú ý là Hiệp hội may mặc Ôn Châu. Hiệp hội này do các chủ doanh nghiệp tư nhân tổ chức và có phạm vi hoạt động rộng hơn nhiều so với chi nhánh địa phương của ACFIC. Ngoài các hoạt động thông thường của một hiệp hội kinh doanh, hoạt động thường xuyên nhất của Hiệp hội may mặc là hàng năm tổ chức tại thành phố triển lãm thời trang nhằm thu hút sự tham gia các doanh nghiệp và khách hàng trên toàn thế giới.

Hệ thống pháp luật Trung Quốc, đặc biệt là cơ chế thực thi pháp luật chưa hoàn thiện. Vì thế, các hiệp hội kinh doanh ở Trung Quốc không chỉ có chức năng như hiệp hội ở các nước phát triển mà còn đóng vai trò là một cơ chế bổ sung cho các cơ quan thực thi pháp luật. Sự xuất hiện các hiệp hội kinh doanh tự nguyện đã trở thành một thành tố quan trọng trong xã hội Trung Quốc ngày nay.

*Cơ quan chính phủ.* Không có một cơ quan của Chính phủ nào thực hiện các dịch vụ trung gian cho các công ty tư nhân trước khi Ủy ban kinh tế và thương mại nhà nước (SETC) thành lập Cục phát triển

doanh nghiệp nhỏ và vừa (DSME). Đa số doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc kinh tế tư nhân nên thực chất, Cục doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ quan Chính phủ cung cấp các dịch vụ cho doanh nghiệp tư nhân. Đây không phải là cơ quan quản lý nhà nước mà nó chỉ cung cấp các dịch vụ cho doanh nghiệp tư nhân và đưa ra các khuyến nghị chính sách liên quan đến việc phát triển khu vực kinh tế tư nhân lên Ủy ban kinh tế và thương mại nhà nước.

Ở cấp địa phương, Phòng doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được thành lập trong các Ủy ban kinh tế và thương mại cấp tỉnh, thành phố (ETCs). Hiện nay, phòng doanh nghiệp nhỏ có ba nhiệm vụ chính trong việc phát triển khu vực kinh tế tư nhân: *Thứ nhất* là ban hành các chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, phần lớn chính sách được ban hành ở cấp trung ương và địa phương chưa có sự đối xử đặc biệt nào cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hơn thế nữa, những chính sách này còn coi các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân, ngang bằng với các công ty lớn trong các ưu đãi chính sách về đổi mới và phát triển kỹ thuật, công nghệ. *Thứ hai* là khuyến khích các tổ chức trung gian cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các lĩnh vực liên quan đến hỗ trợ kỹ thuật, thông tin sản phẩm, dịch vụ pháp lý... Có sự

phân biệt dịch vụ trung gian phi lợi nhuận và vì lợi nhuận, có hỗ trợ tài chính cho hoạt động dịch vụ trung gian phi lợi nhuận. *Thứ ba* là tăng cường hệ thống bảo lãnh tín dụng cho các khoản vay ngân hàng của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hiện đang có một thử nghiệm được tiến hành ở 10 thành phố. Theo mô hình thử nghiệm, Chính phủ cung cấp khoản tài chính ban đầu cho quỹ bảo lãnh tín dụng liên doanh (đầu tư và điều hành) giữa chủ doanh nghiệp tư nhân và Chính phủ. Thử nghiệm này phát triển rất chậm và chỉ có vài thành phố học tập theo mô hình đó (Thành Đô, Triết Giang và Thượng Hải). Hầu hết các thành phố khác ưa chuộng hình thức Chính phủ đầu tư. Vẫn tồn tại sự không tin tưởng vào doanh nghiệp tư nhân trong các quan chức Chính phủ. Hơn nữa, những quỹ bảo lãnh tín dụng hoạt động tốt lại có rất ít người biết đến. Vấn đề cốt yếu là làm thế nào vượt qua được những trở ngại về thông tin mà các ngân hàng thường gặp phải khi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn. Nếu các quan chức Chính phủ quản lý quỹ thì hiệu quả hoạt động có thể cũng sẽ không cao.

Mặc dù vẫn cần sự can thiệp của Chính phủ vào sự phát triển của kinh tế tư nhân nhưng nên cân nhắc can thiệp như thế nào và đến mức độ nào? Vấn đề là tìm được sự cân bằng giữa định hướng của Chính phủ và sự



chủ động của doanh nghiệp. Nếu không có sự tiên phong của khu vực tư nhân thì những chính sách của Chính phủ sẽ khó có thể tồn tại lâu dài. Hiện nay ở một số thành phố còn tồn tại một thực tế là đầu tư của Chính phủ có thể chỉ đơn giản là tạo một kênh mới cho sự lợi dụng mà không đóng góp gì đáng kể vào việc phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

### *c) Tính phi chính thức của doanh nghiệp tư nhân*

Nếu có sự cản trở tiềm năng phát triển doanh nghiệp tư nhân ở Trung Quốc thì đó chính là tính phi chính thức của khu vực này. Tính phi chính thức rất đa dạng, dưới nhiều góc độ và hậu quả của nó cũng rất nặng nề.

*Trước hết*, các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa không thực hiện ghi chép sổ sách kế toán đầy đủ.

*Thứ hai*, doanh nghiệp tư nhân dường như không có ý thức tuân thủ pháp luật. Ví dụ, có rất nhiều doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa đã đăng ký bảo hộ tên mác sản phẩm nhưng lại sản xuất sản phẩm có chất lượng thấp hơn. Chính hành vi này đã làm giảm lòng tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm của họ, điều đó sẽ gây tổn thương cho chính các doanh nghiệp tư nhân. Phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa không tuân thủ chuẩn

mức về lao động, công nhân thiếu sự bảo hộ tối thiểu và nợ tiền lương cũng phổ biến. Những hành vi này làm tăng chi phí giao dịch và chi phí quản lý, và rốt cuộc sẽ gây hại cho chính doanh nghiệp.

*Thứ ba*, đa số các công ty tư nhân không có cơ chế quản lý nội bộ hợp lý điều này là thực tế ngay cả đối với một số doanh nghiệp quy mô. Nhiều công ty tư nhân là các công ty gia đình - ở đó không có một cơ quản lý minh bạch, rõ ràng.

*Cuối cùng*, các doanh nghiệp tư nhân vẫn chưa đánh giá đúng nguồn nhân lực. Chẳng hạn, so sánh với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp tư nhân thường trả một mức lương thấp cho các sinh viên mới tốt nghiệp. Nguyên nhân của hiện tượng này là doanh nghiệp tư nhân nhấn mạnh đến yếu tố kinh nghiệm tích lũy trong doanh nghiệp mình. Điều này chắc chắn sẽ đặt doanh nghiệp tư nhân vào thế bất lợi nếu xét về sự phát triển dài hạn.

## **5. Kinh nghiệm cho Việt Nam**

Những kinh nghiệm được rút ra cho Việt Nam là những điểm sau:

- Phải giải phóng được tư tưởng về sự tác động tiêu cực của phát triển kinh tế tư nhân đến nền kinh tế - xã

hội chủ nghĩa. Cuộc tranh cãi kéo dài ở Trung Quốc về mặt lý luận rằng kinh tế tư nhân phát triển có làm chệch hướng sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc hay không? Nhưng cuối cùng, Hiến pháp Trung Quốc sửa đổi năm 1999 đã chính thức thừa nhận tầm quan trọng tương đương nhau của khu vực tư nhân và khu vực nhà nước.

- Thông qua chính sách và pháp luật, Nhà nước phát huy thế mạnh, hạn chế được mặt trái của kinh tế tư nhân và hướng nó phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc. Tháo gỡ được quan điểm kinh tế tư nhân không đối lập với nền kinh tế - xã hội chủ nghĩa là cơ sở cho việc giải toả tâm lý xã hội và sự kỳ thị, phân biệt đối xử đối với kinh tế tư nhân, tạo niềm tin và sự an tâm cho người dân bỏ vốn đầu tư, kinh doanh.

- Xây dựng những chính sách và thể chế phù hợp thúc đẩy phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa và kinh tế tư nhân như: tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận những nguồn lực của quốc gia: vốn, đất, nguồn nhân lực, mua sắm của Chính phủ.

- Chính phủ và các hiệp hội doanh nghiệp có vai trò quan trọng thúc đẩy, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân.

## *Chương IV*

# **MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

### **1. Mục tiêu**

Theo *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010*, GDP năm 2010 sẽ gấp đôi năm 2000. Để đạt được mục tiêu này, chúng ta phải tăng nhanh vốn đầu tư, đi đôi với việc nâng cao tỷ lệ sử dụng lao động, nhất là lao động ở nông thôn và nâng cao năng suất tổng hợp (phản ánh sự phát triển theo chiều sâu). Một số kết quả nghiên cứu kinh tế trong giai đoạn 1998-2003 cho thấy, các nhân tố đóng góp vào tổng mức tăng trưởng kinh tế ở nước ta như sau: vốn đầu tư 57,5%, số lượng lao động 20%, năng suất tổng hợp là 22,5%, tuy có tiến bộ hơn so với thời kỳ 1993-1997 (15%), nhưng còn thấp hơn nhiều so với tỷ lệ trong cùng thời kỳ ở Thái Lan, Philippin, Indônêxia (35-43%).

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2001-2005 là 975 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 10,3%/năm. Kinh tế tư nhân đã có tốc độ tăng bình quân nhanh hơn các thành phần kinh tế khác, đưa vốn đầu tư của dân cư và tư nhân từ 23,5% năm 2001 lên 26,6% năm 2005 trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, tăng 3,1% (con số tương ứng của các thành phần kinh tế khác: ngân sách nhà nước 22,6% và 22,5%; tín dụng nhà nước 17,1% và 13,3%; doanh nghiệp nhà nước 17,8% và 18,3%; đầu tư trực tiếp nước ngoài 19% và 16,6%; vốn huy động khác năm 2005 chiếm 2,7%). Theo dự kiến kế hoạch, phần đầu tư của khu vực dân cư, doanh nghiệp của tư nhân trong 5 năm 2006 - 2010 sẽ tiếp tục chiếm tỷ lệ cao hơn so với 2001-2005, từ 26,6% năm 2005 lên tới 30,7% năm 2010 (phương án tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 1.850 nghìn tỷ đồng) và 31% (phương án 1.960 nghìn tỷ đồng)<sup>1</sup>.

Điều tra về lao động - việc làm năm 2005 cho thấy, tại thời điểm điều tra ngày 1-7-2005, lực lượng lao động (bao gồm trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động) của cả nước có 44,385 triệu lao động, tăng 2,6% so

---

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010*, Hà Nội, tháng 9 năm 2005, tr.178, 234.

với năm 2004, với quy mô tăng thêm là 1,143 triệu người. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực đô thị trong cả nước của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm 2005 là 5,3% (giảm 0,3% so với năm 2004). Tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng ở khu vực nông thôn cả nước là 80,7%, tăng 1,6% so với năm 2004.

Cuộc điều tra cũng cho biết, cả nước có 4,413 triệu người làm việc trong khu vực Nhà nước, chiếm 10,2%; có 38,355 triệu người làm việc làm việc trong khu vực ngoài nhà nước, chiếm 88,2% và hơn 687 nghìn người làm việc ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 1,6%. Về cơ cấu lao động có việc làm, cả nước có hơn 24,677 triệu người làm việc ở khu vực I (nông, lâm nghiệp và thủy sản), chiếm 56,8%; hơn 7,769 triệu người làm việc ở khu vực II (công nghiệp và xây dựng), chiếm 17,9%; và hơn 11 triệu người làm việc ở khu vực III (dịch vụ) chiếm 25,3%.

Mục tiêu đặt ra cho kế hoạch 5 năm 2006 - 2010: lao động được giải quyết việc làm là 8 triệu người (5 năm từ 2001-2005 là 7,5 triệu người); tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị dưới 5%; tỷ trọng lao động: trong nông, lâm nghiệp và thủy sản là 50%; công nghiệp là 23-24%; dịch vụ 26-27%; thời gian sử dụng lao động ở nông thôn 85%.

Kinh tế tư nhân sẽ có đóng góp lớn nhất cho thực hiện các mục tiêu về lao động - việc làm, cả về tạo việc

làm cho số lao động mới đến tuổi lao động, chuyển dịch lao động từ khu vực I sang khu vực II và III, tăng tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn. Kinh tế tư nhân sẽ thu nhận khoảng 90% trong tổng số lao động được giải quyết việc làm trong 5 năm từ 2006-2010.

Dự báo trong 5 năm tới, vốn đầu tư góp vào tăng trưởng GDP sẽ ở mức 50%, lao động đóng góp 20%, các yếu tố năng suất 30%. Theo những tỷ lệ dự báo này và mức đóng góp của kinh tế tư nhân về vốn đầu tư cho phát triển và giải quyết việc làm như đã nêu trên, kinh tế tư nhân sẽ chiếm khoảng 1/3 mức tăng trưởng GDP 7,5 - 8% hàng năm cho thời kỳ 2006 - 2010.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, đạt tốc độ cao chỉ là một mặt của sự tăng trưởng, điều quan trọng hơn nữa chính là mục tiêu chất lượng của sự tăng trưởng, thể hiện ở hiệu quả và nhất là sức cạnh tranh của các hàng hoá, dịch vụ của các thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân. Đó là vì trong cuộc cạnh tranh gay gắt hiện nay trong kinh tế khu vực và trên thế giới, giá thành sản phẩm tuy vẫn rất quan trọng song quan trọng hơn lại chính là chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã, sự tiện dụng cho người tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ.

*Những mục tiêu cụ thể của từng bộ phận của kinh tế tư nhân:*

Phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể ở những

lĩnh vực phù hợp. Tăng thêm vốn và trình độ của những hộ kinh doanh nhỏ. Một bộ phận không ít các hộ sản xuất, kinh doanh sẽ phát triển chuyển thành doanh nghiệp. Khi chuyển thành doanh nghiệp sẽ khắc phục được tính phi chính thức và có điều kiện thuận lợi hơn về huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển với quy mô lớn hơn, làm ăn lâu dài hơn.

Mục tiêu phát triển trang trại trong thời gian tới là kết hợp giữa trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, chế biến và kinh doanh tổng hợp. Vì vậy, sẽ có những trang trại có quy mô lớn, sản xuất kinh doanh đa ngành.

Tăng nhanh số lượng doanh nghiệp mới, mở rộng và phát triển theo chiều sâu những doanh nghiệp hiện có. Hình thành cho được một số doanh nghiệp của tư nhân có năng lực cạnh tranh cao, tham gia các tập đoàn kinh tế mạnh do doanh nghiệp nhà nước làm nòng cốt. Đến năm 2010 sẽ có 50 vạn doanh nghiệp của tư nhân được đăng ký. Đến thời điểm đó, các doanh nghiệp của tư nhân sẽ trở thành nòng cốt của kinh tế tư nhân, trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng tỷ trọng doanh nghiệp của tư nhân hoạt động trong các ngành công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến. Khuyến khích họ tham gia những dịch vụ có giá trị gia tăng cao (ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, viễn thông...). Tăng cường sự tham gia vào các hoạt



động công ích. Từng bước mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

## 2. Quan điểm

Để khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân theo đúng đường lối của Đảng, sự thống nhất về quan điểm có ý nghĩa quyết định, trong việc hoạch định và thi hành các chính sách. Thực tiễn phát triển kinh tế tư nhân trong thời gian qua cho thấy: rào cản vẫn còn, dai dẳng nhất, lại chính là sự bất cập về quan điểm, tư duy lý luận cũng như thái độ phân biệt đối xử trong hành vi quản lý của cán bộ, công chức cơ quan chức năng có thẩm quyền đối với kinh tế tư nhân. Do đó, nếu nói cần thống nhất về quan điểm, thì chính là phải nói đến việc đổi mới quan điểm của những người này, những người đang giữ chức trách cầm cân nảy mực, những người có quyền quyết định đối với sinh mệnh của kinh tế tư nhân.

Trước hết là bốn quan điểm cơ bản đã được nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX<sup>1</sup>.

*Thứ nhất*, kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 57, 58.

quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế tư nhân phát triển góp phần giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, huy động các nguồn lực vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Kinh tế tư nhân có nhiều tiềm năng to lớn, ở đó có những doanh nhân có tinh thần doanh nghiệp, vươn lên làm giàu không cam chịu đói nghèo, có động lực to lớn và điều kiện sản xuất, kinh doanh có hiệu quả do quyền sở hữu vốn và tài sản trực tiếp của người kinh doanh.

*Thứ hai*, Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật, bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân; khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và định hướng; quản lý sự phát triển của kinh tế tư nhân theo pháp luật, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

Các hộ kinh doanh cá thể được Nhà nước tạo điều

kiện và giúp đỡ để phát triển cả ở nông thôn và thành thị; khuyến khích các hộ liên kết thành các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý và tâm lý xã hội để các doanh nghiệp của tư nhân phát triển rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm, không hạn chế về quy mô, nhất là trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước; khuyến khích chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước.

*Thứ ba*, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cả người lao động và người sử dụng lao động. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở pháp luật và tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái. Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục các chủ doanh nghiệp nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, gắn bó với lợi ích của đất nước và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Thứ tư*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp, các ngành, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trực tiếp và thông qua luật pháp, chính sách đối với khu vực kinh tế tư nhân; tạo sự thống nhất cao trong nhận thức

của toàn Đảng, toàn dân, tạo tâm lý xã hội thuận lợi về vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân. Đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng trong khu vực kinh tế tư nhân, tập trung vào việc nâng cao nhận thức chính trị - xã hội, ý thức chấp hành pháp luật.

Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và các hiệp hội doanh nghiệp đối với kinh tế tư nhân nói chung cũng như trong từng doanh nghiệp. Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp phải bảo đảm phát huy tác dụng thiết thực trong việc thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tuân thủ pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động và người lao động. Các hiệp hội doanh nghiệp hướng vào việc hướng dẫn phát triển, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các doanh nghiệp, tăng cường sự hợp tác, liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp thành viên, nâng cao ý thức về lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích cộng đồng, văn hoá doanh nghiệp và doanh nhân.

Về mặt chính trị, phát triển kinh tế tư nhân chính là quán triệt chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn gốc của sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân

tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

Từ Đại hội lần thứ VI năm 1986 đến nay, đại đoàn kết được đặt ra và nhìn nhận trong hoàn cảnh xây dựng nền kinh tế từ đơn sở hữu chuyển sang đa sở hữu, hình thành nền kinh tế nhiều thành phần, các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Theo chủ trương và chính sách đó, kinh tế tư nhân đã có bước phát triển mới. Từ thân phận bị cải tạo đi đến xoá bỏ trong thể chế nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu. Nay, những người chủ kinh tế tư nhân, cả kinh hộ gia đình và doanh nghiệp của tư nhân được quyền tự do đầu tư, kinh doanh theo pháp luật, lớn mạnh cùng với sự thịnh vượng của đất nước. Tầng lớp doanh nhân trở thành một trong bốn trụ cột chính, cùng với công, nông, trí tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, cội nguồn sức mạnh của chúng ta.

Đại hội X khẳng định: “Xoá bỏ mọi rào cản, tạo tâm

lý xã hội và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp của tư nhân phát triển không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm”<sup>1</sup>.

Đối với doanh nhân, cần khẳng định rằng họ là "thành quả đặc biệt" của công cuộc đổi mới, họ kinh doanh hợp pháp, chấp hành Luật Lao động và thực hiện đúng hợp đồng ký kết với người lao động, nộp thuế và làm các nghĩa vụ khác đối với nhà nước theo chính sách, tham gia các hoạt động xã hội ... Họ đã dũng cảm bỏ vốn ra kinh doanh trong những điều kiện thuận lợi có nhiều nhưng rủi ro cũng không ít. Thời gian vừa qua, cũng có một số có những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật, song đó chỉ là số ít, mà tuyệt đại bộ phận doanh nhân kinh doanh đúng pháp luật. Họ cũng đau nỗi đau của người dân một nước có truyền thống anh hùng, bất khuất, giàu tiềm năng song vẫn chịu phận đời nghèo; họ cũng muốn đóng góp sức mình trong cuộc đua tranh với bạn hàng trong nước và thế giới, làm vẻ vang thương hiệu Việt Nam trước thế giới. Không vì một bộ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 86-87.

phận doanh nghiệp vi phạm pháp luật mà chúng ta coi thường, thậm chí miệt thị kinh tế tư nhân, như gọi doanh nghiệp của tư nhân là “doanh nghiệp ma”. Chính vì vậy, họ rất đáng tôn vinh, rất đáng được gọi là chiến sĩ xung kích thời bình, là nhân vật trung tâm của thời kinh tế thị trường.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX, trong phần nói về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đã khẳng định “Đối với các nhà doanh nghiệp, nêu cao vai trò và trách nhiệm đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để kinh doanh và cạnh tranh theo pháp luật; có những hình thức biểu dương công sức của những người quản lý sản xuất, kinh doanh giỏi”. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX của Đảng nói rõ thêm “Cổ vũ và biểu dương những doanh nhân, đơn vị sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, đúng pháp luật, có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước”.

Sự khẳng định của Đảng về vị trí của kinh tế tư nhân và tầng lớp doanh nhân trong khối đại đoàn kết dân tộc đã đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân, hợp quy luật phát triển của thời đại, là một bước đột phá về quan điểm tư tưởng và lý luận có ý nghĩa lịch sử.

### **3. Một số chính sách, giải pháp**

#### *a) Chuyển đổi chức năng của Nhà nước*

Theo kinh nghiệm của các nền kinh tế chuyển đổi từ Nhà nước trong thể chế kế hoạch hoá tập trung sang Nhà nước trong thể chế kinh tế thị trường, phải thực hiện sự chuyển đổi chức năng của Nhà nước theo ba mặt như sau:

Chuyển từ quản lý vi mô sang quản lý vĩ mô, trả lại quyền quản lý sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, bảo đảm cho doanh nghiệp thực sự trở thành đơn vị sản xuất hàng hoá kinh doanh tự chủ, tự hạch toán lãi lỗ; bảo đảm cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều bình đẳng trong thị trường; đồng thời tăng cường sự quản lý vĩ mô của Nhà nước, làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu của kinh tế vĩ mô. Các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế là: quy hoạch, kế hoạch, thu và chi ngân sách, đầu tư phát triển, hệ thống thuế, hệ thống ngân hàng; hiện nay, tất cả các công cụ này đang còn rất yếu, đều phải củng cố và tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn.

Chuyển từ quản lý trực tiếp sang quản lý gián tiếp, tách bạch giữa Nhà nước với doanh nghiệp, khắc phục tình trạng cơ quan nhà nước can thiệp cụ thể vào hoạt



động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, như dự án sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, phân phối lợi nhuận, tiền lương, tiền thưởng... Nhà nước chuyển sang làm tốt các nhiệm vụ chủ yếu như định hướng, phục vụ, kiểm tra, giám sát, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh và kiểm soát độc quyền kinh doanh. Doanh nghiệp sản xuất cái gì, sản xuất bao nhiêu, bán cho ai, giá cả thế nào... là do doanh nghiệp căn cứ vào yêu cầu của thị trường, hợp đồng kinh tế với các tổ chức kinh tế khác mà tự quyết định. Những công việc thực hiện trong thời gian gần đây như xoá bỏ những giấy phép trái với Luật Doanh nghiệp, thực hiện "hậu kiểm" chính là nhằm thể hiện sự chuyển biến này trong chức năng của Nhà nước.

Chuyển từ quản lý theo Bộ sang quản lý theo ngành nghề (mà lâu nay thường nói là xoá bỏ cơ chế Bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản), xoá bỏ sự phân biệt doanh nghiệp trung ương, doanh nghiệp địa phương, cũng có nghĩa là mỗi Bộ, ngành chuyển từ chỗ chỉ trực tiếp quản lý những doanh nghiệp thuộc Bộ, ngành mình sang quản lý nhà nước theo ngành, phục vụ toàn ngành, tách bạch dứt khoát Bộ với doanh nghiệp. Điều này hiện đang rất khó khăn trong thực hiện, vì cả hai phía doanh nghiệp và Bộ đều không muốn rời nhau: một bên vẫn muốn dựa dẫm vào sự bao cấp, những ưu

ái của Bộ chủ quản, còn một bên, vẫn muốn duy trì "sân sau" của mình, không muốn rời bỏ.

Thực hiện được sự chuyển biến về chức năng của Nhà nước như trên, sẽ là cơ sở để thiết kế chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, thực hiện nghiêm chế độ công vụ, kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, công chức thoái hoá, những nhiều, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Phải khẳng định rằng công chức là những người hưởng lương từ ngân sách (do dân đóng góp), được giao giữ một công vụ trong cơ quan nhà nước, thực hiện các chính sách của Nhà nước nhằm phục vụ lợi ích của dân, doanh nghiệp và của Nhà nước. Như vậy họ là người do dân nuôi để phục vụ lại dân (vì nói cho cùng, tất cả các nhiệm vụ mà công chức thực hiện, kể cả thu thuế của doanh nghiệp, tiến hành quản lý thị trường, thậm chí thi hành các biện pháp cưỡng chế một doanh nghiệp nào đó vi phạm pháp luật, nhìn về biểu hiện có vẻ như là một hành vi trấn áp, nhưng xét về bản chất, cũng đều là hành vi phục vụ); họ không phải là người đứng trên dân, có quyền ban phát, buộc doanh nghiệp phải "xin" và họ có quyền "cho" như lâu nay. Có thể nói thực chất là họ đã tiếm quyền của dân cũng như của doanh nghiệp: họ đã buộc doanh nghiệp phải "xin" họ cái vốn là quyền của doanh nghiệp và "cho" doanh nghiệp cái vốn không phải của họ mà họ đã cầm nhâm!

## *b) Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế*

Cùng với việc đổi mới quan điểm đối với kinh tế tư nhân, việc đổi mới thể chế kinh tế có ý nghĩa hết sức quan trọng, vì thể chế là gốc để thiết kế các cơ chế, chính sách quản lý. Trước yêu cầu phát triển kinh tế nhanh và bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, việc đổi mới thể chế kinh tế phải nhằm mục tiêu tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của từng sản phẩm, từng ngành hàng, từng doanh nghiệp cho đến toàn bộ nền kinh tế. Có những vấn đề cần được quan tâm như sau:

- Thể chế kinh tế phải bảo đảm thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện của các loại thị trường. Đến nay, thị trường hàng hoá đã hình thành và phát triển, hoạt động xuất nhập khẩu đã được tự do hoá ở một mức độ nhất định, thế nhưng thị trường tài chính, tiền tệ còn nhiều bất cập, đặc biệt là thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất thị trường đất đai cũng còn nhiều lúng túng cần tháo gỡ, thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ chưa hình thành. Cần nhấn mạnh rằng hệ thống ngân hàng thiếu lành mạnh về tài chính và thị trường vốn còn rất sơ khai đang là những yếu tố chủ yếu cản trở việc hình thành đồng bộ các loại thị trường. Thực trạng thị

trường chưa hoàn chỉnh, còn khập khiễng, do đó, không tránh khỏi những chông chéo, vướng mắc trong kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự hình thành đồng bộ các loại thị trường là điều kiện không thể thiếu để khuyến khích cạnh tranh lành mạnh đi đôi với kiểm soát độc quyền đang là một vấn đề nổi cộm trong đời sống kinh tế. Việc hình thành giá cả "đầu vào", "đầu ra" của hàng hoá phải theo những nguyên tắc của thị trường; trước mắt, phải có những quy định để kiểm soát giá cả của những loại hàng hoá đang bị các doanh nghiệp nhà nước độc quyền nắm giữ, vì những hàng hoá này đang làm tăng giá các nguyên liệu đầu vào, làm tăng giá thành, giảm khả năng cạnh tranh của hàng hoá các doanh nghiệp khác.

Việc hình thành các loại thị trường theo yêu cầu của thể chế kinh tế thị trường cũng đòi hỏi đổi mới chức năng của Nhà nước, tiếp tục đổi mới thể chế hành chính. Phải quy định rõ những việc gì Nhà nước nhất thiết phải làm và những việc gì Nhà nước cần chuyển cho thị trường, cho doanh nghiệp hoặc cho các tổ chức xã hội dân sự đảm nhiệm.

- Khung pháp lý phải tạo sân chơi bình đẳng, phải có những quy phạm pháp luật áp dụng chung cho các thành phần kinh tế, cho nhà đầu tư tư nhân và nước ngoài, khắc phục mọi kỳ thị, phân biệt đối xử đối với

kinh tế kinh tế tư nhân. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, cũng phải từng bước mở sân chơi bình đẳng với nhà đầu tư trong nước, theo lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế đã cam kết.

Chúng ta đang tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thống nhất cho các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh, không phân biệt đối xử theo thành phần kinh tế như lâu nay. Những doanh nghiệp kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận đều bình đẳng trước pháp luật, hoạt động theo một luật chung, như Luật Doanh nghiệp thống nhất và Luật Đầu tư chung vừa được Quốc hội thông qua ngày 29-11-2005. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đều có quyền tham gia sản xuất, cung ứng dịch vụ công theo phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do công ty quốc phòng, an ninh đảm nhận.

Phải tiếp tục xoá bỏ thể chế kế hoạch tập trung quan liêu, giảm bớt đi đến xoá bỏ sự can thiệp trực tiếp của các cơ quan chức năng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện hoạt động quản lý theo phương thức gián tiếp, chủ yếu là bằng hệ thống quy hoạch, kế hoạch, chính sách, xoá bỏ cơ chế xin - cho. Tự do kinh doanh gắn liền với cạnh tranh; còn xin - cho thì không có bình đẳng, không có cạnh tranh lành mạnh.

Cho đến nay, tư duy về kế hoạch tập trung quan liêu thể hiện trong cơ chế xin - cho vẫn còn khá đậm nét trong thể chế kinh tế, tạo ra một thực trạng dằng dằng, co kéo, không dứt khoát, dẫn đến doanh nghiệp chưa thực sự làm chủ trong sản xuất, kinh doanh. Phải nói rằng cơ chế xin - cho đã bị đẩy lùi một bước quan trọng, qua gần 160 giấy phép trái với Luật Doanh nghiệp bị xoá bỏ. Tuy nhiên, nguy cơ trở lại cơ chế này trong từng lĩnh vực kinh doanh vẫn còn nhiều “giấy phép con” tiếp tục xuất hiện núp dưới nhiều hình thức, như chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn, thẻ, điều kiện kinh doanh... không những thế, quyền kinh doanh của doanh nghiệp còn bị hạn chế trong hoạt động điều hành thường xuyên của cơ quan nhà nước, như trường hợp uỷ ban nhân dân một số tỉnh, thành phố đề ra những điều kiện kinh doanh trái với Luật Doanh nghiệp, hạn chế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.

Trong một số ít trường hợp, cơ chế xin - cho cũng đã len lỏi vào được trong Luật, Pháp lệnh; một số Bộ đã khôn khéo gài được những quy định có lợi cho ngành mình, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Do đó, vẫn phải hết sức chú trọng nội dung bảo đảm quyền tự do kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trong các văn bản quy phạm pháp luật. Chỉ có Quốc hội và Chính phủ (khi được Quốc hội giao) mới được quy định các

loại giấy phép kinh doanh và điều kiện kinh doanh.

Cũng xin lưu ý rằng cơ chế xin - cho đang còn khá phổ biến trong những văn bản của cơ quan nhà nước giải quyết những vấn đề cá biệt cho doanh nghiệp, thường được gọi là quyết định cá biệt của cơ quan hành chính (ví dụ như cho miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng, cho chuyển nợ thành vốn ngân sách cấp, cấp thêm vốn lưu động...). Những quyết định cá biệt này cần phải giảm tới mức tối thiểu; điều nào cần thiết thì quy định ngay trong văn bản pháp quy, doanh nghiệp nào có đủ điều kiện như quy định thì đương nhiên được hưởng, không phải làm đơn xin. Trong thực tế, nhiều khi những quy định trong văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng hoặc dành quyền này cho cơ quan chức năng đã tạo thêm nhiều trường hợp xin - cho hợp pháp và không tránh khỏi tiêu cực.

### *c) Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch*

Quy hoạch phải bảo đảm cụ thể hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện công tác kế hoạch hoá và thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất phải được thống nhất và

liên thông, trong đó lấy quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội làm cơ sở và đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và thị trường; đồng thời phải căn cứ vào lợi thế kinh tế, khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm, từng lĩnh vực và của từng vùng.

Có quy hoạch đúng và quản lý được quy hoạch sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân và các tổ chức kinh tế việc lựa chọn lĩnh vực, địa bàn để đầu tư, kinh doanh, giảm rủi ro, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Để bảo đảm tính thống nhất của quy hoạch, ở cấp quốc gia, quy hoạch phải do Chính phủ nắm. Các ngành Trung ương có trách nhiệm phối hợp với nhau, không thể mạnh ai nấy làm. Quy hoạch vùng phải do Trung ương quản lý, điều phối.

Ở cấp tỉnh, phải tuân theo quy hoạch cả nước, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, theo đó triển khai xây dựng và quản lý quy hoạch trong phạm vi của mình, nhưng phải tránh chia cắt theo địa giới hành chính mà phải liên kết các tỉnh trong vùng. Tỉnh phải quản lý quy hoạch cho đến huyện.

Phải rũ bỏ lối quy hoạch hành chính, áp đặt và không khả thi, không tính đến nhu cầu của thị trường, nhất là đối với nông nghiệp; hướng dẫn người ta trồng cây, nuôi con mà chưa rõ thị trường tiêu thụ. Quy hoạch



phải xuất phát từ yêu cầu của thị trường, cả trong nước và ngoài nước, từ thế mạnh và chỗ yếu của sản phẩm nước ta trong từng giai đoạn; từ đó có bước đi và lộ trình nâng cao khả năng cạnh tranh cho từng sản phẩm ở từng vùng khác nhau.

Quy hoạch phải được dân chủ hoá, công khai hoá, công bố công khai, bằng nhiều hình thức, ở nơi quy hoạch để người dân biết, phát biểu ý kiến về nội dung quy hoạch. Chính phủ chỉ quyết định những quy hoạch lớn có tính nguyên tắc và định hướng phát triển các ngành, các vùng lớn và có tính liên ngành và liên vùng. Để cao vai trò của Hội đồng nhân dân trong việc xem xét xác định quy hoạch cụ thể tại địa phương.

Các ngành, các cấp cần nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác quy hoạch, coi trọng chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch; phải coi quy hoạch là cơ sở xuất phát để xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của địa phương. Cần thể chế hoá công tác quy hoạch, bằng việc xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật (trước mắt là Nghị định của Chính phủ), tạo hành lang pháp lý cho việc xây dựng và quản lý thống nhất các quy hoạch tổng thể cũng như các quy hoạch chi tiết từ cấp Trung ương đến cơ sở, nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước đối với công tác quy hoạch. Tăng cường công tác kiểm

tra thực hiện quy hoạch; khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”, có khi kéo dài nhiều năm, ảnh hưởng đến đời sống của dân.

Trong vài năm tới, việc đổi mới công tác quản lý quy hoạch phải tập trung đáp ứng mấy yêu cầu trước mắt về chuyển mạnh sang công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát huy thế mạnh, đồng thời hạn chế tác động tiêu cực trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Đối với nông nghiệp, cần hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất và mặt nước theo hướng bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trên cơ sở thâm canh tăng vụ, tăng thêm diện tích trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi nhằm vào những sản phẩm có sức cạnh tranh và có thị trường. Việc quyết định trồng cây gì, nuôi con gì trên từng vùng, từng địa bàn cụ thể phải có sự liên kết giữa người nông dân với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở ký kết hợp đồng. Quy hoạch tổng thể các sản phẩm mũi nhọn của từng vùng, trên cơ sở đó hình thành các vùng sản xuất tập trung lớn; xây dựng kết cấu hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm một cách đồng bộ; ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại.

Trong công nghiệp, cần quy hoạch rõ và hợp lý các

khu công nghiệp, chú trọng các khu, cụm công nghiệp nhỏ để phục vụ cho việc di dời các doanh nghiệp đang gây ô nhiễm trong nội đô các đô thị, giúp các làng nghề, doanh nghiệp nhỏ và vừa có mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Ngay từ đầu, phải gắn quy hoạch phát triển khu công nghiệp với quy hoạch xây dựng khu dân cư cho khu công nghiệp.

Đối với lĩnh vực kết cấu hạ tầng và dịch vụ, chú trọng quy hoạch mạng lưới giao thông (kể cả đường bộ, đường sông, cảng biển, sân bay...), quy hoạch các kết cấu hạ tầng cho phát triển du lịch, các đô thị và các khu dân cư. Đối với các đô thị lớn cần có quy hoạch rộng ra, không bó hẹp trong phạm vi hành chính hiện hành thì mới có điều kiện phát triển đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

Phát triển kết cấu hạ tầng theo quy hoạch là điều kiện quan trọng hàng đầu phục vụ cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sự phát triển sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế. Nhiệm vụ này đòi hỏi vốn đầu tư lớn, phải huy động mọi nguồn lực, trong đó phần quan trọng nhất phải dựa vào nguồn vốn đầu tư của nhà nước.

#### *d) Hỗ trợ phát triển*

Bên cạnh việc cải thiện môi trường chung cho đầu

tư, kinh doanh, Nhà nước khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân bằng các chính sách hỗ trợ phát triển, chủ yếu trên mấy lĩnh vực:

- Giúp đỡ việc tạo mặt bằng sản xuất kinh doanh bằng chính sách đất đai và các điều kiện về kết cấu hạ tầng;

- Vốn tín dụng (bằng các chính sách và hình thức thích hợp cho doanh nghiệp tư nhân có thể vay vốn phát triển);

- Ứng dụng khoa học và công nghệ (Nhà nước đầu tư công nghệ mới; áp dụng hình thức khuyến công, ứng dụng công nghệ mới, hỗ trợ việc đào tạo cán bộ, chuyên gia vận hành...);

- Hỗ trợ thông tin, tiếp thị (tạo điều kiện thuận lợi cho nối mạng thông tin, phát triển dịch vụ thông tin, hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực thông tin, tiếp thị của doanh nghiệp và hiệp hội nhưng không làm thay);

- Áp dụng các chính sách ưu đãi đối với các lĩnh vực, ngành nghề cần khuyến khích (bằng chính sách thuế, tín dụng và các hình thức khen thưởng...);

Đi đôi với các chính sách khuyến khích và hỗ trợ, cần xúc tiến mạnh hơn chủ trương xoá bao cấp, giảm bảo hộ, kiểm soát độc quyền kinh doanh như đã nêu trên, tạo ra sức ép rất mạnh thúc đẩy doanh nghiệp

phải vươn lên nâng cao sức cạnh tranh để tồn tại và phát triển, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực tế cho thấy những sản phẩm có sức cạnh tranh cao không chỉ trong nước mà cả trên thị trường quốc tế đều là những sản phẩm không dựa vào bao cấp, bảo hộ và độc quyền (như thuỷ sản, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ nội thất, một số mặt hàng cơ khí nhỏ, giày dép, may mặc, chế biến thực phẩm, mỹ phẩm...). Năm 2006 là năm thực hiện đầy đủ cam kết tham gia quy chế ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung trong khối ASEAN với thuế xuất nhập khẩu của hầu hết các loại hàng hoá giảm xuống còn dưới 5%, sau đó là các cam kết trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, WTO... buộc Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân phải hành động quyết liệt để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và của nền kinh tế Việt Nam.

*e) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn*

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX của Đảng đã đề ra các giải pháp cơ bản công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn đến năm 2010. Đó là công tác quy hoạch, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ; các chính sách về đất đai, tài chính, tín dụng; lao động việc làm, thương mại và hội nhập kinh

tế quốc tế. Hiện nay, vấn đề bức xúc nhất của người dân và doanh nghiệp là đất đai, về đền bù, việc làm cho người bị thu hồi đất và mặt bằng sản xuất cho làng nghề cần được tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hoá.

Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ<sup>1</sup> về kết quả kiểm tra thi hành Luật Đất đai cho thấy khiếu kiện của nhân dân và doanh nghiệp hiện nay chủ yếu là trường hợp liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng, trong đó nổi cộm là giá đền bù chưa thoả đáng cho người bị thu hồi đất (chiếm 70,6% tổng số đơn tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai mà Đoàn kiểm tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận được).

Đồng thời với việc tiếp tục xác định giá cả hợp lý theo giá thị trường, không để người có đất bị thu hồi thiệt thòi, cần có cách làm mới xuất phát từ nhìn nhận người nông dân cũng phải được hưởng lợi của địa tô chênh lệch do chuyển quyền sử dụng đất mang lại, thông qua hợp đồng giữa nhà đầu tư và người nông dân. Hợp đồng được ký giữa người nông dân và nhà đầu tư, có cơ quan nhà nước làm chứng. Trong hợp đồng này

---

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Báo cáo Chính phủ kết quả kiểm tra thi hành Luật Đất đai*, Hà Nội, tháng 11 năm 2005.

ghi rõ tỷ lệ phần trăm đất đô thị, công nghiệp sau khi đã có hạ tầng mà người nông dân được hưởng, thay vì hiện nay người nông dân nhận tiền đền bù một lần với giá do cơ quan công quyền xác định. Cách làm này sẽ giải quyết được phần nào thắc mắc của nhân dân về giá đất. Ở Hà Nội, có dự án đầu tư nước ngoài làm theo cách trên, đó là Trung tâm thương mại Hà Nội nằm trên khuôn viên của Hiệu sách ở phố Tràng Tiền. Một kinh nghiệm tốt của Bình Dương là dành một phần đất bị thu hồi làm khu công nghiệp phát triển các cơ sở thương mại, dịch vụ cho phát triển khu công nghiệp để tạo việc làm cho người dân bị thu hồi đất.

Một nội dung quan trọng nữa là giải pháp việc làm cho những người nông dân không còn đất nông nghiệp. Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trung bình 1 hộ bị thu hồi đất có 1,5 lao động lâm vào tình trạng mất việc. Nhiều tỉnh, thành phố có quy định về đất bị thu hồi phục vụ cho dự án thì chủ dự án phải đào tạo tại chỗ và tuyển dụng lao động cho địa phương. Để giải quyết vấn đề này, cần sớm hoàn thiện chính sách phát triển thị trường lao động nông thôn theo hướng khuyến khích phát triển mạng lưới trung tâm, văn phòng giới thiệu việc làm đa sở hữu. Một sáng kiến cần áp dụng, thay vì trả bằng tiền mặt bồi thường thiệt hại đất nông nghiệp, thì nay chuyển thành phiếu đào tạo nghề miễn

phí cho nông dân tại các trung tâm dạy nghề.

Chính sách giải quyết mặt bằng sản xuất cho các làng nghề. Các làng nghề đang có nhu cầu bức xúc chuyển đất nông nghiệp sang đất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp vì dân không thể cứ sống chung mãi với nhà xưởng bên cạnh nhà ở của chính mình, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng. Do đó, nên có chính sách cho phép chuyển đất nông nghiệp sang đất sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, trước hết là ở những nơi mà đất nông nghiệp ít còn quan trọng đối với nông dân (như ở Bắc Ninh, Hà Tây, Hà Nam, Hưng Yên...). Thay đổi cách làm, chuyển từ việc Nhà nước thu hồi đất, rồi phát triển hạ tầng cho chủ dự án thuê lại đất đã có hạ tầng với thủ tục hành chính phức tạp, kéo dài sang nguyên tắc tự quản của người dân sống ở làng nghề có đất nông nghiệp, để họ cùng nhau tự thu xếp phát triển điểm công nghiệp, thủ công nghiệp, phát triển hạ tầng rồi sử dụng làm cơ sở sản xuất, kinh doanh công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp trên chính mảnh đất của họ hoặc đổi cho hộ nông dân khác cùng làng mà họ đã có quyền sử dụng đất. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai: quy hoạch, chuyển mục đích sử dụng đất trên cơ sở đề nghị của nhân dân với thủ tục hành chính đơn giản, trợ giúp phát triển kết cấu hạ tầng, xử lý ô nhiễm môi trường.



Kinh nghiệm thực tiễn trong những năm qua cho thấy, khu vực kinh tế tư nhân giải quyết được nhiều việc làm nhất, nhưng chủ yếu lại tập trung ở đô thị lớn và khu công nghiệp. Trong khi chất lượng nguồn nhân lực ở nông thôn chưa được nâng lên (năm 2005, trung bình cả nước mới có 24% số lao động được đào tạo nghề, ở nông thôn còn thấp hơn) để làm công nghiệp, dịch vụ thì trong những năm tới phải tiếp tục chuyển dịch mạnh hơn cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích gắn với cải thiện tốt hơn tỷ lệ toàn dụng lao động. Đồng thời phát triển các nghề phụ, khôi phục các làng nghề truyền thống, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ ở nông thôn để tạo thêm việc làm cho nông dân. Thu hút các dự án đầu tư nước ngoài không chỉ trực tiếp vào nông nghiệp mà còn quan tâm đến các dự án có lan toả đến việc tạo việc làm cho nông dân (dự án công nghiệp thực phẩm của Vedan, siêu thị Metro...)

Nhà nước làm tốt việc khuyến nông, khuyến ngư, hướng dẫn kỹ thuật, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi; cung cấp thông tin về thị trường và tạo cơ chế gắn kết doanh nghiệp với nông dân thông qua hợp đồng tiêu thụ nông sản, thủy sản; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tiếp cận với đất đai, tín dụng và nguồn nhân lực.

*g) Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ*

Nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ của kinh tế tư nhân, góp phần cùng với kinh tế nhà nước nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong cuộc đua tranh hội nhập kinh tế quốc tế. Đi đôi với việc giảm chi phí trung gian, nhất là chi phí ngầm (chủ yếu do tham nhũng gây ra) và chi phí tuân thủ pháp luật (do thực hiện những thủ tục hành chính phiền hà, phức tạp và những thủ tục hành chính bất hợp lý theo quy định của pháp luật), việc nâng cao hàm lượng quốc gia của hàng hoá, dịch vụ có ý nghĩa quyết định nâng cao sức cạnh tranh quốc gia.

Làm gì và làm thế nào để nâng cao hàm lượng quốc gia? Lấy ngành dệt may làm thí dụ. Ngành dệt may của Việt Nam đã phát triển nhanh chóng kể từ khi vươn ra thị trường các nước công nghiệp phát triển năm 1993. Đến nay ngành này đã có giá trị xuất khẩu hàng năm khoảng 5 tỷ USD, chỉ xếp sau dầu khí và thu hút trên nửa triệu lao động. Nhưng hàm lượng quốc gia của sản phẩm dệt may chỉ chiếm 1/4, tỷ lệ còn lại là nguyên vật liệu nhập khẩu, tức là Việt Nam gần như gia công cho nước ngoài. Vì vậy, việc hình thành chuỗi giá trị lớn hơn, đồng bộ hơn trong ngành dệt may sẽ góp phần nâng cao hàm lượng quốc gia của những sản phẩm này. Chuỗi giá trị lớn hơn gồm phát triển công nghiệp phụ

trợ: sản xuất các nguyên vật liệu trong nước như vải, sợi bông, sợi tổng hợp, thuốc nhuộm, những phụ kiện cho may quần áo (chỉ, khuy, dây khoá kéo, độn vai) và những sản phẩm công nghiệp như máy móc thiết bị cho các công ty dệt và may. Đồng thời phải gắn các khâu sản xuất này với các khâu như thiết kế, thiết lập mạng lưới tiếp thị và quan hệ trực tiếp với khách hàng nước ngoài, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc hình thành các mối liên kết chuỗi giá trị trong ngành dệt may. Nhà nước tập trung nguồn lực (vốn, nhân lực và các nguồn lực khác) cho phát triển ngành dệt may, hạn chế phân tán nguồn lực sang các ngành khác không được lựa chọn là sản phẩm, dịch vụ cần nâng cao năng lực cạnh tranh phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế. Hình thành những lĩnh vực có sức cạnh tranh cao với hàm lượng quốc gia của sản phẩm lớn cần có thời gian và phải tính toán lợi thế cạnh tranh động, nếu chỉ dừng lại lợi thế cạnh tranh tĩnh, hiện có, thì sẽ không đạt được mục tiêu phát triển những lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, công nghiệp có sức cạnh tranh, dịch vụ liên quan có hàm lượng trí tuệ cao, cái mà các nước đang phát triển rất cần có để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trở thành nước công nghiệp phát triển.

Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy tỷ lệ sản

xuất các bộ phận, linh kiện trong nước (cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và của doanh nghiệp nội địa) càng cao càng tốt, giảm được giá thành, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Điều này có lẽ khác với nhận thức của một số người lâu nay cho rằng các công ty đa quốc gia trong thực hiện các dự án đầu tư nước ngoài không muốn tăng tỷ lệ nội địa hoá, để đưa các bộ phận, linh kiện từ nước mình sang.

Trong thời gian tới, Việt Nam không nên tiếp tục dùng biện pháp hành chính hoặc thuế quan ép buộc công ty đa quốc gia tăng tỷ lệ nội địa hoá, mà phải phát triển mạnh công nghiệp phụ trợ trong nước, cung cấp nhanh các bộ phận, linh kiện rẻ và chất lượng cao. Việt Nam cần có ngay một kế hoạch tạo bước đột phá tăng nhanh sản xuất các bộ phận, linh kiện cho sản xuất công nghiệp mà ta có lợi thế cạnh tranh, trước hết ở hai vùng kinh tế có điều kiện phát triển như Đông Nam Bộ và Đồng bằng Bắc Bộ, từ khâu thiết kế, sản xuất, tiếp thị, cung cấp nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng, đến các dịch vụ sửa chữa, lao động có tay nghề... Việc sản xuất cung cấp nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng, dịch vụ sửa chữa... chủ yếu dựa vào doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa.

Đồng thời, Việt Nam cần có các biện pháp để các công ty đa quốc gia không di chuyển các cơ sở sản xuất

từ Việt Nam sang các nước ASEAN khác sau khi AFTA được thực hiện đầy đủ trong năm 2006. Các biện pháp tăng thuế quan, hạn chế hạn ngạch nhập khẩu (xe máy, ô tô,...) để ép buộc các công ty tăng tỷ lệ nội địa hoá không được các nhà đầu tư nước ngoài, thậm chí cả Chính phủ của nhà đầu tư nước ngoài ủng hộ, cho dù mục tiêu của chính sách này về lâu dài là đúng vì muốn nhanh chóng tạo điều kiện xây dựng các ngành công nghiệp phụ trợ. Trong tình hình hiện nay nên cân nhắc có lựa chọn cho tự do nhập khẩu, miễn thuế những loại bộ phận, linh kiện mà Việt Nam chưa có lợi thế cạnh tranh, để giảm giá thành lắp ráp, duy trì khả năng cạnh tranh với các nước ASEAN khác nhằm giữ chân các công ty đa quốc gia.

#### *h) Phát triển liên doanh, liên kết*

- Thực hiện liên doanh, liên kết giữa kinh tế tư nhân với nhau, giữa kinh tế tư nhân với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài bắt nguồn từ đặc điểm, nhu cầu tồn tại và phát triển của bản thân mỗi tổ chức kinh tế cũng như của toàn bộ nền kinh tế, trong khi hiệu quả trong sản xuất kinh doanh cũng như sức cạnh tranh còn yếu, xét cả trong phạm vi mỗi tổ chức kinh tế (đối với kinh tế tư nhân gồm kinh tế hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ và doanh nghiệp của tư

nhân) cũng như trong toàn bộ nền kinh tế, lại phải đối phó với áp lực cạnh tranh hết sức gay gắt của kinh tế khu vực và thế giới trong quá trình hội nhập.

Có hai nguyên nhân cơ bản dẫn đến nhu cầu liên doanh, liên kết giữa các tổ chức kinh tế đó là:

+ Kinh tế tư nhân nước ta nói chung hiện đang trong tình trạng quy mô quá nhỏ; thường thiếu vốn; công nghệ lạc hậu; năng lực quản lý yếu, do đó mẫu mã, chất lượng sản phẩm còn thấp, hiệu quả và sức cạnh tranh kém. Việc liên doanh, liên kết là cần thiết nhằm khắc phục những yếu kém đó của bản thân mỗi tổ chức kinh tế, giúp tổ chức kinh tế đó kinh doanh có hiệu quả, phát triển bền vững.

+ Quan trọng hơn nữa là khả năng tiếp cận thị trường của kinh tế tư nhân hiện còn kém, có những tổ chức kinh tế không chủ động được việc tiêu thụ sản phẩm, thậm chí bế tắc về "đầu ra", chính là do thiếu thông tin về thị trường, bản thân cũng kém khả năng thâm nhập thị trường, không có điều kiện tổ chức tiếp thị ở các địa phương khác, kể cả ra nước ngoài.

Về nội dung liên doanh, liên kết, theo kinh nghiệm của nhiều địa phương và cơ sở, có thể nêu các loại như sau:

+ *Liên doanh, liên kết để giải quyết đầu vào, đầu ra.* Về nội dung này, có thể có nhiều hình thức khác nhau như:

• Một số tổ chức kinh tế cùng ngành nghề hợp tác với nhau để giải quyết "đầu vào", tìm nguồn nguyên liệu, hoặc cử ra một vài doanh nghiệp chuyên làm nhiệm vụ tìm nguồn, khai thác nguyên liệu để cung ứng cho các doanh nghiệp khác, tránh cho mỗi tổ chức kinh tế phải tự đi tìm nguồn nguyên liệu cho mình. Hình thức này thường áp dụng phổ biến trong các tổ chức kinh tế chế biến nông, lâm sản, vừa giải quyết được nguồn nguyên liệu ổn định, vừa bảo đảm được giá cả nguyên liệu (kể cả phụ liệu) ổn định.

• Một số tổ chức kinh tế có những hàng hoá cùng loại cần tìm thị trường, tức là "đầu ra" cho sản phẩm, họ có thể liên kết với nhau bằng nhiều hình thức. Một trong những hình thức đó là cho thuê lại các hợp đồng (tức là thực hiện các hợp đồng phụ, đặt hàng gia công, bao tiêu sản phẩm) theo hệ thống từ các doanh nghiệp lớn đến các doanh nghiệp vừa, nhỏ và tới các hộ kinh tế gia đình, cá thể, tiểu chủ. Các tổ chức kinh tế của tư nhân phải tiến hành sản xuất, gia công, chế biến theo đúng mẫu mã thiết kế, quy cách, chất lượng sản phẩm theo các hợp đồng với các tổ chức tiêu thụ hàng hoá.

Một số tổ chức kinh tế của tư nhân đã tìm được "đầu ra" cho sản phẩm bằng cách liên kết với một hoặc một số tổ chức kinh tế ở nước ngoài, thường là doanh nghiệp của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, được

doanh nghiệp nước ngoài tìm thị trường tương đối ổn định, thường xuyên liên hệ với nhau để thông báo tình hình thị trường, những yêu cầu của người tiêu thụ. Đây là một kinh nghiệm tốt, rất nên mở rộng việc áp dụng, nhất là đối với các tổ chức kinh tế của tư nhân có nhiều bạn bè, họ hàng định cư ở nước ngoài.

+ *Liên doanh, liên kết để góp phần tạo vốn.* Tình hình phổ biến của các tổ chức kinh tế của tư nhân nước ta hiện nay là thiếu vốn trầm trọng. Song việc vay vốn tại các ngân hàng còn có khó khăn, có khi các tổ chức kinh tế không đủ vốn thế chấp, có khi dự án chưa đủ tính khả thi, thiếu chắc chắn, nhân viên ngân hàng ngần ngại cho vay hoặc sợ bị hình sự hoá... Do vậy, các tổ chức kinh tế của tư nhân, nhất là các hộ kinh doanh cá thể rất cần liên doanh, liên kết, thông qua các hình thức như cho vay bằng tín chấp, hùn vốn, thành lập các quỹ bảo lãnh tín dụng, mua bán hàng hoá thanh toán chậm...

+ *Liên doanh, liên kết để trao đổi thông tin, sử dụng dịch vụ tư vấn.* Đây là một nội dung rất quan trọng, có ý nghĩa cả trong việc xử lý đầu vào cũng như đầu ra của sản phẩm.

Về thông tin, hiện nay các tổ chức kinh tế của tư nhân đang rất thiếu nhiều thông tin: thông tin về hệ thống pháp luật, về thị trường, về nguồn vốn, về đối



tác... Riêng về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, nhiều tổ chức kinh tế cũng khó nắm bắt đầy đủ và kịp thời; hơn nữa, hệ thống pháp luật nước ta hiện còn đang được xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh. Do đó, có nhiều văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, chồng chéo, lại hay thay đổi, trong khi các tổ chức kinh tế rất cần tìm hiểu và cập nhật các thông tin về pháp luật để nắm vững và thực hiện.

Mặt khác, thông tin về thị trường còn là những thông tin về pháp luật kinh doanh của nước nhập khẩu mà các tổ chức kinh tế nước ta cần biết, không chỉ biết đại khái về luật lệ chung mà còn cần biết luật lệ cụ thể đối với từng mặt hàng, trong từng thời gian. Những vấn đề này, bản thân mỗi tổ chức kinh tế, nhất là các tổ chức kinh tế của tư nhân lại càng khó có điều kiện tìm hiểu, nắm vững.

Về tư vấn, để tiếp cận các thông tin hết sức quan trọng đó, đồng thời để trực tiếp giúp tổ chức kinh tế tiến hành các công việc cụ thể như tìm hiểu thông tin cụ thể về bạn hàng, đối tác, soạn thảo hợp đồng, đàm phán, doanh nghiệp của tư nhân rất khó có thể tự mình tìm hiểu, cập nhật và thi hành nghiêm túc, mà rất cần liên doanh, liên kết để cùng nhau chia sẻ thông tin, trao đổi ý kiến để thực hiện những quy định cần thiết mà phía đối tác yêu cầu, hoặc sử dụng các tổ chức

tư vấn để thoả mãn các yêu cầu của mình.

- Phát triển các hình thức hợp đồng. Chuyển từ thể chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu sang thể chế kinh tế thị trường, một mặt quan trọng cũng là chuyển từ quan hệ kinh tế - xã hội từ chỗ là quan hệ lệ thuộc về hành chính sang quan hệ hợp đồng bình đẳng. Các tổ chức kinh tế quan hệ với nhau theo các nguyên tắc độc lập, tự chủ, bình đẳng, tự do, ngang giá; những điều này phản ánh vai trò độc lập và bình đẳng của các chủ thể cạnh tranh trên thị trường, cũng có nghĩa là các bên giao dịch tự do ký kết hợp đồng trên tinh thần bàn bạc dân chủ, mỗi bên tự ràng buộc hành vi của mình theo các điều kiện đã ký kết. Phát triển rộng rãi hình thức hợp đồng giữa các tổ chức kinh tế của tư nhân, giữa các tổ chức kinh tế của tư nhân với doanh nghiệp nhà nước loại lớn hoặc giữa các doanh nghiệp với các tổ chức cung cấp thông tin, tư vấn là rất cần thiết để thực hiện các quan hệ liên doanh, liên kết như đã nói ở trên.

Hiện nay, loại hình hợp đồng giữa các tổ chức kinh tế, trong đó có các tổ chức kinh tế của tư nhân với nông dân, là một nội dung quan trọng cần được đặc biệt quan tâm nhằm thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Hợp đồng là hình thức kết hợp chặt chẽ lợi ích cũng như trách nhiệm của hai bên hoặc nhiều bên trong việc hợp tác sản xuất, cung ứng

dịch vụ, kể cả đầu vào lẫn đầu ra, bảo đảm cho sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế cũng như của nông dân luôn ổn định, nâng cao chất lượng hàng hoá, dịch vụ, đối với nông dân là nâng cao giá trị thu được trên một hécta canh tác, tăng thu nhập cho nông dân.

Hình thức hợp đồng ở mức cao là gắn bó sản xuất, chế biến và tiêu thụ ngay trong một doanh nghiệp. Đó là hình thức đã thực hiện thành công ở Công ty Đường Lam Sơn và Nông trường Sông Hậu. Không chỉ doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp của tư nhân cũng có thể áp dụng hình thức hợp đồng này; nông dân có thể tham gia cổ phần trong Công ty cổ phần chế biến nông sản mà họ là người cung ứng nguyên liệu; ngoài thu nhập do bán nguyên liệu, nông dân còn được hưởng cổ tức theo kết quả kinh doanh của công ty cổ phần.

Hình thức phổ biến có thể áp dụng rộng rãi là hợp đồng giữa nông dân với tổ chức kinh tế của tư nhân chế biến và tiêu thụ. Hình thức này đã thực hiện có kết quả tốt như ở An Giang, Đồng Tháp, Hải Phòng, Thái Bình,... Nông dân bảo đảm cung ứng nguyên liệu cho tổ chức kinh tế chế biến theo đúng hợp đồng về số lượng, chất lượng nông sản, giá cả, thời hạn giao hàng... Tổ chức kinh tế chế biến có trách nhiệm bảo đảm tiêu thụ nông sản theo đúng hợp đồng, về số lượng, chất lượng, giá cả... Điều quan trọng là nếu giá cả nông sản trên thị trường

có tăng hoặc giảm thì hai bên đều phải bảo đảm hợp đồng, không được phá hợp đồng, nông dân không bán nông sản cho doanh nghiệp khác và doanh nghiệp cũng không mua nông sản của nông dân khác; thị trường đầu ra của nông sản được bảo đảm vững chắc bằng hợp đồng thoả thuận bình đẳng giữa hai bên (trong thực tế, có tổ chức kinh tế đã cam kết với nông dân: nếu giá thị trường tăng lên thì tổ chức kinh tế cũng mua nông sản theo giá thị trường, để nông dân đỡ thiệt). Cũng bằng hình thức hợp đồng, tổ chức kinh tế của tư nhân còn có thể cung ứng cho nông dân nhiều dịch vụ đầu vào, như ứng vốn trước, chuyển giao công nghệ, trợ giúp kỹ thuật... qua đó trực tiếp giúp nông dân tiến lên sản xuất hàng hoá, nhất là nông dân nghèo, thiếu vốn.

### *i) Hiệp hội doanh nghiệp*

Theo kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới, trong nền kinh tế thị trường, có ba bộ phận trực tiếp tác động đến sự vận hành của thị trường cần được tạo lập đồng thời, đó là doanh nghiệp, xã hội dân sự và Nhà nước pháp quyền. Không có sự hoạt động đồng bộ của cả ba bộ phận đó, thị trường tất yếu sẽ méo mó, vận hành thiếu thông suốt, hoặc có nguy cơ trở lại kế hoạch hoá tập trung quan liêu; ở nước ta hiện nay, điều này lại càng có ý nghĩa thời sự.

*Doanh nghiệp* đã được xác định rõ là nơi sản xuất ra của cải cho xã hội, là cơ sở cho sự phát triển kinh tế đất nước, hoặc cũng có người gọi doanh nghiệp là "cầu thủ trên sân chơi thị trường"; do vậy, doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng, nếu không nói là quyết định sự tăng trưởng của nền kinh tế.

*Nhà nước pháp quyền* là cần thiết để định hướng sự phát triển của nền kinh tế, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động của các chủ thể kinh tế, điều tiết hoạt động và phân phối lợi ích, đồng thời kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế...

Chức năng, nhiệm vụ của hai bộ phận đó đã rõ; nhưng còn *xã hội dân sự* thì hình như chưa được quan niệm rõ, đôi khi còn những ngộ nhận về vị trí và chức năng hết sức quan trọng của bộ phận này trong kinh tế thị trường. Trong xã hội dân sự, có nhiều loại hình tổ chức thu hút, tập hợp người dân vào việc giải quyết những công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đời sống của người dân - những công việc mà Nhà nước làm sẽ không có hiệu quả bằng cách để nhân dân hoặc các doanh nghiệp tự làm. Những tổ chức đó có thể gọi chung là các tổ chức phi chính phủ, trong đó có các hiệp hội doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp là một hình thức tổ chức do doanh nhân tự nguyện lập ra

để cùng nhau trao đổi ý kiến, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cộng đồng, thương thảo những công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của doanh nghiệp (như thị trường, giá cả), hỗ trợ nhau cùng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp; hiệp hội cũng đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước, phát biểu những ý kiến phản hồi, những sáng kiến góp vào việc hoạch định các cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật. Đó là một loại hình tổ chức xã hội - nghề nghiệp, không phải là một đoàn thể chính trị. Qua những năm đổi mới, ở nước ta đã hình thành và phát triển loại hình tổ chức nghề nghiệp của doanh nghiệp, gọi chung là Hiệp hội doanh nghiệp, như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, Hội Công thương (Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh), các hiệp hội ngành nghề, hội doanh nghiệp trẻ, các câu lạc bộ doanh nghiệp như câu lạc bộ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, câu lạc bộ doanh nghiệp nữ...

Chức năng, nhiệm vụ của hiệp hội doanh nghiệp có thể quy vào bốn mặt sau đây.

*Một là*, trong hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp gặp gỡ nhau thường xuyên, giúp đỡ nhau nâng cao giác ngộ chính trị, quán triệt đường lối, chủ trương của

Đảng, kịp thời nắm bắt những thể chế, chính sách kinh tế của Nhà nước. Trong các hiệp hội, doanh nghiệp cùng nhau nâng cao tính tự giác trong việc chấp hành pháp luật, tuân thủ những nguyên tắc đạo đức, văn hoá trong kinh doanh, đồng thời thảo luận dân chủ, cùng nhau tranh luận để đi đến nhất trí, thậm chí đấu tranh chống những biểu hiện lệch lạc, giúp nhau xác định cung cách làm ăn đúng luật pháp mà không cần đến sự can thiệp của Nhà nước.

*Hai là*, hiệp hội doanh nghiệp là nơi các doanh nghiệp cùng nhau thương thảo, thống nhất nhận thức và hành động trong việc khắc phục những khiếm khuyết của kinh tế thị trường mà mỗi doanh nghiệp riêng lẻ không thể xử lý được, có khi vì lợi ích riêng tư hoặc không đủ sức mạnh để xử lý, nhằm bảo đảm lợi ích của toàn xã hội. Đó là những vấn đề như thương lượng về giá cả (tránh việc tranh mua, tranh bán, đầu cơ...), hợp sức nhau trong việc đấu thầu xây dựng, đấu giá cung ứng hàng hoá, hoặc chống những hành vi độc quyền, tranh chấp thị trường, hoặc những hành vi xâm phạm lợi ích của doanh nghiệp.

*Ba là*, trong các hiệp hội, doanh nghiệp cùng nhau thực hiện việc liên kết, hỗ trợ, hợp tác trong sản xuất kinh doanh, cùng giúp nhau xử lý các vấn đề cụ thể về kinh tế, kỹ thuật trong kinh doanh, ví dụ như giúp

nhau xúc tiến thương mại, xác định chiến lược cạnh tranh, tìm kiếm thị trường (kể cả mở rộng thị trường xuất khẩu), hỗ trợ về vốn liếng, làm các dịch vụ môi giới, tư vấn, giúp nhau kỹ năng quản lý doanh nghiệp, áp dụng công nghệ mới, đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động... Đó là những vấn đề mà bản thân mỗi doanh nghiệp không thể tự giải quyết được, mà phải dựa vào sức mạnh của cả cộng đồng để giải quyết. Trong hiệp hội, việc trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ nhau trong quản lý kinh doanh thông qua các hình thức hội thảo, đào tạo, chuyển giao kiến thức quản lý và công nghệ cũng rất thiết thực, đỡ tốn kém.

*Bốn là*, hiệp hội doanh nghiệp cũng là các cầu nối giữa doanh nghiệp với Nhà nước, là nơi phản ánh tâm tư, nguyện vọng của doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp (kể cả của cộng đồng doanh nghiệp, trong từng ngành nghề hoặc trong từng địa phương). Một việc làm thiết thực nhất để thể hiện chức năng này là hiệp hội tham gia với cơ quan nhà nước trong việc soạn thảo các văn bản pháp quy mà doanh nghiệp là đối tượng thi hành, để văn bản pháp quy phản ánh đúng thực trạng cuộc sống, giải đáp đúng những vấn đề bức xúc của cuộc sống đang được đặt ra, cũng tức là những vướng mắc trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.



Về tổ chức, hoạt động của hiệp hội phải rất thiết thực, luôn luôn bám sát những vấn đề thiết thân của doanh nghiệp. Việc vào, ra hiệp hội là thật sự tự nguyện, không gò ép; hiệp hội ngành nghề cần bao gồm những doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa) thuộc các thành phần kinh tế, không nên chỉ bao gồm doanh nghiệp nhà nước, "quốc doanh hoá" hiệp hội. Trong hiệp hội, ngoài doanh nghiệp, nên có những thành viên cố vấn là những chuyên gia, nhà khoa học, những người có tri thức về quản lý, về pháp luật. Điều này rất có lợi cho việc nâng cao trình độ, chất lượng hoạt động của hiệp hội.

Có những hiệp hội có tính chất liên hiệp của các doanh nghiệp thuộc nhiều ngành nghề cùng hoạt động trên một địa bàn địa phương, nhưng cũng có những hiệp hội của từng ngành nghề riêng biệt để đi sâu vào những vấn đề riêng biệt thiết thực của mỗi ngành nghề. Rất nên khuyến khích thành lập nhiều hiệp hội nghề nghiệp, nhất là những ngành nghề cần khuyến khích phát triển, những ngành nghề thu hút nhiều lao động, những ngành nghề sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu, hàng thủ công, mỹ nghệ mang truyền thống dân tộc... Đồng thời, cũng nên khuyến khích các tổ chức hiệp hội từng địa phương để thực hiện sự liên kết giữa các doanh nghiệp trong một địa phương (tỉnh, thành phố, hoặc có

thể ở một huyện, quận) để các doanh nghiệp có điều kiện cùng nhau bàn bạc, hiến kế phát huy các lợi thế của mỗi địa phương, làm giàu cho địa phương, cũng tức là cho cả nước.

Mô hình tổ chức nên linh hoạt, không cứng nhắc. Có thể có tổ chức chỉ lập ở cơ sở, hoặc vùng và địa phương mà không có tổ chức ở Trung ương. Cũng có thể có tổ chức chỉ có ở Trung ương và một số địa bàn, không nhất thiết tỉnh nào, thành phố nào cũng có "chân rết" của tổ chức đó... Về quy mô, có thể tổ chức từ nhỏ đến lớn, tùy thuộc nhu cầu thiết thực của từng ngành nghề cụ thể.

Về phía Nhà nước, cần tạo cho cơ quan nhà nước thói quen làm việc với các hiệp hội doanh nghiệp, tôn trọng tiếng nói của đại diện cộng đồng doanh nghiệp, cùng hiệp hội tổ chức những cuộc đối thoại thẳng thắn về những vấn đề liên quan đến sản xuất kinh doanh, giải quyết các vấn đề xuất phát từ thực tế cuộc sống, tạo thuận lợi đến mức cao nhất cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh đồng thời bảo đảm sự quản lý cần thiết của Nhà nước.

Có một số việc Nhà nước nên uỷ quyền cho hiệp hội ngành nghề thực hiện, ví dụ như để hiệp hội tham gia quá trình phân bổ quota, tham gia hội đồng xét thầu, cấp chứng chỉ hành nghề... Tại một số nước, Nhà nước đã giao cho Phòng Thương mại và Công nghiệp chức

năng đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Việc cấp chứng chỉ hành nghề của một số ngành nghề cũng không nhất thiết phải do Bộ trưởng ký, nhiều khi không nắm vững người được cấp chứng chỉ hành nghề đó, mà nên giao cho hiệp hội ngành nghề ấy ở mỗi địa phương xem xét tập thể và cấp. Những việc có thể uỷ quyền sẽ được mở rộng tuỳ theo sự lớn mạnh của từng hiệp hội ngành nghề, nhằm bảo đảm cho các công việc đó được thực hiện sát, đúng hơn, giảm bớt công việc sự vụ, cũng tức là bớt quan liêu cho bộ máy nhà nước, để Nhà nước tập trung vào những việc đích đáng hơn.

Để các hiệp hội hoạt động thuận lợi, Nhà nước cần xúc tiến việc nghiên cứu, ban hành Luật về Hội nhằm quy định một hành lang pháp lý rõ ràng cho sự thành lập và hoạt động của hiệp hội, trong đó quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của hiệp hội, mối quan hệ giữa hiệp hội với cơ quan nhà nước. Hiệp hội hoạt động chủ yếu bằng kinh phí do hội viên đóng góp, bằng những khoản thu nhập do doanh nghiệp trả khi tiến hành các dịch vụ cho doanh nghiệp... nhưng trong thời gian đầu, rất cần thiết có sự trợ giúp của Nhà nước (ví dụ như về địa điểm, về thuế...).

### *k) Đẩy mạnh cải cách hành chính*

Để khuyến khích phát triển thật nhiều doanh

ngiệp hơn nữa, trong đó có doanh nghiệp tư nhân, Chính phủ đang chú trọng đẩy mạnh cải cách hành chính trong việc thực hiện các trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh cũng như thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong suốt quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vừa khuyến khích kinh tế tư nhân yên tâm đầu tư, vừa bảo đảm sự quản lý cần thiết của cơ quan nhà nước theo pháp luật.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy đây là một cuộc đấu tranh hết sức gay go, quyết liệt giữa đổi mới và ngược lại với đổi mới vì trong thời gian gần đây, một số giấy phép đã bị bãi bỏ nay đang được phục hồi dưới nhiều hình thức biến tướng, như điều kiện kinh doanh; nhiều thủ tục phiền hà, những nhiều doanh nghiệp vẫn chưa được xoá bỏ; doanh nghiệp vẫn phải chi nhiều khoản "tiêu cực phí" làm tăng đầu vào của sản phẩm, giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm và của doanh nghiệp. Có những cơ quan, công chức công khai hành động trái với quy định của luật pháp; họ không coi doanh nghiệp là những cơ sở làm ra của cải nuôi sống toàn xã hội, đóng thuế nuôi bộ máy nhà nước, không coi doanh nhân là những người rất cần tôn vinh mà vẫn xem doanh nghiệp là "những đối tượng cần phải quản lý chặt", họ luôn tìm mọi cách gây phiền hà, khó dễ; khó dễ này không chỉ doanh nghiệp tư nhân phải chịu đựng

mà doanh nghiệp nhà nước cũng không được miễn trừ. Đó chính là những cán bộ, công chức thoái hoá, biến chất đã làm biến dạng, làm sai lệch những chủ trương, chính sách hết sức đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

Có thể do ba loại nguyên nhân sau đây:

*Một là*, có những công chức thật sự không nhận thức được nội dung đổi mới cơ bản của Luật Doanh nghiệp và chức năng quản lý nhà nước trong kinh tế thị trường. Trong nhận thức của số công chức này, vẫn còn vương vấn khá nặng phương thức quản lý kế hoạch hoá tập trung; khi phương thức quản lý thay đổi, họ cảm thấy hụt hẫng, không rõ là sẽ thực hiện chức năng quản lý như thế nào, thậm chí còn cho rằng như vậy là buông lỏng quản lý, Nhà nước không còn nắm được gì nữa, chỉ nên "nắm được đến đâu thì mở ra đến đấy" ! Một số cơ quan cũng như công chức (có thể là rất chân thành) lo rằng tình hình kinh tế sẽ rối loạn vì bỏ giấy phép.

*Hai là*, họ bị nhiễm nặng bệnh quyền lực. Lâu nay, trong thể chế cũ, doanh nghiệp làm gì cũng phải xin phép và mỗi công chức, dù lớn, nhỏ đều cảm thấy như có một thứ quyền lực nào đó đối với doanh nghiệp; họ có quyền "cho" hoặc "không cho", còn doanh nghiệp thì phải "xin". Bộ máy được đặt ra là để cấp giấy phép, quyền lực đó hình như là đương nhiên trong chức năng

của cơ quan. Nay quyền lực đó bỗng nhiên không còn nữa; quyền lực bị mất đã làm cho họ cảm thấy sự mất mát khá lớn, và vì quyền lực lại thường đi theo với lợi ích, nên mất mát càng lớn; họ không dễ dàng rời bỏ quyền lực đó. Một số doanh nghiệp đã nhận được lời cảnh báo: sẽ tăng cường "hậu kiểm", doanh nghiệp "hãy đợi đấy"!

*Ba là*, họ bị mất một nguồn thu nhập tuy bất hợp pháp nhưng khá quan trọng. Lâu nay, công đoạn cấp giấy phép là một công đoạn dễ gây ra nhiều tiêu cực nhất. Nay giấy phép bị bãi bỏ, "xin-cho" không còn, bỗng lộc bị mất, họ chống lại là điều dễ hiểu.

Rõ ràng là sức cản trở việc khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân nằm ngay trong bộ máy cơ quan hành chính nhà nước. Trình trạng đó đòi hỏi phải có cải cách mạnh hơn bộ máy, công chức và trong xây dựng thể chế.

Bộ máy chưa được sắp xếp lại theo yêu cầu của thể chế mới; không những thế, vẫn còn không ít cán bộ, công chức lưu luyến cung cách quản lý cũ, không chịu rời bỏ thứ quyền lực đã nhiều năm gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Việc phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý của bộ máy hành chính theo nguyên tắc một việc do một người, một tổ chức chịu trách nhiệm, định rõ trách

nhiệm đôn đốc, kiểm tra và việc chỉ đạo sâu sát của người đứng đầu.

Phát huy dân chủ, làm cho bộ máy gần dân, gần doanh nghiệp hơn: Cùng với việc công khai các văn bản pháp quy, các chủ trương, chính sách, các thủ tục hành chính có quan hệ với dân, phải mở rộng và đổi mới hình thức bảo đảm cho dân tham gia ý kiến ngay từ khi chuẩn bị đến triển khai các chính sách quan trọng, các quyết định có quan hệ tới lợi ích của số đông.

Coi trọng đề cao kỷ luật hành chính, bảo đảm hiệu lực của bộ máy. Tăng cường công tác giáo dục, kiểm tra, thanh tra công vụ, xử lý nghiêm trường hợp cấp dưới làm sai quy định của Nhà nước, không thi hành lệnh của cấp trên, vi phạm kỷ luật hành chính.

Thực hiện nguyên tắc thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có quyền tạm thời đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới vi phạm pháp luật, thiếu trách nhiệm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ bất kể thuộc quyền trực tiếp quản lý của cấp nào và giao cho cơ quan quản lý cán bộ đó tiến hành kiểm điểm, xem xét, kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Người đứng đầu cơ quan hành chính chịu trách nhiệm liên đới về vi phạm pháp luật của tổ chức và cán bộ, công chức thuộc cơ quan mình phụ trách.

Để đạt mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế, phải

đổi mới một cách cơ bản quy trình soạn thảo, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật. Việc soạn thảo những văn bản quy phạm pháp luật phải được chỉ đạo tập trung, thống nhất vì mục tiêu nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của mỗi sản phẩm, mỗi doanh nghiệp cũng như của nền kinh tế, khắc phục triệt để tư tưởng cục bộ, bản vị, giữ quyền và lợi bất hợp pháp cho bộ, ngành liên quan. Cần khắc phục tình trạng văn bản pháp quy không thể hiện đầy đủ đường lối đổi mới, vẫn còn nứu kéo cơ chế xin - cho, lại không nhất quán giữa các văn bản, không sát với yêu cầu của cuộc sống, còn chồng chéo về nội dung và đặc biệt nghiêm trọng là có những cơ quan chủ trì việc soạn thảo đã cố tình đưa vào trong văn bản các điều khoản có lợi ích cục bộ cho ngành mình, đẩy khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Không nên tồn tại tình trạng như thời gian gần đây, trong khi yêu cầu đẩy mạnh xuất khẩu được coi là nhiệm vụ trọng tâm để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, thì văn bản về việc phân định địa bàn, trách nhiệm của các lực lượng kiểm soát hàng hoá xuất khẩu còn vấp phải những ý kiến không thống nhất về chức trách của các ngành liên quan như hải quan, công an, thuế vụ, bộ đội biên phòng và Uỷ ban nhân dân các cấp, do đó, xuất khẩu tiếp tục gặp ách tắc.

Việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật



phải theo một lộ trình phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, có trình tự trước sau theo yêu cầu của từng giai đoạn phát triển kinh tế. Trước mắt, phải tập trung sức cho việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật tác động trực tiếp đến yêu cầu nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của từng sản phẩm, ngành hàng và nền kinh tế, phải tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, quảng bá thương hiệu, tìm kiếm thị trường trong nước và ngoài nước...

Đối với kinh tế tư nhân, đó là những cơ chế, chính sách mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX của Đảng đã đề ra là: chính sách đất đai; chính sách tài chính, tín dụng; chính sách lao động - tiền lương; chính sách hỗ trợ về đào tạo, khoa học và công nghệ; chính sách hỗ trợ về thông tin, xúc tiến thương mại. Phải rà soát và xoá bỏ những văn bản quy định đi ngược lại yêu cầu, nhiệm vụ khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, trước mắt là những quy định hạn chế quyền kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân, những quy định làm tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp (như chi phí về điện, viễn thông, cước phí vận chuyển, cước phí kho bãi ... đang quá cao), khắc phục tình trạng thanh tra, kiểm tra gây phiền hà cho doanh nghiệp, tình trạng hình sự hoá các quan hệ kinh tế dân sự đang gây lo lắng cho

doanh nghiệp... Phải kiểm soát và hạn chế độc quyền, chống tình trạng lợi dụng độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp để thu lợi.

Khẩn trương ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2005, đồng thời ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn còn nợ của Luật Doanh nghiệp năm 1999 như: cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn pháp lý; cơ chế, cách thức và cơ quan có thẩm quyền chứng nhận vốn pháp định đối với sản xuất và chế tác vàng; quy định điều kiện kinh doanh đối với các dịch vụ đòi nợ, đánh giá tài sản, đánh giá tín nhiệm, dịch vụ điều tra dân sự, kinh tế, dịch vụ môi giới việc làm, môi giới nhà đất; phát hành chứng khoán không niêm yết ra công chúng; thành lập, tổ chức và hoạt động của hiệp hội.

Để khắc phục những sơ hở, mâu thuẫn dễ bị lợi dụng hoặc vận dụng tùy tiện, bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật, cần chấn chỉnh việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành, chính quyền địa phương, tăng cường công tác kiểm tra việc ban hành văn bản. Việc xây dựng văn bản pháp luật phải theo nguyên tắc: Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh phải được soạn thảo và trình cùng với dự án luật, pháp lệnh; các văn bản của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ

phải đủ cụ thể để thi hành ngay sau khi có hiệu lực, hạn chế đi đến xoá bỏ việc ban hành thông tư.

Những văn bản quy phạm pháp luật quan trọng phải được giao cho những nhóm chuyên gia độc lập, có tư duy đổi mới chủ trì (đương nhiên có sự tham gia với tư cách thành viên của cơ quan quản lý ngành liên quan), đồng thời, có quy trình đúng đắn để thu hút ý kiến của những doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp là những đối tượng sẽ phải thi hành văn bản đó cũng như ý kiến của chuyên gia, bảo đảm quyền của người dân tham gia công việc quản lý đất nước.

Cần khắc phục tình trạng kỷ luật, kỷ cương hành chính có hiện tượng lỏng lẻo hiện nay đang làm giảm hiệu lực của hệ thống thể chế kinh tế, dù hệ thống thể chế kinh tế đã tốn rất nhiều công phu xây dựng. Chính phủ đã nhiều lần nhận định: nhiều luật đã ban hành, có hiệu lực nhưng chậm được cụ thể hoá và hướng dẫn thực hiện, thậm chí có những trường hợp Bộ và chính quyền địa phương quy định trái với luật và nghị định; nhiều ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không được các ngành, các cấp chấp hành nghiêm túc ...

Tình trạng "trên bảo, dưới không nghe" phải được xoá bỏ; những cá nhân cán bộ, công chức không thực hiện hoặc thực hiện trái với quy định của cấp trên, vi

phạm quyền kinh doanh của người dân phải được nghiêm khắc xử lý theo pháp luật; tất cả đều nhằm thay đổi cơ bản tình trạng kỷ luật lỏng lẻo hiện nay, từng bước tạo nên tảng vững chắc cho việc tăng cường trật tự kỷ cương của bộ máy hành chính từ Trung ương đến cơ sở. Đó cũng là một yêu cầu cấp bách hiện nay để cải thiện môi trường kinh doanh, để chủ trương khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển kinh tế tư nhân phát huy tác dụng trong cuộc sống.

### *1) Nâng cao ý chí phấn đấu của doanh nghiệp*

*Trước hết*, doanh nghiệp phải xây dựng cho mình chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ, dựa trên cơ sở nghiên cứu đánh giá xu hướng và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; từ đó mà điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, dịch vụ, thị trường, phương thức kinh doanh, nhằm nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao khả năng thích ứng với thị trường. Không có con đường nào khác là ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng hàng hoá, giảm giá thành, làm tốt công tác tiếp thị, tạo dựng và bảo vệ thương hiệu, tạo chữ tín trong hoạt động với khách hàng cũng như với các đối tác kinh doanh.

*Hai là*, phải đặc biệt coi trọng con người, với nhận thức con người có trình độ công nghệ sản xuất và quản

lý tiên tiến là yếu tố quyết định thành bại trong cuộc cạnh tranh gay gắt hiện nay. Con người nói ở đây không chỉ gồm đội ngũ lao động trong doanh nghiệp mà cả những người hoạt động trong các hiệp hội doanh nghiệp, trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, dịch vụ như thông tin, tư vấn, đào tạo, nghiên cứu thị trường... những tầng lớp mới nảy sinh từ công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế. Chính vì vậy toàn xã hội cũng như mỗi doanh nghiệp cần đầu tư hơn nữa cho việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

*Ba là*, đề cao văn hoá trong kinh doanh, xây dựng truyền thống và uy tín của doanh nghiệp, trước hết bằng việc kinh doanh đúng pháp luật và tôn trọng chữ "tín". Đối với doanh nghiệp và doanh nhân, lợi nhuận là động lực trực tiếp; song người kinh doanh có văn hoá luôn đặt lợi ích của mình trong sự kết hợp hài hoà với lợi ích của cộng đồng, của đất nước. Điều đó vừa bắt nguồn từ lòng yêu nước, từ ý thức cộng đồng, vừa xuất phát từ sự thống nhất giữa ba lợi ích này. Người làm quản lý nhà nước cần nhấn mạnh, dân có giàu, nước mới mạnh; nhà kinh doanh phải có ý thức sâu sắc rằng nước càng giàu mạnh thì doanh nghiệp càng có môi trường và điều kiện thuận lợi, càng có vị thế trong làm ăn. Với tinh thần đó, doanh nghiệp phải xây dựng nền nếp quản lý kinh doanh minh bạch và trung thực,

thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, khắc phục những hành vi gian lận thương mại, làm hàng giả, trốn thuế, gian lận sổ sách, đầu cơ, chộp giật, lừa đảo... Văn hoá kinh doanh phải được tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác, trở thành truyền thống gắn với thương hiệu, được thể hiện xuyên suốt trong mỗi hàng hoá, dịch vụ, trong hành vi ứng xử của mọi người lao động trong doanh nghiệp.

*Bốn là*, quản trị doanh nghiệp tốt. Quản trị doanh nghiệp<sup>1</sup> là những cơ chế, quy định thông qua đó doanh nghiệp được điều hành và kiểm soát. Cơ cấu quản trị doanh nghiệp xác định quyền hạn và trách nhiệm giữa những thành viên khác nhau trong doanh nghiệp, bao gồm các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan khác của doanh nghiệp. Đồng thời quản trị doanh nghiệp cũng lập ra các

---

1. Chương trình phát triển kinh tế tư nhân MPDF/IFC và Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bản tin Môi trường kinh doanh, số 10 (13) tháng 10 năm 2005, Quản trị kinh doanh tốt: Cơ sở cho phát triển bền vững. Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân MPDF, một chương trình được điều hành bởi Công ty Tài chính quốc tế (IMF), bộ phận chuyên về kinh tế tư nhân của tập đoàn Ngân hàng Thế giới và được tài trợ bởi nhiều nước và tổ chức.

nguyên tắc và quy trình, thủ tục ra quyết định trong doanh nghiệp, qua đó ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực và chức vụ, giảm thiểu những rủi ro không cần thiết cho doanh nghiệp. Đó là những rủi ro liên quan đến hoặc có nguồn gốc từ những giao dịch với các bên liên quan, những xung đột lợi ích tiềm năng và từ việc không có tiêu chuẩn rõ ràng hoặc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin và không minh bạch.

Quản trị doanh nghiệp tốt sẽ mang lại hiệu quả cao cho nhà đầu tư, nhiều lợi ích khác cho các thành viên khác trong doanh nghiệp. Kết quả là các nhà đầu tư sẵn sàng trả giá cao hơn cho cổ phiếu của những doanh nghiệp quản trị tốt. Các ngân hàng cũng sẵn sàng cho vay, thậm chí với lãi suất thấp hơn, vì quản trị tốt sẽ làm giảm khả năng các khoản vay sẽ được sử dụng không đúng mục đích và tăng khả năng doanh nghiệp sẽ trả các khoản vay đầy đủ và đúng hạn. Ngược lại, quản trị không tốt thường dẫn đến những hậu quả xấu, thậm chí doanh nghiệp phá sản.

Khái niệm quản trị kinh doanh ở Việt Nam vẫn còn mới mẻ. Theo điều tra 85 doanh nghiệp lớn ở Việt Nam do MPDF/IFC thực hiện, chỉ có 23% số người được hỏi cho rằng doanh nghiệp ở Việt Nam đã hiểu khái niệm và nguyên tắc cơ bản của quản trị kinh doanh. Nhiều giám đốc còn lẫn lộn giữa quản trị doanh nghiệp với

quản lý tác nghiệp như: điều hành sản xuất, quản lý marketing, quản lý nhân sự...

Cũng theo điều tra của MPDF/IFC, đa số giám đốc được hỏi cho rằng các doanh nghiệp ở Việt Nam chưa có quản trị doanh nghiệp tốt, cụ thể trong các vấn đề:

- Vai trò và chức năng của Ban kiểm soát trong một số doanh nghiệp chưa rõ ràng, hạn chế và mang tính hình thức;

- Sự minh bạch và công bố thông tin chưa được thực hiện tốt. Đặc biệt ở các doanh nghiệp cổ phần hoá, nhà đầu tư không được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời về việc cổ phần hoá dẫn đến cổ phần hoá còn mang tính “khép kín”, không thu hút được các nhà đầu tư chiến lược;

- Vai trò các cổ đông đại diện phần vốn góp của nhà nước tại các công ty cổ phần hoá thiếu rõ ràng, hoặc buông lỏng hoặc quá lạm dụng, trở thành mầm mống cho các xung đột, dẫn đến sự can thiệp thường xuyên của các cơ quan quản lý nhà nước vào quản trị doanh nghiệp. Mặt khác, việc quản lý trong các doanh nghiệp này vẫn là “bình mới, rượu cũ” do thiếu hiệu quả.

- Hiện tượng giao dịch tư lợi diễn ra khá phổ biến, nhất là trong các giao dịch lớn như mua sắm máy móc, thiết bị.

Những chính sách và giải pháp cho việc hình



thành quản trị doanh nghiệp ngày một tốt hơn:

- Minh bạch về thông tin là quan trọng nhất. Liên quan đến nội dung này, theo quy định của pháp luật, các doanh nghiệp phải xác định rõ ràng thông tin nào cần được công bố, cần được báo cáo, thông tin nào thuộc bí mật doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ báo cáo tài chính cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Căn cứ vào quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 về quản trị doanh nghiệp, doanh nghiệp phải xây dựng tốt Điều lệ doanh nghiệp, một công cụ quan trọng đối với quản trị doanh nghiệp, trong đó cần có chế tài mạnh để giúp công tác quản trị doanh nghiệp được tuân thủ tốt hơn. Những xung đột nội bộ không thể tự giải quyết được thì đưa ra tòa. Phán quyết của Tòa là cơ sở pháp lý buộc các bên liên quan phải thi hành.

- Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định khung quản trị thống nhất đối với các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đối với các doanh nghiệp sở hữu tư nhân và sở hữu nhà nước. Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003 quy định quản trị đối với doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do Nhà nước thành lập mà Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối (chiếm trên 50% vốn điều lệ), được tổ chức

dưới hình thức công ty nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn. Theo các quy định trên thì việc áp dụng quản trị đối với doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá hoặc công ty hoá mà Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ có thể chọn một trong 2 Luật để áp dụng: Luật Doanh nghiệp nhà nước hoặc Luật Doanh nghiệp. Nếu áp dụng theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thì quản trị doanh nghiệp nhà nước loại này vẫn là “bình mới, rượu cũ”. Do vậy, nên có quy định riêng, cụ thể trong Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2005 về quản trị doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá hoặc công ty hoá mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

- Phần lớn kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay là hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp một chủ (doanh nghiệp tư nhân) hoặc là công ty của gia đình. Hộ kinh doanh cá thể có sản xuất kinh doanh nhỏ, phần lớn không thực hiện ghi chép sổ sách kế toán đầy đủ, quản trị nội bộ kém. Vì vậy, việc tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể chuyển thành doanh nghiệp là rất cần thiết để khắc phục tính phi chính thức và từng bước thực hiện quản trị doanh nghiệp tốt hơn.

Doanh nghiệp một chủ và doanh nghiệp gia đình

thường chưa có sự phân biệt được quyền và trách nhiệm của ông chủ và người quản lý. Ở quy mô nhỏ, quản lý kiểu gia đình có thể phù hợp. Khi kinh doanh bắt đầu lớn lên, chủ doanh nghiệp phải đi thuê người quản lý thì bắt đầu cảm thấy lúng túng, không nhận dạng được nguy cơ người quản lý có thể xâm hại đến lợi ích của mình. Người quản lý có nhiều lợi thế: tiếp cận thông tin đầu vào, có kỹ năng phân tích, có thẩm quyền quyết định trong tay. Họ có thể dùng những công cụ đó để xâm hại đến lợi ích của chủ doanh nghiệp như làm méo mó thông tin đầu vào hay ký kết các hợp đồng tư lợi... Để hạn chế lợi ích của chủ doanh nghiệp có thể bị người quản lý xâm hại, chủ doanh nghiệp phải có quy định rõ trong hợp đồng ký với người quản lý theo hướng người quản lý phải trung thực với chủ doanh nghiệp, có chế tài cụ thể nếu người quản lý vi phạm. Chủ doanh nghiệp có thể mời tư vấn giúp mình soạn thảo hợp đồng.

*Thứ năm*, phát huy tinh thần doanh nghiệp<sup>1</sup>. Để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vai trò của doanh nghiệp cần được phát huy. Để thực hiện

---

1. Trần Văn Thọ, Giáo sư kinh tế học - Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản, *Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hoá Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

được vai trò này, doanh nghiệp, doanh nhân cần một tố chất quan trọng, đó là tinh thần doanh nghiệp (entrepreneurship).

Doanh nhân, người chủ doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp được xem là người có tinh thần kinh doanh nếu người đó có những đặc tính sau: *Trước hết*, đó là tìm kiếm và áp dụng cái mới, tinh thần luôn đổi mới để khám phá ứng dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, sản xuất bằng phương pháp mới, tìm kiếm thị trường. *Thứ hai*, thái độ tích cực đầu tư, tinh thần mạo hiểm, chấp nhận rủi ro. Thương trường vốn nhiều rủi ro, bất trắc, nếu không mạo hiểm thì không thể thành công. Tất nhiên, mạo hiểm không có nghĩa là làm liều, không tính toán. Phải có trí tuệ, có óc nhìn xa, trông rộng về tương lai và dựa trên những phân tích có căn cứ mới tránh được rủi ro. *Thứ ba*, ý thức mưu tìm lợi nhuận, chứ không phải mưu tìm đặc lợi. Mưu tìm đặc lợi là lợi dụng cơ chế xin cho để mua chuộc những người có chức, có quyền, qua đó tìm kiếm được những cái lợi mà không mất nhiều công sức trong kinh doanh. Người có tinh thần doanh nghiệp chỉ mưu tìm lợi nhuận chân chính và do đó hàm chứa tính cao thượng trong hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận chân chính là thành quả của nỗ lực khám phá công nghệ,

khám phá thị trường cho những sản phẩm mới, hoặc cải tiến quản lý. Người có tinh thần doanh nghiệp không màng đến cái lợi trước mắt, có hoài bão, lý tưởng, quyết tâm mang tài năng của mình làm giàu cho mình, cho cộng đồng và cho đất nước. *Thứ tư*, phải có đạo đức trong kinh doanh. Có thể nói, đạo đức kinh doanh là kết quả tổng hợp của ba yếu tố trên. Người có tinh thần doanh nghiệp là người yêu nước, được xã hội ngưỡng mộ, tin cậy và tôn vinh.

## KẾT LUẬN

Hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, kinh tế tư nhân đã phát triển rộng khắp trên cả nước. Kinh tế tư nhân bao gồm các hộ kinh doanh gia đình, cá thể, tiểu chủ và các doanh nghiệp của tư nhân ngày càng chứng tỏ là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế cả nước.

Bước đổi mới đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986) đề ra, kế đó là của Hội nghị Trung ương 6 khoá VI (1989), là thành quả tổng kết thực tiễn, tự chủ vận dụng sáng tạo tư tưởng Lênin về phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và quan hệ thị trường để xúc tiến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với Việt Nam. Chính sách mới của Đại hội VI, do phù hợp thực tế và ý nguyện của dân, đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo cơ sở lý luận và niềm tin mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân với sự nghiệp đổi mới, trong đó phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường đã

thành xu hướng không thể đảo ngược dù gặp không ít khó khăn, vướng mắc, thăng trầm. Trên thực tế, Đảng và Nhà nước ta đã, đang và sẽ xúc tiến mạnh mẽ quá trình lập pháp, tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển kinh tế thị trường nhiều thành phần nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng.

Đảng lãnh đạo đề ra những chủ trương, chính sách lớn, Nhà nước bằng công cụ pháp luật định hướng và điều tiết các mối quan hệ và giai cấp - xã hội, thông qua chính sách và pháp luật, Đảng và Nhà nước có đủ khả năng loại trừ sự tái xuất hiện quan hệ giai cấp bóc lột và bị bóc lột kéo theo mâu thuẫn đối kháng, hướng kinh tế tư nhân phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội là nền kinh tế - xã hội hoá chứ không phải là nền kinh tế công cộng hoá như quan niệm cũ. Công cộng hoá về sở hữu chỉ là một mặt của xã hội hoá. Chính với xu hướng xã hội hoá như vậy, có thể khẳng định đường lối phát triển nền kinh tế hàng hoá với ba hình thức sở hữu cơ bản (nhà nước, tập thể và tư nhân) tạo thành nền kinh tế nhiều thành phần với các loại hình doanh nghiệp đa dạng là chiến lược lâu dài, mà ngay từ bước đầu đã mang bản chất xã hội chủ nghĩa.

Hơn một thập kỷ qua kinh tế tư nhân ở nước ta đã

đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế (đến nay chiếm 38,5% GDP), huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, tăng ngân sách nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Cùng với các thành phần kinh tế khác, sự phát triển của kinh tế tư nhân đã góp phần giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đạt được kết quả trên là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng; khung pháp lý không ngừng hoàn thiện, môi trường kinh doanh ngày càng thông thoáng, thuận tiện và bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh tế; sự chỉ đạo thực hiện kiên trì của Chính phủ và các cấp, các ngành; nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời do yêu cầu của cuộc sống, với tiềm năng to lớn, sự năng động và tinh thần doanh nghiệp vốn có, vươn lên không cam chịu đói nghèo, hăng hái đầu tư vào sản xuất, kinh doanh làm giàu cho bản thân, cộng đồng và xã hội.

Kinh tế tư nhân nước ta hiện nay còn những hạn chế, yếu kém: phần lớn có quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý thấp, hiệu quả và sức cạnh tranh yếu, ít đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, tập trung



nhieu vào những ngành nghề đòi hỏi ít vốn, thời gian thu hồi vốn nhanh, chưa đủ sức đầu tư lâu dài; tính hợp tác, liên kết còn thấp; chưa thực hiện tốt chính sách đối với người lao động; một bộ phận doanh nghiệp vi phạm pháp luật như trốn lậu thuế, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép...

Nguyên nhân dẫn đến những yếu kém là: quan điểm của Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân nhiều năm chưa được làm rõ. Đại hội X của Đảng đã nhất trí cao đối với vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân là vấn đề cụ thể nhưng rất hệ trọng. Vì vậy cần tiếp tục nghiên cứu sớm đưa ra được quy định cụ thể để phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng. Một số cơ chế chính sách của Nhà nước chưa phù hợp với đặc điểm của kinh tế tư nhân, đại bộ phận có quy mô nhỏ và vừa; quản lý có phần buông lỏng và có những sơ hở, hạn chế việc thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển đúng hướng. Kinh tế tư nhân nước ta mới phát triển nên nhìn chung khả năng tích tụ, huy động vốn xã hội còn hạn chế, tính riêng rẽ, cá nhân của mỗi doanh nghiệp còn phổ biến, còn cạnh tranh không lành mạnh, chèn ép nhau.

Không thể nói chỉ kinh tế tư nhân là nguyên nhân gây ra những tiêu cực trong xã hội vừa qua, cũng không

thể xem đây là bản chất hư hỏng của kinh tế tư nhân, không thể khắc phục được. Cần khẳng định rằng, kinh tế tư nhân phát triển đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước sẽ góp phần rất tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế, hạn chế những khiếm khuyết của thị trường, giữ vững ổn định chính trị, xã hội của đất nước. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta có đầy đủ khả năng để phát huy mặt tích cực và hạn chế những tiêu cực của kinh tế tư nhân.

Mục tiêu đặt ra cho kinh tế tư nhân là giải quyết việc làm. Kinh tế tư nhân chiếm khoảng 90% tổng số lao động được giải quyết việc làm trong 5 năm 2006-2010. Tiếp theo là đầu tư của kinh tế tư nhân sẽ chiếm khoảng 30% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm 2006-2010.

Thực hiện được hai mục tiêu trên, kinh tế tư nhân sẽ đóng góp khoảng 1/3 mức tăng trưởng GDP cho thời kỳ 2006-2010.

Phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể ở những lĩnh vực phù hợp. Tăng thêm vốn và trình độ quản lý của những hộ kinh doanh nhỏ. Một bộ phận không ít các hộ sản xuất, kinh doanh sẽ phát triển chuyển thành doanh nghiệp.

Tăng nhanh số lượng doanh nghiệp mới, mở rộng và

phát triển theo chiều sâu những doanh nghiệp hiện có. Hình thành cho được một số doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh cao, tham gia các tập đoàn kinh tế mạnh do doanh nghiệp nhà nước làm nòng cốt. Đến năm 2010 sẽ có 50 vạn doanh nghiệp của tư nhân được đăng ký. Đến thời điểm đó, các doanh nghiệp của tư nhân sẽ trở thành nòng cốt của kinh tế tư nhân, trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng tỷ trọng doanh nghiệp của tư nhân hoạt động trong các ngành công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến. Khuyến khích họ tham gia những dịch vụ có giá trị gia tăng cao (ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, viễn thông...). Tăng cường sự tham gia vào các hoạt động công ích. Từng bước mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Để khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân theo đúng đường lối của Đảng, sự thống nhất quan điểm về phát triển kinh tế tư nhân có ý nghĩa quyết định. Đó là những quan điểm cơ bản đã được nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX. *Thứ nhất*, kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. *Thứ hai*, Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo

pháp luật, bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân; khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và định hướng, quản lý sự phát triển của kinh tế tư nhân theo pháp luật, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. *Thứ ba*, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cả người lao động và người sử dụng lao động. *Thứ tư*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp, các ngành, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trực tiếp và thông qua luật pháp, chính sách đối với khu vực kinh tế tư nhân.

Về mặt chính trị, phát triển kinh tế tư nhân chính là quán triệt chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng năm 1986 đến nay, đại đoàn kết được đặt ra và nhìn nhận trong hoàn cảnh xây dựng nền kinh tế từ đơn sở hữu chuyển sang đa sở hữu, hình thành nền kinh tế nhiều thành phần, các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Theo chủ trương và chính sách đó, kinh tế tư nhân đã có bước phát triển mới. Từ thân phận bị cải tạo đi đến xoá bỏ trong thể chế nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, nay những người chủ kinh tế tư nhân, cả kinh tế hộ gia đình và doanh nghiệp của tư nhân được quyền

tự do đầu tư, kinh doanh theo pháp luật, lớn mạnh cùng với sự thịnh vượng của đất nước. Tầng lớp doanh nhân trở thành một trong bốn trụ cột chính, cùng với công, nông, trí làm nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, cội nguồn sức mạnh của chúng ta.

Sự khẳng định của Đảng về vai trò của kinh tế tư nhân và tầng lớp doanh nhân đã đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân, hợp quy luật phát triển của thời đại, là một bước đột phá về quan điểm tư tưởng và lý luận có ý nghĩa lịch sử.

Chuyển đổi chức năng của Nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân. Thực hiện được sự chuyển biến về chức năng của Nhà nước từ quản lý vi mô sang quản lý vĩ mô, từ quản lý trực tiếp sang quản lý gián tiếp, từ quản lý theo Bộ sang quản lý theo ngành nghề, sẽ là cơ sở để thiết kế chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, thực hiện nghiêm chế độ công vụ, kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, công chức thoái hoá những nhiều, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Phải khẳng định rằng công chức là những người hưởng lương từ ngân sách (do dân đóng góp), được giao giữ một công vụ trong cơ quan nhà nước, thực hiện các chính sách của Nhà nước nhằm phục vụ lợi ích của dân, doanh nghiệp và của Nhà nước.

Trước yêu cầu phát triển kinh tế nhanh và bền

vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, việc đổi mới thể chế kinh tế phải nhằm mục tiêu tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của từng sản phẩm, từng ngành hàng, từng doanh nghiệp cho đến toàn bộ nền kinh tế.

Phải tiếp tục xoá bỏ thể chế kế hoạch tập trung quan liêu, giảm bớt đi đến xoá bỏ sự can thiệp trực tiếp của các cơ quan chức năng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện hoạt động quản lý theo phương thức gián tiếp, chủ yếu là bằng hệ thống quy phạm pháp luật, xoá bỏ cơ chế xin - cho. Vẫn phải hết sức chú trọng nội dung bảo hộ quyền tự do kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trong các văn bản quy phạm pháp luật. Chỉ có Quốc hội và Chính phủ (khi được Quốc hội giao) mới được ban hành các giấy phép kinh doanh và điều kiện kinh doanh.

Có quy hoạch đúng cả quy hoạch về phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất và quản lý được quy hoạch sẽ tạo điều kiện cho nhân dân và các tổ chức kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân thuận lợi trong việc lựa chọn lĩnh vực, địa bàn để đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Phát triển kết cấu hạ tầng theo quy hoạch là điều kiện quan trọng hàng đầu phục vụ cho đẩy mạnh công

nghiệp hoá, hiện đại hoá và sự phát triển sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế. Nhiệm vụ này đòi hỏi vốn đầu tư lớn, phải huy động mọi nguồn lực, trong đó phần quan trọng nhất phải dựa vào nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

Bên cạnh việc cải thiện môi trường chung cho đầu tư, kinh doanh, Nhà nước khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân bằng các chính sách hỗ trợ phát triển, chủ yếu trên mấy lĩnh vực: Giúp đỡ việc tạo mặt bằng sản xuất kinh doanh bằng chính sách đất đai và các điều kiện về kết cấu hạ tầng; vốn tín dụng; ứng dụng khoa học và công nghệ; hỗ trợ thông tin, tiếp thị; áp dụng các chính sách ưu đãi đối với các lĩnh vực, ngành nghề cần khuyến khích. Đi đôi với các chính sách khuyến khích và hỗ trợ, cần xúc tiến mạnh hơn chủ trương xoá bao cấp, giảm bảo hộ, kiểm soát độc quyền kinh doanh, tạo ra sức ép rất mạnh thúc đẩy doanh nghiệp phải vươn lên nâng cao sức cạnh tranh để tồn tại và phát triển, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX đã đề ra các giải pháp cơ bản công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn đến năm 2010. Đó là công tác quy hoạch, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ; các chính sách về đất đai, tài chính, tín dụng; lao động việc làm, thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá

trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này, nổi lên mấy chính sách cần được tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hoá:

Có cách làm mới xuất phát từ nhìn nhận người nông dân cũng phải được hưởng lợi của địa tô chênh lệch do chuyển quyền sử dụng đất mang lại, thông qua hợp đồng giữa nhà đầu tư và người nông dân.

Để giải quyết việc làm cho người nông dân, cần sớm hoàn thiện chính sách phát triển thị trường lao động nông thôn theo hướng khuyến khích phát triển mạng lưới trung tâm, văn phòng giới thiệu việc làm đa sở hữu. Một sáng kiến cần áp dụng ngay là: thay vì trả bằng tiền mặt bồi thường thiệt hại đất nông nghiệp, thì nay chuyển thành phiếu đào tạo nghề miễn phí cho nông dân tại các trung tâm dạy nghề.

Chính sách giải quyết mặt bằng sản xuất cho các làng nghề. Nên có chính sách cho phép chuyển đất nông nghiệp sang đất sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, trước hết là ở những nơi mà đất nông nghiệp ít còn quan trọng đối với nông dân.

Tiếp tục chuyển dịch mạnh hơn cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích gắn với cải thiện tốt hơn tỷ lệ toàn dụng lao động. Đồng thời phát triển các nghề phụ, khôi phục các làng nghề truyền thống, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ ở nông thôn để tạo thêm việc làm cho nông dân.



Nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ của kinh tế tư nhân, góp phần cùng với kinh tế nhà nước nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong cuộc đua tranh hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao hàm lượng quốc gia của hàng hoá, dịch vụ có ý nghĩa quyết định nâng cao sức cạnh tranh quốc gia.

Hình thành một lĩnh vực có sức cạnh tranh cao với hàm lượng quốc gia của sản phẩm lớn cần có thời gian và phải tính toán lợi thế cạnh tranh động, nếu chỉ dừng lại ở lợi thế cạnh tranh tĩnh, hiện có, thì sẽ không đạt được mục tiêu phát triển những lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, công nghiệp có sức cạnh tranh, dịch vụ liên quan có hàm lượng trí tuệ cao, cái mà các nước đang phát triển rất cần có để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trở thành nước công nghiệp phát triển.

Thực hiện liên doanh, liên kết giữa kinh tế tư nhân với nhau, giữa kinh tế tư nhân với các doanh nghiệp nhà nước bắt nguồn từ đặc điểm, nhu cầu tồn tại và phát triển của bản thân mỗi tổ chức kinh tế cũng như của toàn bộ nền kinh tế.

Liên doanh, liên kết, theo kinh nghiệm của nhiều địa phương và cơ sở, có thể nêu ba loại như sau: Liên doanh, liên kết để giải quyết đầu vào, đầu ra cho doanh nghiệp; liên doanh, liên kết để góp phần tạo vốn cho

doanh nghiệp và liên doanh, liên kết để trao đổi thông tin, sử dụng dịch vụ tư vấn.

Phát triển các hình thức hợp đồng. Chuyển từ thể chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu sang thể chế kinh tế thị trường, một mặt quan trọng cũng là chuyển từ quan hệ kinh tế - xã hội từ chỗ là quan hệ lệ thuộc về hành chính sang quan hệ hợp đồng bình đẳng.

Hiện nay, loại hình hợp đồng giữa các tổ chức kinh tế với nông dân, là một nội dung quan trọng cần được đặc biệt quan tâm nhằm thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Hình thức hợp đồng ở mức cao là gắn bó sản xuất, chế biến và tiêu thụ ngay trong một doanh nghiệp. Hình thức phổ biến có thể áp dụng rộng rãi là hợp đồng giữa nông dân với các tổ chức kinh tế tư nhân chế biến và tiêu thụ.

Trong xã hội dân sự, có nhiều loại hình tổ chức thu hút, tập hợp người dân vào việc giải quyết những công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đời sống của người dân - những công việc mà Nhà nước làm sẽ không có hiệu quả bằng cách để nhân dân hoặc các doanh nghiệp tự làm. Những tổ chức đó có thể gọi chung là các tổ chức phi chính phủ, trong đó có các hiệp hội doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp là một hình thức tổ chức do doanh nhân tự nguyện lập ra

để cùng nhau trao đổi ý kiến, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cộng đồng, thương thảo những công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của doanh nghiệp (như thị trường, giá cả), hỗ trợ nhau cùng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp; hiệp hội cũng đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước, phát biểu những ý kiến phản hồi, những sáng kiến góp vào việc chế định các quy phạm pháp luật quản lý nhà nước.

Về phía Nhà nước, cần tạo cho cơ quan nhà nước thói quen làm việc với các hiệp hội doanh nghiệp, tôn trọng tiếng nói của đại diện cộng đồng doanh nghiệp, cùng hiệp hội tổ chức những cuộc đối thoại thẳng thắn về những vấn đề liên quan đến sản xuất kinh doanh, giải quyết các vấn đề xuất phát từ thực tế cuộc sống, tạo thuận lợi đến mức cao nhất cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh đồng thời bảo đảm sự quản lý cần thiết của Nhà nước. Cần nghiên cứu quy định một hành lang pháp lý rõ ràng cho sự thành lập và hoạt động của hiệp hội, trong đó quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của hiệp hội, mối quan hệ giữa hiệp hội với cơ quan nhà nước.

Để khuyến khích phát triển thật nhiều doanh nghiệp hơn nữa, Chính phủ đang chú trọng đẩy mạnh

cải cách hành chính trong việc thực hiện các trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh cũng như thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong suốt quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vừa khuyến khích kinh tế tư nhân yên tâm đầu tư, vừa bảo đảm sự quản lý cần thiết của cơ quan nhà nước theo Luật Doanh nghiệp.

Phát huy dân chủ, làm cho bộ máy gần dân, gần doanh nghiệp: Cùng với việc công khai các văn bản pháp quy, các chủ trương, chính sách, các thủ tục hành chính có quan hệ với dân, phải mở rộng và đổi mới hình thức bảo đảm cho dân tham gia ý kiến ngay từ khi chuẩn bị đến triển khai các chính sách quan trọng, các quyết định có quan hệ tới lợi ích của số đông, trong đó có kinh tế tư nhân.

Đổi mới một cách cơ bản quy trình soạn thảo, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật. Cần khắc phục tình trạng văn bản pháp quy không thể hiện đầy đủ đường lối đổi mới, vẫn còn níu kéo cơ chế xin - cho, lại không nhất quán giữa các văn bản, không sát với yêu cầu của cuộc sống, còn chông chéo về nội dung và đặc biệt nghiêm trọng là có những cơ quan chủ trì việc soạn thảo đã cố tình đưa vào trong văn bản các điều khoản có lợi ích cục bộ cho ngành mình, đẩy khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải xây dựng cho mình chiến lược

kinh doanh hợp lý trong từng thời kỳ, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, khả năng thích ứng với thị trường. Doanh nghiệp phải đặc biệt coi trọng hơn nữa đầu tư cho việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Để cao văn hoá trong kinh doanh, xây dựng truyền thống và uy tín của doanh nghiệp là việc làm không thể thiếu được, giúp cho doanh nghiệp thành đạt trên thương trường. Quản trị doanh nghiệp tốt sẽ mang lại hiệu quả cao cho nhà đầu tư, nhiều lợi ích khác cho các thành viên khác trong doanh nghiệp. Phát huy tinh thần doanh nghiệp. Người có tinh thần doanh nghiệp không màng đến cái lợi trước mắt, có hoài bão, lý tưởng, quyết tâm mang tài năng của mình làm giàu cho mình, cho cộng đồng và cho đất nước. Người có tinh thần doanh nghiệp là người yêu nước.

Chúng ta tin tưởng rằng, với đường lối, chính sách, pháp luật đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự điều hành có hiệu lực và hiệu quả của Chính phủ và chính quyền các cấp, sự hưởng ứng của đông đảo các tầng lớp nhân dân, kinh tế tư nhân nhất định sẽ tiếp tục có bước phát triển mạnh và vững chắc hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần quan trọng cùng với kinh tế nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đưa nước ta ra khỏi nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp vào năm 2010 và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

6. Ban Kinh tế Trung ương: *Báo cáo về tình hình và phương hướng, giải pháp phát triển kinh tế tư nhân*, Hà Nội, 2001.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Báo cáo Chính phủ kết quả kiểm tra thi hành Luật Đất đai*, Hà Nội, tháng 11 năm 2005.

8. Bộ Tài chính: *Phương hướng, giải pháp tài chính đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước đến năm 2010*, báo cáo do Thứ trưởng Bộ Tài chính trình bày tại Hội nghị sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước toàn quốc, Hà Nội, ngày 15-16 tháng 3 năm 2004.

9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010*, Hà Nội, tháng 9 năm 2005.

10. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Báo cáo tóm tắt 4 năm thi hành Luật Doanh nghiệp*, Hà Nội, tháng 11 năm 2003.

11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Báo cáo ba năm thực hiện Nghị định 90/2001 ngày 23 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa (tài liệu Hội nghị Chính phủ ngày 19 tháng 8 năm 2005)*.

12. Ban Chỉ đạo điều tra lao động - việc làm Trung ương: *Công bố điều tra lao động - việc làm năm 2005*, ngày 17 tháng 11 năm 2005 tại Hà Nội.

13. Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế: *Tài liệu tham khảo về chính sách phát triển kinh tế ngoài quốc doanh và công nghiệp kỹ thuật cao của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa*, Hà Nội, 2005.

14. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2004*, Hà Nội, 2005.

15. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương: Thông tin chuyên đề “Diễn biến của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ nay đến 2010”, số 1-2005.

16. Viện Kinh tế Nông nghiệp: Bản tin Nông nghiệp số 7 năm 2005, Phát triển nông nghiệp, nông thôn trong quá trình cải cách và công nghiệp hoá của Việt Nam.

17. GS. Nguyễn Đức Bình - GS.PTS. Trần Ngọc Hiên - GS. Đoàn Trọng Truyền - Nguyễn Văn Thảo - PGS.PTS. Trần Xuân Sâm (Đồng chủ biên): *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.

18. Chương trình phát triển kinh tế tư nhân MPDF/IFC và Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bản tin Môi trường kinh doanh, số 10 (13) tháng 10 năm 2005, Quản trị kinh doanh tốt: Cơ sở cho phát triển bền vững. Chương trình phát triển kinh tế tư nhân MPDF, một chương trình được điều hành bởi Công ty Tài chính quốc tế (IFC), bộ phận chuyên về kinh tế tư nhân của tập đoàn Ngân hàng Thế giới và được tài trợ bởi nhiều nước và tổ chức.

19. Điền Kỷ Vân (Ủy viên Bộ Chính trị khoá XV Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó chủ tịch Đại hội đại



biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc): Mạnh dạn phát triển kinh tế dân doanh, đi con đường dân giàu, nước mạnh.

20. Nick Freeman, Nguyễn Văn Làn, Nguyễn Hạnh Nam, chuyên đề nghiên cứu kinh tế tư nhân, số 20 năm 2005, “Đánh giá thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam, con số và thực trạng”, MPDF/IFC, chương trình phát triển kinh tế tư nhân.

21. TS. Nguyễn Sỹ Dũng: “Thịnh vượng sẽ đến nhanh hơn, nếu...”, Báo *Tuổi trẻ*, ngày 13 tháng 10 năm 2005.

22. Trần Văn Thọ, GS. kinh tế học, Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản: *Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hoá Việt Nam*, Hà Nội, 2005.

23. Xiaolin Xia và Yang Yao (Viện Nghiên cứu kinh tế Trung Quốc, tài liệu phục vụ Hội thảo về kinh tế tư nhân Trung Quốc do Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương tổ chức, Hà Nội, 2002): “Khu vực kinh tế tư nhân của Trung Quốc, chính sách, quá trình phát triển và những trở ngại”.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Mở đầu	7

### *Chương I*

#### **Hình thành và phát triển kinh tế tư nhân**

##### **ở Việt Nam**

	13
1. Cơ sở lý luận và thực tiễn cho sự phát triển kinh tế tư nhân	13
2. Nhận dạng và dự báo xu hướng phát triển	23
3. Vai trò định hướng, điều tiết của chính sách và pháp luật	30
4. Khả năng định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nước ta	46

### *Chương II*

#### **Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân**

##### **ở nước ta hiện nay**

	55
1. Quá trình hình thành và phát triển	55
2. Những mặt được	62

3. Những khó khăn, yếu kém và bài học kinh nghiệm	70
---	----

### *Chương III*

<b>Kinh nghiệm của Trung Quốc và những vấn đề rút ra cho Việt Nam</b>	82
---	----

1. Quá trình phát triển kinh tế tư nhân của Trung Quốc	83
2. Đóng góp của kinh tế tư nhân cho nền kinh tế	88
3. Chính sách và những tranh cãi trong hơn 20 năm qua	90
4. Những vấn đề tồn tại cần tiếp tục giải quyết	100
5. Kinh nghiệm cho Việt Nam	109

### *Chương IV*

<b>Mục tiêu, quan điểm và một số chính sách, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay</b>	111
--	-----

1. Mục tiêu	111
2. Quan điểm	116
3. Một số chính sách, giải pháp	123
<b>Kết luận</b>	177

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**TRỊNH THỨC HUỠNH**

Chịu trách nhiệm nội dung:

**TS. HOÀNG PHONG HÀ**

Biên tập nội dung: **TS. TRỊNH ĐÌNH BẢY**

**PHẠM TÔ MINH**

**PHÍ NGỌC NỘI**

Biên tập kỹ, mỹ thuật: **XUÂN BÌNH**

Trình bày bìa: **PHƯƠNG MAI**

Chế bản vi tính: **PHẠM THỊ XUÂN BÌNH**

Sửa bản in: **NGUYỄN THỊ BÍCH**

Đọc sách mẫu: **NGUYỄN THỊ BÍCH**

---

In 540 cuốn, khổ 13x19 cm, tại Nxb. Chính trị quốc gia.  
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 159-2006/CXB/563-474/CTQG.  
Quyết định xuất bản số: 233-QĐ/NXBCTQG, ngày 21-7-2006.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2006.